

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

宣化上人開示錄

Khải Thị

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KHAI THỊ - QUYỂN I



Nam Mô
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

---o0o---

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

KHAI THỊ

QUYỂN I

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HÀ NỘI – PL. 2549 – DL. 2005

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Thực hiện

Địa chỉ liên hệ : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q.3, TPHCM

ĐT : 08.8469721



Lão Hòa Thượng Tuyên Hóa

*Phổ độ với lòng từ bi cứu kẻ tin tâm thành chánh giác.
Giữ lòng ngay, sửa lỗi lầm, lay Ngài được phước ngộ vô sanh.*

TÓM TẮT TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Hòa Thượng Tuyên Hóa, pháp danh An Từ, tự Độ Luân, là vị truyền thừa thứ chín của phái Quy Ngưỡng Thiền Tông, do đức pháp tử Lão Hòa Thượng Hư Vân. Ngài sanh vào cuối đời nhà Thanh, tại huyện Song Thành, tỉnh Kiết Lâm, Mãn Châu. Năm 19 tuổi, sau khi mẹ Ngài tạ thế, Ngài liền xuất gia, kết am tranh bên cạnh mộ mẹ để thủ hiếu ba năm. Trong suốt thời gian ấy, Ngài tu thiền định, tập giáo quán, nghiêm thủ công hạnh ăn ngày một bữa, đêm ngủ ngồi.

Năm 1948, Ngài đến Hương Cảng thành lập Phật Giáo Giảng Đường, và những đạo tràng khác. Năm 1962, Ngài mang Chánh Pháp đến Tây Phương; tại Mỹ quốc, Ngài khai triển hơn mười bộ Kinh Đại Thừa, sáng lập Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, Vạn Phật Thánh Thành, Học Viện Dịch Kinh Quốc Tế, cùng Đại Học Pháp Giới, Trường Tiểu học Dục Lương, trường Trung học Bồi Đức, và nhiều

đạo tràng cũng như những trung tâm giáo dục khác.

Với tinh thần quên mình vì người, cả đời Ngài đã tận tụy hy sinh cho chúng sanh. Với lòng từ bi và trí huệ, Ngài đã cảm hóa biết bao người đổi ác làm lành, hướng đến con đường thanh tịnh giác ngộ.

Ngày 7 tháng 6, năm 1995, Ngài thị hiện viên tịch tại Los Angeles, Mỹ Quốc. Sự ra đi của Ngài, giống như mặt trời khuất bóng, khiến ai cũng thương cảm thống thiết. Song dù Ngài thị tịch, nhưng những điều Ngài dạy, gia phong và qui củ thì tiếp tục lưu truyền.

MƯỜI TÁM ĐẠI NGUYÊN CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lấy Hòa Thượng Thường Tri làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

*“Kính lạy mười phương Phật,
Cùng với Tam Tạng Pháp,
Quá khứ, hiện tại Hiền Thánh Tăng,
Nguyện rửa lòng các chứng:
Đệ Tử Độ Luân,
Thích An Từ,
Con nay phát tâm rằng:
Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người,
Cùng Thanh Văn, Duyên Giác,
Cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa.
Duy nương Tối Thượng Thừa*

mà phát Bồ Đề tâm.

Nguyên cùng Pháp Giới chúng sinh,

Nhất thời đồng đắc

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề”.

1. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
2. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
3. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
4. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
5. Nguyên rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
6. Nguyên rằng nếu có một vị Trời, Người, A tu la chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.

7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi thể không thủ Chánh Giác.
8. Nguyên rằng trong thế giới loài Ngạ Quỷ, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thể không thủ Chánh Giác.
9. Nguyên rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thể không thủ Chánh Giác.
10. Nguyên rằng trong tam Giới, nếu những kẻ từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A tu la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi thể không thủ Chánh Giác.
11. Nguyên rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.
12. Nguyên rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.
13. Nguyên rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phập Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.

14. Nguyện rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.
15. Nguyện rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.
16. Nguyện giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.
17. Nguyện trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhân, Lục Thông, và phi hành tự tại.
18. Nguyện tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.

Cuối cùng:

“Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành”.

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu tâm dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen rồi chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng Trạch Pháp Nhân để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại Đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch của mình.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng đắn.

MỤC LỤC

PHẬT PHÁP LÀ THỰC HÀNH	
KHÔNG PHẢI CHỈ NÓI SƯƠNG	15
CHÚ ĐẠI BI TIÊU TRỪ TAI NẠN	20
CỰC LẠC THẾ GIỚI Ở NGAY TRƯỚC MẮT	24
SÁM HỐI TỨC LÀ CÁI QUÁ TỰ TÂM	29
XÚI NGƯỜI KHÁC LÀM ÁC	
TỘI MÌNH TĂNG GẤP BA	36
TU HÀNH CÓ BỐN GIAI ĐOẠN	44
THỨC KHUYA DẬY SỚM, VÌ AI MÀ BẬN RỘN ?	48
NIỆM PHẬT GIỐNG NHƯ GỌI ĐIỆN THOẠI	54
ĐỪNG CHỜ ĐẾN LÚC KHÁT MỜI ĐÀO GIẾNG	61
NIỆM DANH HIỆU BỎ TẮT	
CÓ THỂ MINH TÂM KIẾN TÁNH	69
CHÚNG SINH VÔ BIÊN THỂ NGUYÊN ĐỘ	73
HỌC PHẬT CẦN PHẢI TƯ GIỚI, ĐỊNH, HUỆ	77
GIA PHONG CỦA KIM SƠN THÁNH TỰ	80
HỌC PHẬT CẦN CÓ CHÂN TÂM	84
ỨNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỲ TÂM	88
TRÍ HUỆ QUANG MINH TỬ VÔ LẬU	91
TU ĐỨC TẠO NGHIỆP	94
VẠN VẬT ĐỀU NÓI PHÁP CHO MÌNH	97
ĐỪNG CHỜ TỚI LÚC GIÀ MỚI HỌC ĐẠO	101
TÌNH ÁI VÀ DỤC VỌNG LÀ TẢNG ĐÁ	
BUỘC CHÂN NGƯỜI TU ĐẠO	104
HÃY NỔ LỰC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI	108
ĐÁ THIỀN THẬT PHẢI KHẮC KỶ THỦ CHỨNG	115

LÀM VỪA ĐÚ LÀ TRUNG ĐẠO	138
PHẬT PHÁP RẤT BÌNH ĐẲNG	144
ĐẠI THIÊN ĐẠI ÁC VƯỢT RA NGOÀI SỐ MẠNG	146
XIN BỎ TẤT LÀM TIÊU ĐỘC CHO TOÀN CẦU	150
PHẬT PHÁP LÀ GÌ ?	155
VÔ QUI CÚ BẤT THÀNH PHƯƠNG VIÊN	161
KHI ĐẮM TRƯỚC HƯƠNG VỊ THIÊN THÌ MỌI CHUYỆN ĐỀU SAI LẦM	165
ĐẠO TRĂNG TỐT KHÓ TÌM	170
NỖI BẤT HẠNH CỦA CỬA PHẬT	180
KIỆP SAU MUỐN LÀM "LIÊN THỂ ANH"	182
THAM THIÊN : TRƯỚC TIÊN CẦN XÂY NỀN TẢNG	184
TÁNH, THỨC, Ý, TÂM	194
THẬT ĐAU LÒNG CHO NỀN GIÁO DỤC HIỆN TẠI	197
THAM THIÊN CẦN CÓ CON MẮT BIẾT CHỌN PHÁP	200
ĐẮC NHẤT VẠN SỰ TẤT	204
LỤC ĐẠI TÔNG CHỈ TỨC LÀ NGŨ GIỚI	213
BIỂU HIỆN CỦA ĐỨC HẠNH	219
THIÊN THẤT HỐI NGŨ	229
VIÊN MẠN MƯỜI TUẦN THIÊN	233
MƯỜI PHÁP GIỚI KHÔNG NGOÀI MỘT NIỆM TÂM	235
THAM HƯƠNG THỌ THÍ CẦN GÌ XUẤT GIA	274
NGƯỜI XUẤT GIA PHẢI TỤNG BA BỘ KINH	279
BỐN ĐẠO TRĂNG Ở TÂY PHƯƠNG : MỸ VÀ GIAI NẢ ĐẠI	282
XUẤT GIA LÀ CHUYỆN CỦA BẬC ĐẠI TRƯỞNG PHU	285
PHẬT TÁNH LÀ GỐC NGUỒN CỦA MỌI CHÚNG SANH	288
HỒI HƯỚNG	293

KỆ KHAI KINH

Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp.
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì.
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

* * *

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu.
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng.
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

PHẬT PHÁP LÀ THỰC HÀNH, KHÔNG PHẢI CHỈ NÓI SƯÔNG

Đạo đức là căn bản làm người.
Một khi có đạo đức rồi, chúng ta mới có thể đứng vững được.

Ngày đêm như tên bắn, năm tháng như thoi đưa. Sóng trên sông, ngọn sau đẩy ngọn trước, cảnh đẹp mau tàn. Đời người tuổi trẻ qua nhanh, chẳng mấy chốc sẽ già chết hủ diệt, không lưu lại dấu vết, đủ thấy mọi thứ thật vô thường.

Do mọi thứ vô thường nên mình phải mau tìm nơi quy túc. Quý vị rất là may mắn, sau khi tìm tòi truy đuổi, cuối cùng đã có lòng tin Phật. Tin Phật thì mình mới đến được chỗ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; tức cái vui rốt ráo nhất. Do đó mình phải tin Phật. Nhưng tin suông chưa đủ, mình phải y theo Pháp mà tu hành. Nếu tin mà không tu thì cũng như bàn

chuyện ăn cơm, hay đếm giùm tiền người, mà mình thì chẳng thấy no, hoặc chẳng giàu thêm. Cho nên người xưa có nói :

Đạo thì yếu hành,
Bất hành tắc yếu đạo hà dụng ?
Đức thì yếu tu,
Bất tu tắc đức tòng hà lai ?

Dịch là :

*Đạo phải hành,
Không hành sao gọi là đạo.
Đức do tu,
Không tu đức sao thành.*

Thế nên mình phải "*cung hành thực tiến*", thật sự tu hành. Thường đem hai chữ sinh tử treo giữa đôi mày và hai chữ "đạo đức" đập dưới chân ? Nói ra nghe có vẻ khó hiểu. Tại sao lại đem "đạo đức" đập dưới chân ? Vì đạo đức là gốc làm người, ví như là gốc của cây. Có đạo đức thì mình mới đứng vững, còn ngược lại, không có đạo đức thì mình như cây chẳng có gốc, không sao đứng vững đặng. Mình cần đem đạo đức ra thực hành thì nhân cách mới vững vàng, mọi sự mình làm tự nhiên

sẽ thành công. Cho nên ; "*Đạo đức nhị tự, thị tổ nhân căn bốn*". Tức là đạo đức là căn bốn làm người. Sách Luận Ngữ nói : "*Quân tử vu bốn, bốn lập nhi đạo sanh*". Tức là bậc quân tử chú trọng đến cái gốc, khi gốc vững thì Đạo phát sinh. Chăm lo cái gốc thì mới sinh được đạo. Đó là lời minh huấn của cổ nhân.

Như đã nói lúc này, thời gian trôi nhanh như tên bắn mà ta nào hay. Chuyện quá khứ đã qua thì đành vậy, song chuyện tương lai, mình cần phải lập ra tông chỉ, không thể để nó trôi qua một cách mê mờ được.

Tông chỉ của chùa Tây Lạc Viên là đề xướng Pháp môn Tịnh độ; chủ trương tinh tấn niệm Phật. Thường lệ mỗi năm vào ngày 19 tháng 6 và ngày 17 tháng 11 âm lịch thì chùa cử hành Pháp hội Quán Âm và Thất Di Đà. Song quý vị không thể chỉ tham gia cho có lệ thôi. Năm nay phải tinh tấn hơn năm trước, lúc nào cũng phải chuyên tâm, trong bảy ngày này, mỗi giờ, mỗi phút đều phải siêng năng niệm danh hiệu Bồ Tát mà không biết mỏi mệt.

Khi niệm Bồ Tát, mình chờ mong Bồ Tát

niệm mình. Tại sao vậy ? Vì trong thời gian đả thất, nếu mang danh là tham gia đả thất mà mình không siêng năng niệm hồng danh, lòng lại đầy tạp niệm thì chỉ làm cho đức Bồ Tát đại từ đại bi sẽ thấy tội nghiệp : Rằng mình đã không thành tâm đả thất, rằng mình thật đáng thương xót. Cho nên đại chúng phải khẩn thiết thành tâm mà niệm và phát lòng từ bi hỷ xả. Được như vậy tôi khẳng định rằng Bồ Tát chắc chắn sẽ gia hộ cho quý vị.

Xưa nay, Tây Lạc Viên chưa từng phát thiệp mời đả thất, mà là đại chúng tự nguyện phát tâm đến dự. Tinh thần tự động phát tâm như vậy rất tốt, đáng được tuyên dương. Song mình đừng để sự chân thành này bị lãng phí, mà phải phát nguyện niệm cho tới khi *"thủy lạc, thạch xuất"*, nghĩa là nước cạn, đá lộ ra. Niệm đến lúc Bồ Tát hiện thân thân thuyết Pháp. Vậy mới không uổng công tham gia đả thất.

Hôm nay là ngày đầu tiên của Pháp hội. Tôi chúc quý vị năm nay sẽ gặt hái được nhiều thành quả. Ngược lại, tôi sẽ thanh toán món nợ này với quý vị. Nếu món nợ này tính

không xong, thì đừng hối hận ! Thôi được rồi, tôi không nói đùa với quý vị nữa, hãy niệm nhiều danh hiệu Bồ Tát là hơn !

*Giảng ngày 13 tháng 6 năm 1958,
nhân dịp lễ Quán Âm Thất
Tây Lạc Viên, Hồng Kông*



CHÚ ĐẠI BI TIÊU TRỪ TAI NẠN

Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày.
Giống như người uống nước,
Lạnh hay nóng chỉ tự mình biết.

Ngay trong lúc thời tiết nóng bức tốt độ mà quý vị không sợ nóng cũng chẳng sợ đường xa núi cao, tới đây tham gia đả thất thì như vậy có điều gì lợi chăng ? Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày. Giống như người uống nước, lạnh hay nóng chỉ tự mình biết. Duy người có tâm chân thật mới lãnh hội được sự diệu kỳ.

Làm thế nào để thu hoạch được điều lợi ích này ? Không gì khác hơn là thành tâm niệm danh hiệu Bồ tát. Chân tâm tức là chuyên tâm vậy. Cho nên nói : *"Chuyên nhất tất linh, phân chi tất trệ"* Tức là chuyên nhất thì linh ứng, phân chia thì bế tắc. Khi tâm chuyên nhất, tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao. Sự cảm ứng đạo giao vốn không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, tự mình phải dụng công mới

được, người khác không thể làm thay mình
đặng, lại càng không thể cầu may mà được.

Giống như "nói về chuyện ăn cơm hay
đếm tiền giùm kẻ khác". Có kẻ thường hay đề
cập đến những thứ dinh dưỡng thế này thế nọ,
nhưng tự họ chẳng hề ăn, thì đồ ăn dù có bổ
dưỡng cách mấy đi nữa họ cũng không thể
tận hưởng được. Cho nên nói :

Chung nhật sở tha bảo, tự vô bán tiền
phần.

Y pháp bất tu hành, kỳ quá diệc như thị.
Dịch là ;

*Suốt ngày đếm tiền người, tự mình không
một xu.*

*Học pháp không tu hành, lỗi lầm cũng
như vậy.*

Mình niệm Phật cũng thế. Không phải
hiếu biết hay bàn luận về công đức niệm Bồ
tát là đủ; phải thật sự niệm đến chỗ nhất tâm
bất loạn; thậm chí đến độ nước chảy, gió thổi
mà tai mình cũng chỉ nghe tiếng danh hiệu Bồ
tát mà thôi. Cho nên nói :

Hữu tình, vô tình,

Đồng diễn Ma ha diệu pháp.

Dịch là :

Loài hữu tình hay vô tình,

Đều nói diệu pháp đại thừa.

Nếu mình không thể niệm tới chỗ nhất tâm bất loạn thì gió có thổi vì vu, nước có chảy róc rách, mình cũng chẳng tài nào cảm nhận được sự kỳ diệu của nó. Cho nên mình phải thành tâm niệm và đừng để vọng tưởng lôi kéo thì mới gặt được lợi ích của Pháp.

Khi đã thất, quý vị phải tôn trọng qui củ của thất. Bởi vì "*Vô qui củ bất năng thành phương viên*". Tức là không có qui củ thì không thành phương viên. Qui củ của Tây Lạc Viên là không nói năng ồn ào để tránh làm chướng ngại kẻ khác tu hành.

Trong thời gian bảy ngày này, chúng ta còn niệm thêm Chú Đại bi. Công đức của Chú Đại bi rất khó nghĩ bàn. Nếu người không có thiện căn, thì họ khó nghe đặng ba chữ "Chú Đại bi". Bây giờ đại chúng không những đã được nghe mà lại còn thọ trì đọc tụng, đủ biết quý vị có đầy đủ thiện căn rồi. Nếu đã có thiện căn, quý vị không nên coi thường và đừng để kiếp sống này trôi qua một cách lãng phí.

Tôi còn nhớ khi Chùa Tây Lạc Viên đã thất lần đầu tiên, trong mười vị cư sĩ thì tám, chín vị chẳng thể niệm được Chú Đại bi. Nhưng nay, mười người thì có đến tám người có thể niệm được. Đây chứng tỏ rằng sự tiến bộ của các vị cư sĩ.

Kinh Đại Bi Tâm Đà la ni dạy rằng : "Kể tụng trì Chú Đại bi có thể tiêu trừ tai nạn : Lửa không thiêu được, nước chẳng chìm đắm". Bởi thế, tôi khuyên các vị mỗi ngày trì tụng tối thiểu ba lần. Nếu vị nào chưa biết niệm thì mau mà học. Công đức trì tụng Chú Đại bi không những có thể đẩy lui trộm cướp, mà còn tiêu trừ trăm bệnh, thoát khỏi sự quấy rối của chư ma. Cho nên các vị nên thành tâm tụng trì.

Hôm nay là ngày bắt đầu đả thất, bầu không khí của pháp hội rất phấn khởi và nghiêm trang. Tôi hy vọng các vị nỗ lực, ra công tinh tấn.

*Giảng trưa ngày 13 tháng 6 năm 1958
tại Tây Lạc Viên, Hồng Kông.*

CỰC LẠC THẾ GIỚI Ở NGAY TRƯỚC MẮT

Chỉ cần nỗ lực tinh tấn,
Thì mình có thể "Trở Về".

Quy khứ lai hề.
Điền viên tương vu hồ bất quy.
Ký tự dĩ tâm vi hình dịch.
Hề trù trưởng nhi độc bi.
Ngộ dĩ vãng chi bất gián.
Tri lai giả chi khả truy.
Thật mê đồ kỳ vị viễn.
Giác kim thị nhi tạc phi.

Dịch là :

*Về đi chứ !
Ruộng vườn hoang phế, sao chẳng về !
Tâm bị hình dọa, tỏ đã lâu.
Sao còn sầu muộn, than với lòng ?
Lỗi xưa chưa sửa, nay đã thấu.
Mới biết tương lai còn đuổi kịp.*

Ấy thật đường mê, chữa dần sâu.

Rõ ràng : Nay đúng, xưa sai xấu.

Bài thơ trên do ông Ngũ Liễu (Đào Uyên Minh) sáng tác. Nhưng chẳng biết nhà thơ có thật sự liễu ngộ được ý nghĩa thâm sâu của lời thơ chăng ? Bởi lẽ nếu lấy Phật pháp mà soi xét thì bài thơ trên vô cùng khế lý.

Sao gọi là "*Quy khứ lai hể ?*" Chúng ta đã biết tự tánh Pháp thân là chốn thường tịch quang của mười phương chư Phật. Kinh viết : "*Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh*". Bản tánh của ta và của Phật vốn không có gì khác biệt. Nếu không như vậy, sao nói là "*đều có Phật tánh*". Nay chúng ta không ngộ được Phật tánh bởi do trần lao ngũ dục của thế giới Ta bà này làm ta ô nhiễm. Bởi bội giác hợp trần, nên ta chẳng hiểu ngộ tự tâm, chẳng thấy suốt được bốn tánh.

Tuy nhiên, ta không thể diên đảo trầm luân mãi được. Ta phải phản bản hoàn nguyên, bội trần hợp giác. Đó chính là "*Quy khứ*". Nghĩa là mình phải khôi phục lại bản lai diện mục vậy. khi nương tựa vào nguyện lực của Phật Bồ tát, nhờ công đức tụng niệm hồng

danh của Ngài mà ta sinh Tịnh độ. Đó cũng gọi là "*Quy khứ*".

Khi đã ngộ tự tâm, sinh Tịnh độ rồi, ta cần phát đại nguyện : "*Đạo giá từ hàng*", nghĩa là lái chiếc thuyền từ bị trở lại độ chúng sinh tới bờ an lạc. Đó gọi là "*lai*", tức là *Trở Về*.

Thế nào là "*Điền viên tương vũ hồ bất quy ?*" Điền tức là ruộng, là ruộng tâm. Khi ta chẳng tu tâm, để mặc cho tạp niệm phát sanh thì cũng giống như ruộng vườn đầy cỏ dại vậy. Ruộng tâm trở thành hoang dã. "*Mao tắc bất khai*", cỏ dại đầy đây, không nhổ sạch được, thì ta không cách gì phản bổn hoàn nguyên minh tâm kiến tánh được.

"*Hồ bất quy*" là lời của chư Phật mười phương và các vị Thánh nhân. Các Ngài ân cần dạy dỗ chúng ta rằng : "Chúng sinh ngu độn đáng thương thay ! Các con vì sao không mau quay đầu trở về bến ?"

"*Tâm vi hình dịch*" nghĩa là tâm bị thân thể điều khiển và ý nói rằng chúng sinh vì chấp trước lục trần nên chẳng ngộ được tự tâm, luôn luôn bị cảnh trần chi phối nên vì cuộc sống mà lăng xăng, vì danh lợi bất kể

sinh mạng, lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, thọ vô số khổ đau. Thật là ngàn thu bi thương, khổ không thể nói hết. Đó chính là ý nghĩa của câu "*Trù trưởng như độc bi*".

Thế thì, phải chăng chúng sinh mình không có thuốc cứu ? Phải chăng vĩnh viễn đọa nơi hố thăm lục đạo luân hồi ? Tuyệt đối không phải. Tuy trước kia mình phạm lắm lỗi, song nhìn về tương lai vẫn còn hy vọng. Nên biết "*Tri lai giả chi khả truy*", biết tương lai còn đuổi kịp, còn cứu vãn được.

Trong tương lai, chúng ta càng không nên giống như dĩ vãng, bỏ giác ngộ, theo bụi trần, tâm làm nô lệ cho thân. Xưa kia mình không tin nhân quả, không siêng tu hành, tạo nghiệp, sát sinh v.v... đều là những việc sai lầm. Như hôm nay đả thất niệm Phật là việc đúng. Nên chúng ta "*Giác kim thị nhi tạc phi*", nghĩa là "Hiểu được hôm nay đúng, hôm qua sai". Đối với việc tốt thì phải duy trì, đối với việc xấu thì phải lập tức hết lòng hối cải. Cổ nhân nói : "*Nhất thốn quang âm nhất thốn kim*". Tức là một tắc thời gian là một tắc vàng. Thực sự đối với người tu hành, một đoạn thời gian là một

đoạn của mạng sống. Một đoạn thời gian trôi qua tức là mạng mình ngắn đi một chút vậy.

Ngày hôm nay qua đi, mạng cũng tùy giảm ;

Đại chúng ! Phải siêng năng, tinh tấn như cứu đầu mình.

Phải mau mau sửa điều xấu ác, làm điều tốt lành. Vì mình "*Thật mê đồ kỳ vị viễn*," Tức là chưa đi sâu vào con đường u mê lắm. Thế giới Cực lạc ở trước mắt, chỉ cần nỗ lực tinh tấn, thì mình có thể "*Quy khứ*".

Giảng ngày 14 tháng 6, năm 1958



SÁM HỐI TỨC LÀ CÁI QUÁ TỰ TÂN

Nếu mình chân chính có tâm sám hối,
thì sợ gì không có hy vọng.

Pháp lực của Phật rất là vĩ đại, song nghiệp lực của chúng sinh cũng rất lớn, nên có câu nói : "Người phạm thì nghiệp nặng tình mê, Phật thì nghiệp tận tình không". Do đó, thánh và phạm khác nhau ở chỗ là "nghiệp" đã dứt chưa, và còn có "tình" hay không.

Giác giả, Phật dã,
Mê giả, chúng sanh.

Dịch là :

*Khi giác ngộ là Phật,
Khi mê là chúng sinh.*

Chúng sinh thì bội giác hợp trần (quay lưng rời bỏ sự giác ngộ sáng suốt để hòa mình trộn lẫn với bụi bặm vô minh), luôn bị trần lao ngũ dục (tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ) làm cho xoay chuyển, khiến

ngiệp chướng càng ngày càng tăng thêm. Phật thì siêu thoát mọi ngũ dục trần lao, không còn tạo nghiệp nữa. chúng sinh do nghiệp nặng nên muốn liễu Đạo thành Phật, trước tiên cần phải sám hối những tội nghiệp đã làm. Nếu như không có tâm sám hối mà muốn thành Phật thì cũng như nấu cát mà mong thành cơm vậy. Tuy rằng cát nấu hàng hà sa số kiếp nhưng cuối cùng cũng không thể nào thành cơm được. "Sám" nghĩa là sám trừ lỗi lầm xưa, hổ thẹn với những lỗi lầm đã phạm. "Hối" là hối cải, sửa đổi; nhất định quyết tâm sửa đổi con người mình, vĩnh viễn không còn tái phạm nữa. Như ông Viên Liễu Phàm đã nói :

*Những điều xấu mình làm từ trước,
Hôm qua kể như là ngày cuối cùng.
Những điều mình làm về sau,
Hôm nay là bắt đầu một cuộc đời mới.*

Nếu như mình không siêng năng sám hối thì tội nghiệp mình tạo ra sẽ khiến mình mãi đoạ lạc. Chắc quý vị còn nhớ khi quy y, trước tiên quý vị xưng tên mình rồi sau đó sám hối như sau :

Tùng ư vô thủy, dĩ chí kim sinh,
Hủy báng Tam bảo, tác nhật xiển đề,
Báng Đại thừa Kinh, đoạn học Bát nhà,
Thí hại phụ mẫu, xuất Phật thân huyết,
Ô tăng già lam, phá tha phạm hạnh,
Phản hủy tháp tự, đạo dụng Tăng vật,
Khởi chư tà kiến, bác vô nhân quả,
Hiệp cân ác hữu, vĩ bối lương sư...

Nghĩa là :

*Con từ vô thi, cho tới ngày nay,
Nguyên rửa Tam bảo, làm Nhất xiển đề,
Chửi Kinh Đại Thừa, dứt học Bát nhã,
Giết hại mẹ cha, làm Phật đổ máu,
Bắn chốn chùa chiền, phá phạm hạnh
 người
Đốt hủy chùa tháp, ăn cắp đồ Tăng,
Dấy đủ ý sai, nói không nhân quả .
Gần bạn bè xấu, nghịch lại thầy lành...*

Bây giờ, tôi sẽ giảng lại đại ý của đoạn văn sám hối trên.

Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ra không biết là bao nhiêu tội nghiệp, không kể xiết. Thứ nhất là mình hủy báng Tam bảo :

Phật, Pháp, Tăng. Trong các tội, hủy báng "*Tăng bảo*" là tội lớn nhất, nặng nhất, bởi vì chư Tăng đại biểu cho Phật để tuyên dương Phật pháp. Bởi vậy hủy báng Tăng tức tội không thể sám hối được. Thế nào gọi là "*Xiển đề* ?" "*Xiển đề*" tiếng Phạn dịch nghĩa là "tín bất cụ", không đủ lòng tin, hoặc là "vô thiện căn", không có căn cơ lành. Thí dụ như khi quý vị thuyết Pháp cho người đó, không những họ không thích nghe mà thậm chí còn nói ngược lại rằng : "Tôi không tin đâu !" Đây không phải là tự đem thiện căn của mình mà đoạn tuyệt đi sao ?

"*Báng Đại Thừa Kinh*" tức là phỉ báng kinh điển Đại thừa. Như có người nói đạo lý trong kinh là giả hoặc nói rằng kinh điển Đại thừa là do ma vương nói ra v.v.... Đây cũng là phạm tội không thể sám hối được. "*Bát nhã*" là tiếng Phạn, nghĩa là trí huệ. Bát nhã có ba loại : Thật tướng Bát nhã, Quán chiếu Bát nhã và Văn tự Bát nhã. Nếu như "đoạn học" (không chịu học) bất cứ loại Bát nhã nào, thì mình sẽ trở nên ngu si. Quả báo của ngu si là sẽ đọa làm thú vật.

"*Thí hại phụ mẫu*" nghĩa rằng giết hại cha

mẹ của mình. Câu này bao hàm luôn việc sát hại các vị A La Hán và thánh nhân. Thí dụ như Đề Bà Đạt Đa giết một vị đặc Tứ quả A La Hán.

Kế đến là "*Xuất Phật thân huyết*" nghĩa là dấy máu Phật. Đây cũng là một tội không thể sám hối sạch được. Nhiều người hiểu lầm cho rằng tội này chỉ áp dụng khi đức Phật còn tại thế. Khi dùng dao cắt chém thân thể Phật thì mới mang tội này. Song thật sự sau khi Phật diệt độ rồi, hễ ta hủy hoại tượng Phật, hình ảnh Phật, tất cả đều phạm tội này. Phá lớp vàng trên tượng Phật hoặc đập bể tượng Phật, tuy rằng không làm tổn hại đến xác thịt của Phật nhưng cũng là cắt chém thân Phật vậy.

"*Ô tăng già lam*" nghĩa là làm ô uế chốn thanh tịnh của chùa chiền. Giống như một số cư sĩ có gia đình trú ngụ trong chùa, song lại làm những việc không chính đáng như ăn thịt, sát sinh, v.v... "*Phá tha phạm hạnh*" nghĩa là phá hạnh thanh tịnh của kẻ khác. Thí dụ như người xuất gia xưa nay vốn thanh tịnh không bị nhiễm ô, nhưng có người lại phá quấy họ,

khiến họ phạm giới luật, đó cũng là tội không thể sám hối được.

"*Phân hủy tháp tự*" nghĩa là đốt hoặc thiêu hủy, phá hoại tháp đền và chùa chiền. Thí dụ như trong lịch sử có Phùng Ngọc Tường hỏa thiêu chùa Bạch Mã và chùa Thiếu Lâm. "*Đạo dụng Tăng vật*" là ăn cắp vật dụng của chư tăng. Đây là nói đến những kẻ dùng thủ đoạn không chính đáng để đoạt của thường trụ lấy làm của riêng họ. Những hạng người như vậy đều có tà tri, tà kiến, ý tưởng sai lầm, luôn cho mình là đúng. Họ thường cho rằng không có nhân quả và luôn luôn làm những điều nghịch lại với đạo lý. Không có chuyện ác, chuyện xấu nào mà họ không dám làm. Hạng người như vậy thì làm sao mà không đọa địa ngục được ?

Cuối cùng là "*Hiệp cận ác hữu, vi bất lương sư*" nghĩa là thân cận với những kẻ ác, bạn xấu và đối nghịch lại với những vị thầy tốt. Bạn xấu là những người mà các nhà nho gọi là "tổn hữu" (hại bạn). Những thứ cướp giết, những bọn bất lương sống ngoài vòng pháp luật là thứ mình không nên kết bạn. Kết

giao với họ chỉ làm tổn hại cho mình, từ từ làm cho mình đi vào con đường sai lầm, không còn nghe theo lời khuyên bảo của cha mẹ, thầy tốt; lấy điều sai lầm cho là đúng và không còn phân biệt được chuyện phải trái trắng đen gì cả, cứ làm việc ngược ngạo, thật đáng thương xót thay !

Những tội lỗi kể trên là những điều mà mình không nên phạm, tuy rất dễ bị phạm. Nếu chẳng may mình đã phạm những lỗi đó thì phải làm sao ? Quý vị đừng lo sợ. Có câu rằng : "*Vĩ thiên đại tội, nhất sám tiện tiêu*". Nghĩa là tội phạm tày trời, sám hối sạch tiêu. Tội vốn không hình tướng. Nếu mình chân chính có tâm sám hối thì sợ gì không có hy vọng. Quý vị đừng nên coi thường mình, đừng cam tâm để bị dọa lạc.

Giảng ngày 14 tháng 6, năm 1958



XÚI NGƯỜI KHÁC LÀM ÁC, TỘI MÌNH TĂNG GẤP BA

Bất luận trước mặt người nào cầu xin sám hối, chúng ta đều phải bày tỏ lỗi lầm cho rõ ràng, không được nói lời có ý mơ hồ, bóng gió.

Hôm qua tôi giảng một cách đơn sơ cho quý vị nghe về ý nghĩa của sự sám hối, chỉ giảng tới đoạn "*Thân cận ác hữu, hủy bói lương sư*". Bây giờ tôi sẽ giảng tiếp đoạn sau ;

"*Tự tác giáo tha*" nghĩa là tự mình làm, xúi người khác làm hoặc thấy hay nghe người khác làm, mà thuận lòng theo. Chúng ta phải biết rằng sát sanh, ăn cắp, tà dâm, nói dối hay rượu chè đều là những hành vi không chính đáng, đó là những thứ tạo tội nghiệp. Những tội này được phân làm bốn loại : Nhân, duyên, pháp, nghiệp (nguyên nhân, điều kiện tiếp trợ, phương thức và việc làm). Sự sát sinh gồm có sát nhân, sát duyen, sát pháp, sát nghiệp; bất luận giới nào trong đó cũng có "*tự tác*" hay

"*giáo tha tác*", nghĩa là tự mình làm hoặc xúi kẻ khác làm.

"Tự mình làm" nghĩa là không dùng tay kẻ khác, mà chính mình đi làm chuyện bất chính. "Xúi kẻ khác làm" tức là cổ võ hoặc bảo người đó làm chuyện không đúng. Đó là phạm tội một cách gián tiếp. So sánh với tội trực tiếp thì tội gián tiếp này nặng hơn một phần, bởi vì tự mình đã có tội rồi mà mình còn mang thêm tội nữa là xảo trá. Cho nên tự làm đương nhiên có tội rồi, mà xúi kẻ khác làm thì tội càng nặng hơn.

Thế nào là "*kiến văn tùy hỷ*" ? (thấy, nghe rồi tùy hỷ), nghĩa là mình biết kẻ khác phạm tội mà còn giúp kẻ đó nữa, cũng giống như người xưa nói : "*Trợ trụ vi xuyên*" nghĩa là giúp vua Trụ làm việc bạo ngược. Hãy thử nhắm mắt lại tưởng tượng rằng từ vô thủy đến nay, mình đã phạm lỗi lầm này bao nhiêu lần rồi ? Cũng không cần hỏi tưởng lâu xa như vậy. Chỉ xét trong cuộc đời ngắn ngủi này, tội mình phạm đã không thể kể xiết rồi.

Cho nên trong bài Sám hối tiếp theo là câu : "*Như thị đẳng tội, vô lượng vô biên*".

Nghĩa là những tội như vậy không bờ bến, không hạn lượng được. Không những tội mình không thể kể hết được mà nó còn nhiều không biên tế. Nếu như đã biết tội sâu dày như vậy thì mình phải làm sao bây giờ ? Không nói cũng biết rằng mình cần đối trước Phật mà khẩn thiết sám hối.

Do vậy cho nên bài Sám hối lại tiếp : "*Cố ư kim nhật, sinh đại tâm quý. Khắc thành bì lộ, cầu ai sám hối*". "*Khắc thành*" hai chữ này có nghĩa là thành tâm. Khi sám hối điều cần nhất là phải thành tâm. Có những người tuy sám hối với sư phụ nhưng họ hết sức dối trá. Nhưng thường thì giấu đầu lòi đuôi. Dem tội lỗi của họ mà ngụy trang che giấu đi. Đó cũng là biểu thị họ không có thành ý sám hối tội lỗi của mình. Với cách sám hối lếu láo như vậy thì dù họ có trải qua trăm ngàn vạn ức, hằng hà sa số kiếp cũng không thể nào làm cho tội nghiệp họ tiêu trừ tướng tận được.

Cho nên nói : *Trực tâm là đạo tràng* tức là tâm ngay thẳng là đạo tràng. Khi sám hối với ai, mình phải bày tỏ lỗi lầm cho rõ ràng, không được nói lời có ý mơ hồ, nghĩa hai

đăng. Ví dụ như khi hỏi rằng có phạm tội chi không ? Thì trả lời rằng "tôi không nhớ" hoặc là "có lẽ có" v.v... Sám hối không triệt để như vậy không những không tiêu trừ được tội nghiệp mà còn trồng thêm nhân xấu nữa. Trong Phật pháp, dù cho việc nhỏ như sợi tóc cũng không được lếu láo, coi thường. Nhưng có người lại nói lên ví dụ như sau : "Có ông nọ luôn luôn tạo ra những tội nghiệp, toàn làm những chuyện ác nhưng không hiểu sao hiện giờ ông này vẫn làm ăn giàu có, như vậy là không có nhân quả, không có công lý phải không ?" Có hai câu kệ như sau :

Túng sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp
bất vong;
Nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự
thọ.

Dịch là :

*Trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp tạo
chẳng mất tiêu;
Nhân duyên đầy đủ thời, quả báo mình lại
thọ.*

Bởi thế cho nên biết nghiệp mình tạo ra thì thế nào cũng có báo ứng; chỉ là vấn đề thời

gian, mau hay chậm, nhân duyên đã hội hợp đầy đủ chưa mà thôi.

Lại có người nói nếu như "Trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp tạo chẳng mất tiêu, vậy mình không có cách gì để làm tiêu trừ được tội chướng của mình sao?" Cũng không phải là không có biện pháp. Biện pháp để trừ tội nghiệp là "*Duy nguyện Tam bảo, từ bi nhiếp thọ, phóng tịnh quang minh, chiếu xúc ngã thân*". Nghĩa là nguyện xin Tam bảo, từ bi dẫn dắt, phóng ánh sáng lành, chiếu rọi thân con. Hy vọng Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo có thể theo chí nguyện từ bi của các Ngài mà dùng ánh quang minh thanh tịnh vô ngại chiếu sáng nơi thân của mình. Khi ánh quang minh chiếu đến thân mình, tam chướng (phiền não chướng, báo chướng và nghiệp chướng) được tiêu trừ, giống như mây trôi trắng hiện, bản lai thanh tịnh của tâm mình lại bùng hiện vậy. Cho nên nói "*Chư ác tiêu diệt, tam chướng nguyện trừ. Phục bốn tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh*". Nghĩa là chư ác tiêu diệt rồi thì tam chướng đều quét sạch. Khôi phục lại nguồn tâm cứu cánh luôn thanh tịnh.

Sau khi giảng xong bài văn sám hối này, tôi hy vọng rằng quý vị hiểu sự tai hại của chuyện không sám hối và lợi ích của việc sám hối. Ngoài ra còn có một bài sám hối như sau :

Văng tích sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thí tham sân si,
Tùng thân ngữ ý chi sở sinh,
Nhất thiết ngã kim giai sám hối.

Dịch là :

*Mọi thứ ác nghiệp tạo từ xưa,
Đều do vô thí tham, sân, si,
Ở nơi thân, miệng, ý mà sinh,
Con nay sám hối hết tất cả.*

Bài sám hối này không những có thể làm mình sám hối được tội chướng mà còn chỉ cho thấy nguyên nhân của việc tạo tội. Do đó tôi hy vọng rằng quý vị mỗi ngày ở trước bàn Phật niệm bài văn này tối thiểu ba lần. Bây giờ tôi sẽ giải thích sơ qua ý nghĩa của bài này cho quý vị nghe.

"Văng tích" nghĩa là hồi xưa; gần là nói trong đời này mà xa nữa là nói vô lượng kiếp

về trước. Trong thời gian đó, chẳng những là có lúc mình vào bụng trâu hay ra thai ngựa, cũng có khi sinh vào nhà họ Trương, lại có lần làm con họ Lý. Luân chuyển trong lục đạo, và trong giai đoạn này, không biết mình đã tạo ra bao nhiêu là tội nghiệp nữa.

Vì sao mà mình tạo tội nghiệp ? Bài sám hối giải thích rất rõ ràng, "Tất cả đều do vô thí tham, sân, si" nghĩa rằng do tam độc tham, sân, si làm mình phát vô số tội nghiệp. Cũng lại vì ba thứ độc này làm chủ nên thân thể mình mới phạm vào những tội như sát sinh, trộm cắp, và dâm dục. Miệng thì sản sinh ra những tội vọng ngữ, nói thêu dệt, nói lời ác ôn, nói lười hai đằng. Cho nên trong bài văn có nói "*Tùng thân ngữ ý chi sở sanh*" nghĩa là do nơi thân, ngữ, ý mà phát sinh ra.

Bất luận là tội do thân tạo ra như là sát sinh, trộm cắp, dâm dục hoặc là nơi miệng tạo ra như là nói láo, nói lời ác ôn, nói lời thêu dệt, nói lười hai đằng hoặc là tội phát sinh nơi ý niệm như tham, sân, si, mình đều phải khẩn thiết sám hối. Nếu không thì mình giống như người rơi vào bùn lầy, càng lúc càng lún sâu.

Khi tội nghiệp càng lúc càng thâm trọng thì chính mình cũng không còn chỗ nào ngoi lên được, không còn cách gì mà cứu vớt được nữa.

Tôi hy vọng rằng quý vị hiện ngồi đây đều có đầy đủ thiện căn, không quên chuyện sám hối, nhất định quý vị có thể phát nguyện sám hối nghiệp chướng và tiêu trừ tất cả tội lỗi.

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1958



TU HÀNH CÓ BỐN GIAI ĐOẠN

Hãy coi ngày quy y là ngày sinh nhật.
Cuộc đời tu hành tính từ đó.

Một năm có bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đó là chuyện hiển nhiên, ai cũng biết. Nhưng quý vị có biết chăng là đời người cũng phân thành bốn giai đoạn : Sanh, lão, bệnh, tử. Làm người, ai ai cũng chết, nên mình phải tính chuyện về sau mà lo tu Đạo. Tu hành cũng có bốn giai đoạn, tức là ; học, hành, thành và liễu.

Con người từ lúc mới ra đời đến lúc hai mươi tuổi là khoảng thời gian học Đạo. Trong thời kỳ này mình phải học hỏi, học Phật pháp cho giỏi. Cũng giống như là trong sách *Đại học* có nói : "*Tại minh minh đức*". Nghĩa là làm chói ngời cái đức sáng suốt. Đó là lúc mình huấn luyện đức tánh của mình ngày càng thêm trong sáng. Từ hai mươi một tuổi cho đến lúc bốn mươi là khoảng thời gian hành Đạo. Đây là lúc mình áp dụng cái sở

học; đem chỗ học hỏi và sự hiểu biết khi trước của mình ra phổ độ chúng sinh, uông phò thế tục. Như trong sách *Đại học* có viết ; "*Tại tân dân*" nghĩa là làm đổi mới đời dân. Từ tuổi bốn mươi một cho đến tuổi sáu mươi gọi là thời gian thành Đạo. Trong sách *Đại học* có ghi rằng : "*Chỉ ư chí thiện*" nghĩa là ngừng lại ở nơi tốt đẹp nhất. Khổng Tử giảng về "*Chí thiện*" nhưng không được triệt để lắm, bởi vì chưa đạt tới cảnh giới Chân Không Niết Bàn, nên chưa phải là cứu cánh. Vì vậy ở giai đoạn chót, chúng ta cần phải "liễu Đạo". Sau khi thành Đạo rồi, mình trở về cảnh giới Niết Bàn. Nếu so sánh với ba cương lĩnh của Nho giáo : "*Minh đức, tân dân, chỉ ư chí thiện*" thì Phật lý tu hành viên dung hơn nhiều nữa.

Có người nói : "Từ lúc nhỏ tới lúc hai mươi tuổi tôi chưa tin Phật. Bây giờ, nói là học Đạo thì thời gian đó đã qua rồi. Làm sao tôi còn học hỏi được ? Phải chăng tôi không cần học ?" Quý vị phải hiểu, khi tôi nói tới bốn giai đoạn, đó chỉ là điều lý tưởng mà thôi, không phải là cố định, bất di bất dịch. Bởi thế mình có thể coi ngày quy y như là ngày sinh nhật

vậy, rồi từ ngày đó tính đi mới kể là thời gian bắt đầu tu hành.

Lại có người nói : "Tôi đã quy y được bốn năm rồi mà sao chưa học được một chút Phật pháp gì cả ?" Kỳ thật quý vị tuy đã quy y được bốn, năm năm, nhưng đối với Phật giáo, chẳng qua quý vị chỉ là một đứa trẻ bốn, năm tuổi mà thôi. Bởi thế quý vị đừng lo sầu rằng mình không làm nên việc gì cả. Phật pháp rất là thâm áo. Chỉ cần sau khi mình quy y, hai mươi năm nỗ lực học Đạo, hai mươi năm nỗ lực hành Đạo, thì chẳng lẽ mình không có ngày thành tựu sao ?

Lại có một ông lão cảm khái thở dài mà than rằng : "Hiện nay tôi đã tám mươi tuổi rồi, e rằng không còn cơ hội để có được hai mươi năm rồi thêm hai mươi năm nữa để mà hạ thủ công phu". Đúng vậy, "thời gian giảm khur mệnh quang vi", tức là ngày tháng trôi đi, mạng giảm dần. Ngày tháng thì không còn nhiều đâu, thật đó ! Nếu mình đem thời gian làm rút lại mà tính, cứ hai tháng tu Đạo, hai tháng hành Đạo như vậy mà suy rộng thì chỉ cần mình chân tâm với quyết chí thì dù già

cũng như kẻ thanh niên, tinh tấn dưng mãnh,
từng bước, từng bước mà tu tập thì lo gì không
có ngày thành đạt. Hãy nỗ lực !

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1958



THỨC KHUYA DẬY SỚM, VÌ AI MÀ BẠN RỘN ?

Mình phải thức khuya dậy sớm lễ Phật,
Niệm Phật, cầu tiêu tan tội chướng.
Nên vì pháp mà bận rộn.

Túc hưng dạ my vì thù mang.
Chúng sinh nan độ phả kham thương.
Mê chư trần lao tách điên đảo.
Nhĩ đề diện mệnh hóa vô phương.

Dịch là :

*Thức khuya, dậy sớm vì ai rộn ?
Chúng sinh khó độ thật đáng thương.
Mê mờ đời bụi lòng đảo lộn.
Nhéo tai trở mặt, dạy chẳng xong.*

"Túc hưng" nghĩa là dậy sớm, "Dạ my" nghĩa là ngủ ban đêm. Có những người luôn làm nô lệ cho bản thân mình. Thức khuya dậy sớm tại vì sao ? Cứu cánh vì ai mà bận rộn lãng xãng như vậy ? Vì người khác ? Vấn đề

này tôi tin chắc rằng có nhiều người không giải đáp được, thậm chí có người còn nói :
"Tôi không bận rộn chuyện gì cả, không lãng xăng gì hết !"

Như vậy thật cũng lạ. Có những người làm việc mà cũng chẳng rõ công việc của mình là gì. Giống như con buôn, những kẻ ngày đêm lãng xăng bận rộn lo cho chuyện buôn bán của mình đến nỗi đêm ngủ không yên giấc. Đó gọi là thức khuya dậy sớm lãng xăng vì đồng tiền. Cho đến những kẻ sĩ, nông, công, thương, bởi vì muốn thành công nên không còn tự chủ, phải thức khuya dậy sớm. Trong *Kinh Thi* có một đoạn như sau :

Kê ký minh dĩ hỷ, triều ký doanh hỷ.

Phi kê tắc minh, thương giảng chi thanh.

Dịch là :

Gà gáy sáng ư ? Trời hưng tỏ ư ?

Chẳng phải gà gáy ! Ấy ! Tiếng ruồi bay !

Nghĩa là gà đã gáy sáng rồi, bây giờ mình phải dậy. Phải chẳng là ban ngày rồi ? Ô ! Nào phải là tiếng gà gáy, đó chỉ là tiếng con ruồi xanh mà thôi. Đoạn văn này trong *Thi*

Kinh diễn tả các vị hiền minh quân chủ thời xưa. Các vị thấy đó, tuy thân làm hoàng đế mà đêm ngủ cũng không ngon giấc, vì mãi lo trời chóng sáng phải lâm triều xử lý công việc đến nỗi nghe tiếng ruồi bay mà tưởng lầm là tiếng gà gáy. Như vậy thì thức khuya dậy sớm vì dân mà bận rộn. Nên nói rằng : "*Nhất nhân hữu khánh triệu dân lại chi*". Nghĩa rằng một người có phúc thì triệu dân được nhờ. Cũng như nếu một nước có một vị minh quân, vị vua hiền, nhân nghĩa trị vì thì trăm dân sẽ được hưởng ấm no hạnh phúc. Nên một vị quân vương sao lại không thể thức khuya dậy sớm để lo lắng hạnh phúc cho dân chứ ?

Là người tu Đạo, chúng ta cần phải thức khuya dậy sớm, không vì lợi mà bận rộn cũng chẳng vì danh mà lảng xãng. Minh phải vì Pháp mà bận rộn. Minh phải "*túc dạ phỉ giải, di sự chư Phật*" nghĩa là ngày đêm không mệt mỏi phụng sự chư Phật. Minh phải dậy sớm thức khuya ngày ngày lễ Phật, tụng kinh để biểu thị tâm trung thực, lòng chân thành của người con Phật. Đây không phải là lòng nghĩ một đằng mà miệng nói một nẻo, hoặc nói mà không làm.

Khi lạy Phật phải chuyên tâm thành ý, vì lạy Phật có thể tiêu trừ tội chướng. "*Phật tiền đánh lễ tội diệt hà sa*", nghĩa là đánh lễ trước mặt Phật tiêu tội nghiệp nhiều như cát sông Hằng. May rằng tội không có hình tướng, nếu như có thì sẽ nhiều như cát trên sông Hằng vậy. Do đó mình phải thức khuya dậy sớm lễ Phật, niệm Phật, cầu cho tội chướng của mình tiêu trừ; mình nên vì Pháp mà bận rộn.

Thật khó mà đo lường bản tính của chúng sinh. Ví như những kẻ thích ăn ngọt mà cho họ đồ chua thì họ không thích, không vui. Kẻ thích đồ chua mà cho đồ ngọt thì y lại chẳng vui mừng. Đối với hạng người như vậy, nếu không biết phẩm tánh của họ thì khó có thể độ họ được. Bởi vì Phật có trí huệ, Ngài biết được căn tánh của chúng sinh, nên tùy nghi ứng hóa, bôn ba không ngại lao khổ để độ chúng sinh. Song lẽ, chúng sinh không những chẳng sinh lòng cảm động, lại còn chẳng chịu tiếp thọ sự dạy bảo của Phật Bồ tát. Cho nên nói rằng : "*Chúng sinh nan độ phá kham thương*". Nghĩa rằng chúng sinh khó độ chẳng đáng thương sao ? Chữ "*thương*" ở đây có nghĩa là bị thương. Vì chúng sinh ngu muội,

diên đảo nên chư Phật Bồ tát mới sinh lòng xót thương vậy.

Tại sao chúng sinh lại khó độ như vậy ? Đó là bởi "*mê chư trần lao tánh diên đảo*". Nghĩa là bị trần lao làm cho mê hoặc, diên đảo. Đó là lời giải đáp. Bởi vì chúng sinh, trong vô lượng kiếp đã bị lục trần làm cho nhiễm ô sâu đậm. Lặn hụp trong biển khổ, triển chuyển trầm luân, diên đảo, ngược ngạo, lấy sự khổ làm niềm vui, lấy điều sai cho là đúng. Ví như ngày nay con người ưa thích ăn mặc theo thời trang, chẳng những không có chút trang nghiêm nào mà còn sinh ra nhiều hậu quả không tốt về sau. Người đời ai ai cũng biết nhưng đều phạm vào cái lỗi đó. Ai ai cũng tranh giành, ganh đua, không biết rằng biển khổ thì vô biên, nhưng quay đầu thì sẽ tới bến. Cũng giống như những võ khí chiến tranh bây giờ, loài người chẳng những không hủy bỏ chúng đi mà còn mỗi ngày tìm cách làm cho chúng thêm tinh xảo, nỗ lực phát minh ra những thứ giết người cho thật tối tân, thật tinh vi. Quý vị xem, đây không phải là chuyện diên đảo thì là gì ?

Bởi vì sự điên đảo của chúng sinh cho nên tất cả các vị thánh nhân, thiện tri thức đều hết lòng khuyên dạy chúng sinh; giống như người lớn dạy đứa trẻ con, kéo tai mà huấn dụ. Dù vậy, chúng sinh cũng chẳng chịu nghe theo; thậm chí còn tìm trăm phương nghìn cách để che dấu tội lỗi của mình, không cho kẻ trên biết. Đây thật chính là "*Nhĩ để diện mệnh hóa vô phương*". Nghĩa là kéo tai, chỉ vào mặt để dạy nhưng cũng không sao dạy được.

Ôi ! Bản lĩnh phạm tội của chúng sinh thật vô song; ngay đến Phật Bồ tát còn cảm thấy khó độ chúng sinh. Quý vị thấy có thật đáng bi thương chăng ?

Giảng ngày 16 tháng 6, năm 1958



NIỆM PHẬT GIỐNG NHƯ GỌI ĐIỆN THOẠI

Nếu mình không gọi điện thoại,
đâu ai trả lời.

Niệm niệm chân thành niệm niệm thông,
Mặc mặc cảm ứng, mặc mặc trung.
Trực chỉ sơn cùng thủy tận xứ,
Tiêu dao Pháp giới nhậm Tây Đông.

Dịch là :

*Niệm niệm chân thành, niệm thấu suốt,
Lặng lặng cảm ứng, lặng trung dung.
Đến khi núi mòn sông cạn hết,
Tiêu diêu Pháp giới khắp Đông Tây.*

Không biết quý vị có liễu ngộ được chân
nghĩa của bài kệ vừa rồi hay chăng ?

"*Niệm niệm chân thành, niệm thấu suốt*",
chữ niệm đầu tiên nói lên ý niệm do tâm phát
ra. Chữ niệm thứ hai là chỉ ý niệm do miệng
thốt ra. Nếu chỉ có ý niệm thứ nhì, tức là ý
"niệm" phát ra từ nơi miệng thì không còn là ý

niệm chân thành. Cho nên tâm khẩu căn phải chân thành khi niệm danh hiệu Phật Bồ tát. Chúng ta cần niệm đến chỗ tâm và miệng hợp nhất, một mà không hai. Chúng ta không thể tùy tiện mà niệm, cũng không thể niệm một cách tán loạn, và càng không nên niệm một cách tạp nhạp với nhiều vọng tưởng của mình. Nếu mình làm được như vậy thì mới gọi là chân thành được.

Có được ý niệm chân thành thì nhất định sẽ được cảm ứng. Cảm ứng đó là gì ? Là sự tương thông giữa tâm phàm phu của mình với tâm sáng lặng của chư Phật Bồ tát. Đó gọi là :

Quang quang tương chiếu;
Khổng khổng tương thông.

Dịch là :

*Ánh sáng này chiếu ánh sáng kia;
Lỗ lông này thông lỗ lông kia.*

Tại sao có được cảm ứng như vậy ? Giống như khi gọi điện thoại, bên này có quay số, bên kia mới trả lời. Niệm danh hiệu Bồ tát cũng vậy, sẽ có lúc Bồ tát hỏi mình rằng : "Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các vị cần điều

chi ?". Lúc đó mình cầu gì sẽ được nấy. Nếu thiếu thành tâm thì cũng như điện thoại có năm số, mà mình chỉ quay có ba số rồi ngừng tay, làm sao đường dây có thể thông được. Niệm danh hiệu Bồ tát cũng vậy, nếu mình niệm một chốc rồi ngừng lại, đó là thiếu thành tâm. Nhất định không có chuyện cảm thông được.

Chỉ có ai cảm ứng mới nhận biết sự "*quang quang tương chiếu*" này. Cũng như khi gọi điện thoại, phải nhắc ống nghe lên mới nghe rõ người bên kia đầu dây. Vì phàm phu không sao thấy được luồng sóng qua lại của điện thoại nên bài kệ nói rằng : "*Im lặng cảm ứng, im lặng trung dung*".

Còn nói đến : "Núi mòn, sông cạn hết" là chỗ mà "*Bách xích can đầu trùng tiến bộ. Tán thủ thiên không biệt hữu thiên*". Dịch rằng : Đầu sào trăm trượng cứ bước tiếp. Duỗi tay trời sập : một trời mới. Nghĩa rằng : Ở nơi đầu sào trăm trượng, mình buông tay thì ngoài trời kia còn có bầu trời khác. Khi mình niệm đến chỗ sơn cùng thủy tận, thì lúc đó mình niệm mà không niệm bởi vì niệm và mình đã thành

một khối. Đó là lúc mình có thể "*Tiêu dao Pháp giới, nhậm Tây Đông*". Thí dụ khi mình muốn vãng sinh Cực lạc thế giới thì tức khắc được như ý. Nếu muốn "*đảo giá từ hàng*", trở lại độ chúng sinh thì mình cũng có thể ứng nghiệm; từ thế giới Cực lạc mà trở lại thế giới Ta bà, hoặc đến tất cả Pháp giới khác. Không chỗ nào mình muốn tới mà chẳng đến, nên nói rằng "nhậm Đông Tây" chính là :

Nhất như ý, nhất thiết như ý.

Nhất tự tại, nhất thiết tự tại.

Dịch là :

Một việc như ý, muôn việc như ý,

Một việc tự tại, muôn việc tự tại.

Cho nên người học Phật lúc nào cũng phải chân thành. Nếu mình không như vậy tức là hư ngụy, là thứ : "*Khai không hoa, bất kết quả*" tức là nụ hoa giả có nở ra cũng không sao kết trái được. Học Phật cần nhất là đừng tự dối mình.

Thêm vào đó, cổ nhân lại có câu : "*Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân*". Nghĩa rằng người quân tử thì tìm đáp án nơi chính

minh, dựa vào năng lực của mình, còn kẻ tiểu nhân thì nương tựa, cầu cạnh kẻ khác. Chúng ta không thể có tâm ý lại, phải biết rằng sự cảm ứng là tự mình chiêu cảm lấy, không do nơi khác. Có người nói : "Niệm Phật để được sinh Tịnh độ; như vậy nhờ Phật mới được tiếp dẫn". Câu này có thể đúng nhưng cũng có thể không đúng. Tại sao vậy ? Bởi vì thuyết tiếp dẫn do đối căn cơ mà lập. Đối với chúng sinh còn đầy lòng tham, luôn hy vọng chỉ dùng ít sức mà hoạch kết quả lớn ; hay thích cho vay ít lấy lãi nhiều, thánh nhân do đó phải tùy cơ ứng biến, nói rằng Phật lực tiếp dẫn với mục đích là muốn chúng sinh nỗ lực niệm Phật. Kỳ thật kẻ niệm danh hiệu Phật Bồ tát mà được vãng sanh Tịnh độ đều hoàn toàn do dựa vào sức lực của chính họ.

Niệm Phật nào phải do Phật niệm giúp mình đâu ! Khi muốn niệm danh hiệu Bồ tát, có phải là ý niệm đó xuất phát từ Bồ tát không ? Nếu không thì làm sao gọi là nhờ vào tha lực được ? Đây giống như là Phật và Bồ tát phóng quang gia bị cho mình. Đó cũng là sự cảm ứng do công đức mình niệm Phật Bồ tát. Dem chuyện gọi điện thoại ra ví dụ thêm lần

nữa, nếu mình không nhắc điện thoại quay số thì đâu ai có thể tiếp chuyện cùng mình ? Niệm Phật cũng đồng đạo lý như vậy.

Kỳ thật, tâm niệm hy vọng Phật tiếp dẫn mình vãng sinh Tịnh độ thực ra là tâm tham, tâm ý lại, là cái tâm mình không muốn có. Khi tu hành, phải tự dựa vào năng lực của mình, phấn chấn tinh thần, dũng mãnh tinh tấn; phải biết quả báo không phải là kẻ khác mang đến mình. Cho nên niệm Phật không thể nói rằng nhờ Phật lực tiếp dẫn được.

Cổ nhân có câu : "*Tướng tướng bốn vô chủng, nam nhi đương tự cường*". Nghĩa rằng các vị tướng không phải sinh ra đã thành, kẻ nam nhi phải tự lực tự cường. Chúng ta học Phật cũng phải có tâm khí như vậy :

Phật đà bốn vô chủng,
Chúng sinh đương tự cường.

Nghĩa là :

*Đức Phật không do chủng tộc nào thành,
Chúng sinh phải tự lực tự cường.*

Nếu không như vậy suốt ngày cứ ý lại vào

uy lực của Phật thì cũng như là những người con của tỷ phú, ỷ lại nơi di sản của ông cha mình, rồi rốt cuộc tự mình sẽ hại mình mà thôi. Cho nên quý vị mau mau tỉnh ngộ.

Giảng ngày 16 tháng 6 năm 1985.



ĐỪNG CHỜ ĐẾN LÚC KHÁT MỚI ĐÀO GIẾNG.

Ai bảo mình lúc chưa bệnh,
toàn làm việc hồ đồ,
không biết lo gìn giữ thân.

Bệnh hậu thủy tri thân thị khổ,
Tử hậu phương tri thác dụng tâm.

Dịch là :

*Bệnh rồi mới biết thân này khổ,
Chết xong mới rõ làm dụng tâm.*

Đây là bệnh thông thường của chúng sinh : Khi chưa bệnh thì thế gian này thật hết sức sung sướng và đầy đủ. Đến khi bệnh, không động dậy được, không ăn uống được, mất hết tự do, chịu đủ thứ thống khổ khó nhẫn, lúc đó mới biết rằng nguyên nhân cái khổ là do thân này mà ra. Nhưng lúc biết vậy thì đã quá trễ. Nên nói :

Lâm nhai lạc mã thu cương vãng.
Thuyền đào giang tâm bỏ lậu trì !

Dịch là :

*Ngựa đến vực thẳm, thân cương thì quá trễ.
Thuyền tới giữa dòng, vó lỗ chậm lắm thay !*

Ai bảo lúc chưa bệnh, cứ làm việc hồ đồ, không biết lo giữ gìn thân mình. Bệnh khổ như vậy hà huống chuyện lớn sinh tử.

"*Tử hậu phương tri thác dụng tâm,*" chết rồi mới biết mình dùng tâm sai lầm. Bình thường mình không chịu kiểm điểm, đến khi xuống tới Diêm - vương mới biết rằng lúc sinh tiền mình làm những chuyện không chính đáng, những chuyện sai lầm. Lúc sống thấy người niệm Phật, thì mình phỉ báng, nói rằng họ mê tín ; cười cho là họ ngu si. Bây giờ có hối hận thì đã muộn rồi ! Sự đau khổ trong núi kiểng và vạc dầu như thế nào, tự mình chiêu cảm lấy. Cho nên "*Ngựa* khi đã tới bờ vực thẳm mới gò cương thì quá trễ. *Thuyền* đến giữa dòng rồi mới vó chỗ thũng thì quá chậm." Cho nên ai kêu mình không chịu chuẩn bị tương lai.

Vì thế Chu Tử nói rất hay : "*Nghi vị vũ nhi trừ mầu, vật lâm khát nhi quật tình.*" Nghĩa là khi trời chưa mưa thì mình phải lo sắp đặt

trước, thí dụ như sửa mái nhà. Khi chưa mưa xuống mình phải mau mau chuẩn bị đối phó những chuyện sẽ xảy ra lúc trời mưa. Như ở miền bắc Trung Hoa vì những cửa sổ làm bằng giấy, nên trước khi mưa, cửa sổ cần dán kín. Nếu cửa không dán kỹ trời mưa sẽ ướt đồ vật bên trong. Đợi mưa mới đi dán cửa sổ thì đã quá muộn rồi. Đừng chờ tới lúc khát rồi mới đào giếng. Như những người ở nơi xa xăm không có ống nước dẫn nước lại, họ phải nghĩ cách để giải quyết vấn đề cung cấp nước. Không phải chờ đến lúc khát rồi mới đi đào giếng ; như vậy thì quá trễ.

Mình học Phật cũng vậy, phải hiểu rằng mọi sự vô thường, không ai thoát được cái chết. Tại sao mình không lo chuyện hạ thủ công phu để giải quyết cái chết ? Cho nên :

Nhược yếu nhân bất tử,
Tiên hạ tử công phu.

Dịch là :

*Mình nếu muốn không chết,
Thì phải tu hết mình.*

"Tử công phu" (tu hết mình), có nghĩa là giống như ngày hôm nay mình đã thất, niệm

danh hiệu Bồ tát . Đà thất, thứ nhất là cầu thế giới hòa bình ; thứ hai là vì chuyện về sau của chính bản thân mình. Thế cũng giống như chưa mưa mà mình đã chuẩn bị trước. Mình dǎ thất thì năm nào cũng phải tham gia, không thể gián đoạn, như vậy mới có thể kết được đại nhân duyên với A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ tát. Mình cần phải niệm Đức A Di Đà Phật tới độ là coi Ngài như sư phụ của mình, xem Ngài Quán Thế Âm Bồ tát như là người bạn của mình. Nếu như được làm đệ tử của Phật, làm bạn của Bồ tát, trải qua nhiều năm tháng, tự nhiên mình cũng sẽ trở thành bạn thân của các vị đó. Như vậy thì chư Phật Bồ tát sẽ tiếp dẫn mình về thế giới Cực lạc vào phút cuối cùng. Quý vị đừng nên hồ nghi, bởi vì :

Tu Đạo chi nhân tâm mạc nghi,
Nghĩ tâm nhất khởi tiền đồ mê.

Dịch là :

*Lòng người tu Đạo chớ ngờ nghi,
Nghĩ ngờ nổi dậy liền mờ mê.*

Nghĩa là người tu Đạo chớ có tâm nghi ngờ, khi lòng nghi nổi dậy thì đi vào sự mê

mở. Chúng ta nên nghe lời của thiện tri thức, không nên có lòng nghi ngờ. Thí dụ như thiện tri thức nói tu hành cần phải có khổ công, thì mình phải tin như vậy. Nếu mình có lòng tin một cách triệt để nhất định được mình tâm kiến tánh, phản bốn hoàn nguyên. Do đó mình phải thường nghe lời chỉ dạy của bậc thiện tri thức. Nếu vị đó dạy mình "*niệm Phật*" thì mình nhất định phải theo lời mà niệm Phật ; nếu vị ấy dạy mình "*đừng buông lung*" thì mình không được buông lung, đó là yếu quyết của việc tu Đạo vậy.

Như đã nói trên : "Bệnh rồi mới biết thân này khổ." Bởi vì con người mà không trải qua một cơn bệnh khổ thì không chịu phát tâm tu hành đâu. Do vậy, kẻ chưa bệnh thì không hiểu sự thống khổ.

Lại có câu rằng : "*Phú quý tu đạo nan.*" Nghĩa rằng người giàu tu đạo rất khó, bởi vì việc gì cũng như ý cả thì làm sao họ nghĩ đến chuyện tu. Do đó nghèo với bệnh là thứ trợ duyên cho việc tu Đạo. Bệnh đến thì mình đừng âu lo, nghèo khổ cũng chớ u sầu. Có bài kệ như sau :

Ngã kiến tha nhân tử,
Tử tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị nhiệt tha nhân,
Tiệm tiệm luân đáo ngã.

Dịch là :

*Ta thấy người ấy chết,
Lòng ta nóng như lửa,
Chẳng phải nóng cho người,
Mà từ từ lửa tới ta.*

Nghèo khổn hay bệnh hoạn hẩn nhiên giúp mình trưởng dưỡng tâm tu Đạo. Cũng như khi thấy người khác nghèo khổn, bệnh khổ, già chết, mình cũng phải phát tâm như thế. Đời người giống như : "Trường giang, hậu lãng thôi tiền lãng". Nghĩa là "Sông Trường giang, sóng sau đẩy sóng trước". Nếu mình kịp thời phát nguyện vãng sinh, lúc gần chết, mình sẽ có sự chuẩn bị. Không vậy, lúc ấy mình hoảng sợ không biết cách đối phó. Giống như đất nước nếu không trải qua một cơn biến loạn thì nhân dân chỉ thích sống trong cảnh sung sướng an lạc, không màng đến chuyện bảo vệ đất nước. Hiện tại Phật giáo cũng như vậy, người ta

không nghĩ cách để phục hưng Phật giáo, nên Phật giáo đi vào tình trạng uỷ mị.

Vì vậy mình phải đề xướng Phật giáo ; trách nhiệm không phải ở các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, mà ở tại mỗi tín đồ Phật giáo. Nếu như mỗi người chúng ta đều tự nhận trách nhiệm, thì lo gì Phật giáo không phát triển ! Hiện tại có những tín đồ Phật giáo cho rằng đạo Phật không bằng những ngoại đạo thời nay, chẳng những họ không dám nhận mình là Phật giáo đồ, thậm chí còn a dua với kẻ khác chê bai Phật giáo là mê tín. Quý vị thấy như vậy có phải là đáng thương lắm không ? Giống như ở Cửu Long (Kowloon) nơi Đạo Phong Sơn có một đoàn thể ngoại đạo chuyên thu nạp những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni trong Phật giáo, tới đó để trải qua một phiên cải tạo làm cho họ mất đi gốc gác rồi trở ra phỉ báng Phật giáo.

Do đó chân chính tín Phật thì dù chết cũng không thay đổi, luôn luôn đề cao chí khí của mình, không vì kẻ khác chê cười, không vì lợi ích mà cải biến chí của mình. Nếu như mọi người không quên mình là Phật giáo đồ thì Phật giáo chắc chắn sẽ phục hưng.

Tuy những thứ ngoại đạo hiện đang hưng thịnh, nhưng chỉ nhất thời mà thôi. Bởi vì thiên đạo thì tuần hoàn : Vật tới cùng cực thì sẽ quay ngược lại. Quý vị đừng để cái vé bên ngoài của chúng làm dao động tâm trí mình. Chân lý thì bất diệt, sự phục hưng của Phật giáo thì hoàn toàn dựa vào nỗ lực của đại chúng.

Giảng ngày 17 tháng 6 năm 1958



NIỆM DANH HIỆU BỒ TÁT CÓ THỂ MINH TÂM KIÊN TÁNH

Tâm tánh của chúng sinh, luôn luôn quang minh lỗi lạc. Chẳng qua là vì bị vô số tội chướng, vọng niệm, làm cho lu mờ đi thôi.

Bản tính của chúng sinh thì thích sướng, ghét khổ. Do vô minh che đậy nên chúng sinh không biết cách để đạt tới sự khoái lạc sung sướng, thoát ra khỏi sự thống khổ. Do đó, tuy rằng miệng luôn nói là truy cầu sự khoái lạc nhưng, bất hạnh thay, hễ càng tìm kiếm thì càng thêm thống khổ.

Bồ tát là người có lòng từ bi quảng đại, đã giác ngộ, biết được làm thế nào để ly khổ, đắc lạc. Vì vậy đối với chúng sinh đau khổ, đáng thương xót, Ngài phát tâm nguyện đại bi rộng lớn, tầm thanh cứu khổ. Nên chúng sinh mình không phải là hoàn toàn tuyệt vọng. Chỉ cần mình có lòng thành khẩn, niệm tụng "*Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát*," thì Ngài sẽ dùng pháp lực vô biên để độ thoát, giúp mình ly khổ, đắc

lạc. Sự khoái lạc này là sự khoái lạc cứu cánh, là sự khoái lạc ở Tây Phương Cực Lạc. Do vậy, nói rằng niệm danh hiệu Bồ tát không những được sự thoát ly khỏi sự thống khổ của thế giới này mà mình còn được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, khi hoa khai kiến Phật, tới được chỗ khoái lạc thanh tịnh cứu cánh nhất.

Niệm Bồ tát có thể ly khổ, có thể làm cho mình liễu ngộ tâm tánh. Phải chăng có một việc quá dễ dàng như vậy ? Nhiều chúng sinh còn ngu tối, đặt ra câu hỏi này. Bồ tát quả phát tâm muốn làm chuyện tiện nghi cho chúng sinh, nên Ngài mới nói ra pháp môn phương tiện như vậy. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều chúng sinh, dầu với sự dễ dàng tuyệt đỉnh kia cũng không nhận thức được. Thật đáng tiếc thay !

Có người lại nói rằng : "Niệm danh hiệu Bồ tát thì có thể tiêu trừ được tội khổ, đó là điều tôi tin tưởng. Nhưng làm sao niệm Bồ tát lại có thể làm cho tôi minh tâm, kiến tánh được ?". Vài ngày trước, tôi có nói ví dụ về chuyện đánh điện thoại. Bây giờ kể lại cho quý vị nghe một ví dụ khác còn đơn giản hơn.

Ví như có một người bị bịt mắt, chỉ thấy bốn bề tối đen. Người đó đi tới đâu, nếu không đụng phải vào tường thì cũng va vô vách, làm cho sút đầu bể trán, khổ không thể nói được. Nhưng, tự y lại không biết thế nào để tháo tấm khăn bịt mắt kia ra. May thay, y gặp được một người có lòng từ bi, trông thấy y tội nghiệp như vậy, liền giúp y mở khăn bịt mắt ra. Nhờ đó, từ chỗ không thấy đường, nay hẳn ta có thể thấy mọi sự, không còn khổ sở, cũng không phải đi đụng vào tường, vào vách như xưa.

Đạo lý niệm Bồ tát để được minh tâm kiến tánh cũng tương tự như vậy. Chúng sinh, y hệt như người bị bịt mắt kia, xưa nay mắt đâu bị mù, chẳng qua chỉ bị che kín mà thôi. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, xưa nay vẫn không mất mát, luôn luôn quang minh lỗi lạc. Chẳng qua là vì bị vô số tội chướng, vọng niệm, làm cho lu mờ đi thôi. Bồ tát cũng giống như người có lòng từ bi kia. Ngài giúp mình giải trừ nghiệp chướng đã che đậy bản tánh quang minh trong tâm mình; để mình có thể phản bản, hoàn nguyên; khôi phục lại bản lai diện mục.

Cho nên, mình không thể không niệm danh hiệu Bồ tát được. Bởi vì, giống như người bị bịt mắt kia, nếu không cầu kẻ khác, không chịu tiếp nhận sự giúp đỡ của kẻ khác, thì đừng nói là vẫn cứ phải đi đụng vào tường, mà còn có khi đi lạc lối, rơi xuống hố thẳm, nguy hại đến tánh mạng nữa.

Ở đời này, số người có tội ác thì nhiều vô kể. Nếu như không cẩn thận, lỡ một mai lạc bước, rơi xuống vực sâu tội lỗi, mất đi thân người, thì muôn vạn kiếp khó mà tìm lại được, mang hận ngàn đời. Các vị cư sĩ ! Hãy mau mau tiếp thọ sự khuyên dụ của đức Bồ tát mà thường xuyên niệm tụng danh hiệu Ngài để được cứu độ ra khỏi chốn biển khổ sanh tử này.

Giảng ngày 17 tháng 6 năm 1958



CHÚNG SINH VÔ BIÊN THỆ NGUYỆN ĐỘ

Chúng ta sao cam tâm nhìn họ đau khổ mà không tìm cách cứu họ, khiến cho họ được khoái lạc chứ ?

"Bồ tát úy nhân, chúng sinh úy quả". Bồ tát thì sợ nhân, chúng sinh thì sợ quả. Nhân quả, hai chữ này chẳng những chúng sinh không thể thoát khỏi mà ngay cả Phật, Bồ tát cũng chẳng thể trốn dặng. Chỉ vì Bồ tát có cái nhìn sâu sắc nên Ngài chẳng tạo nhân ác; do vậy thọ hưởng được quả khoái lạc. Chúng sinh, nhân quang như hạt đậu; chỉ biết thấy những việc trước mắt nên luôn làm những điều xấu ác; bởi thế mới thọ quả báo đau khổ.

Có câu nói rằng : *"Đa tái đào lý, thiếu tái kinh"*. nghĩa là trồng nhiều cây đào, cây mận trồng ít đi những bụi gai góc. Trồng nhiều nhân tốt thì chắc chắn sau này sẽ có được một tiến trình sáng lạng. Còn nếu như chỉ nhìn vào những việc trước mắt, làm những việc bất

nghĩa, không chịu vun trồng những nhân tốt thì chắc chắn là dự bị cho mình một tiền đồ đầy gai góc sau này.

Thế nào là một tiền đồ xán lạn ? "*Tùng thi Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực lạc*". Nghĩa là ở phía trời Tây, cách đây mười vạn ức Phật độ, có thế giới tên là Cực lạc.

Còn thế nào là tiền đồ đầy gai góc ? Tức là "*Địa ngục vô môn, khổ tự chiêu*". Nghĩa là địa ngục không có cửa, tự mình rước lấy khổ.

Ở Cực lạc thế giới thì mặt đất là vàng ròng, ao hồ là bầy báu, trời gió thổi nghe rộn rã tiếng âm nhạc, không việc gì mà chẳng xứng tâm, vừa ý; lại còn được thấy Phật, nghe Pháp, chóng thành Phật đạo. Còn địa ngục thì sao ? Núi đao, vạc dầu, rừng kiếm, chảo sôi; đó là những thứ mà mình sẽ làm bạn.

Chúng sinh được tuyệt đối tự do chọn lựa con đường mình muốn đi. Nếu như ý muốn ở Tây phương thì mình phát nguyện : Cầu vãng sinh Tịnh độ, cần tinh tấn, siêng năng niệm Phật Bồ tát thì chắc chắn sẽ có ngày thành công. Còn nếu như thích địa ngục, thì giản dị

lắm : Cứ làm ác thì sẽ đọa địa ngục. Tuy nhiên, tôi khẳng định rằng con người chẳng ai lại muốn xuống địa ngục, không muốn vãng sinh Tây phương Cực lạc thế giới. Trừ phi anh ta chẳng tin có địa ngục, chẳng tin có Cực lạc; trừ phi anh ta không biết sự thống khổ của địa ngục và sự khoái lạc của Tịnh độ.

Đối với những kẻ thiếu thiện căn, thiếu lòng tin như thế, mình không có phương cách gì để độ họ. Song đối với những kẻ chưa biết đạo thì mình có thể phát lòng từ bi mà dẫn dắt. Kẻ ngoại đạo thường nói : "Thiên đàng thì gần lắm. Thiên đàng dành cho các vị đó". Là tín đồ Phật giáo, mình phải biết xả thân quên mình. Đối với thân hữu, mình phải khuyên họ, nói cho họ nghe công đức niệm danh hiệu Bồ tát và lợi ích của Cực lạc thế giới. Phải nói "Cực lạc thế giới là của chúng sinh". Nếu như mình thường xuyên tuyên thuyết đạo lý này, thì mình chính là một vị hành đạo Bồ tát; cùng với chư Bồ tát đi chung một con đường; cùng làm bạn với những vị Bồ tát, bất thối.

Do đó, không những mình cần niệm danh hiệu Bồ tát mà còn phải thường khuyên người

khác niệm nữa. Như vậy thì mình mới xứng đáng là một đệ tử của Phật; mới có thể nói rằng mình đã không quên lời phát nguyện, bốn lời hoằng thệ lúc quy y. Nên khi nói : *"Độc lạc lạc, bất như chúng lạc lạc"*. Nghĩa là cái vui mình vui , sao bằng cái vui mọi người cùng vui. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đối với những kẻ có cùng Phật tánh như mình, chẳng khác gì mình cả, thì lẽ nào mình lại cam tâm nhìn họ đau khổ mà không tìm cách cứu họ, làm họ được khoái lạc chứ ?

"Hữu chí giả, sự cánh thành". Nghĩa rằng người có chí thì việc chắc thành. Bởi vì chúng sinh khó độ, nên tín đồ Phật giáo chúng ta mỗi ngày, sáu thời, phải ghi nhớ, đừng quên chuyện độ chúng sinh.

Giảng vào ngày 18 tháng 6 năm 1958



HỌC PHẬT CẦN PHẢI TU GIỚI, ĐỊNH, HUỆ

Thường dùng Giới Định Huệ để tự thức tỉnh, vì chúng giúp ích việc tu hành.

Giới, Định, Huệ là việc học vô lậu, người tu hành cần phải có đầy đủ.

Giới tuy có năm giới, thập giới, Bồ tát giới v.v... nhưng cơ bản nhất là Ngũ giới ; Không sát sanh, không ăn trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Trì giới thì không tạo tội.

Định là gì ? Định tức là thiền định, nói rộng ra chút nữa có nghĩa là bất biến. Có kẻ tu hành đầy vọng tưởng. Hôm nay tu thiền, ngày mai nghe nói niệm Phật công đức to lớn, liền bỏ tham thiền mà niệm Phật. Sau vài ngày lại nghe nói trì chú là thù thắng bèn bỏ niệm Phật mà trì chú. Người như vậy, nay tu pháp môn này, mai tu pháp môn khác, kết quả chẳng tu thành cái gì. Lại còn có kẻ niệm

Phật, niệm Bồ tát một ngày niệm, mười ngày nghỉ, hoặc ngày nay niệm ngày mai nghỉ, đó đều gọi là không có định lực. Định lực đối với người tu hành rất là quan trọng; không có định lực, tu đạo đương nhiên thất bại. Thiếu định lực thì đạo tâm chẳng kiên cố, dễ dàng bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối làm đọa lạc.

Tiếp đến là Huệ, tức là trí huệ. Làm người có kẻ thông minh, người ngu dốt. Vì sao có kẻ thông minh lại có người ngu độn ? Đây là do nhân quả, nếu quá khứ tu hành niệm Phật thì đời này chắc chắn có được trí huệ; ngược lại chẳng trồng thiện căn thì trí huệ đương nhiên chẳng có.

Trong sách *Đại học* nói :

Định nhi hậu năng Tĩnh,
Tĩnh nhi hậu năng An,
An nhi hậu năng Lự,
Lự nhi hậu năng Đắc.

Dịch là :

*Có Định rồi mới Tĩnh,
Có Tĩnh rồi mới An,*

*Có An rồi mới Sáng,
Có Sáng rồi mới Được.*

Do đó có Định mới sinh được Huệ. Nếu chẳng có Định, tạp niệm đầy dẫy, vọng tưởng lăng xăng thì làm sao có thể thấy suốt đúng, sai, rõ ràng chân lý được.

Giới nghĩa là quy luật giúp mình đề phòng phạm tội. Khi chưa phạm tội, mình cần tu Đạo, bí quyết tu đạo là ở định lực. Có định lực thì sinh trí huệ, từ đó mới có thể liễu đạo thành Phật. Nên Giới, Định, Huệ là điều kiện tất yếu mà người tu Đạo phải có. Không trì giới thì có thể tạo tội nghiệp, thiếu định lực thì tu Đạo không thành, không trí huệ thì ngu si vô trí.

Tôi khuyên các vị hãy lấy "*Giới Định Huệ*" ba chữ này khắc sâu vào lòng, thường đem ra tự cảnh tỉnh. Tôi tin rằng đối với việc tu, chúng giúp ích mình lắm.

Giảng ngày 18 tháng 6 năm 1958



GIA PHONG CỦA KIM SƠN THÁNH TỰ

Hai giờ sáng thức dậy tọa thiền đến nửa
đêm mới ngủ. Cả buổi chỉ có một giờ
nghỉ ngơi

Kim phùng nhất cứu thất lục niên,
Thập phương đại chúng lại tham thiền.
Thời khắc phân thiền đương ái tích,
Hành trợ tọa ngộ tế toàn nghiên.
Hư không đã phá minh tâm địa,
Pháp giới y nhiên kiến tánh thiên.
Bổn lai diện mục hà xứ mịch,
Trực hạ thừa dương Kim Sơn Tự.

Dịch là :

*Nay nhằm năm một chín bảy sáu,
Mười phương đại chúng về tham thiền.
Giờ phút tích tắc cần quý giữ,
Đi đứng nằm ngồi khéo dũa mài.
Đập nát hư không tâm địa sáng,*

Y nhiên Pháp giới thấy tánh thiên.

Bổn lai diện mục ở đâu tìm ?

Ngay đây, tức khắc : Kim Sơn Tự.

Hôm nay là ngày rằm tháng 12 năm 1976, quý vị có thiện căn ở mười phương tới cái lò lửa của Kim Sơn Thánh Tự để tham thiền. Tham thiền không phải là chuyện đùa, phải chịu nhiều sự khốn khổ. Buổi sáng bắt đầu dậy từ hai giờ để ngồi thiền (tọa hương). Ngồi một mạch đến 12 giờ đêm mới ngủ, trung gian chỉ có một giờ đồng hồ để nghỉ ngơi. Đây là gia phong của Kim Sơn Thánh Tự.

Trong thời kỳ tham thiền, mình phải quên thân, quên tâm, quên cả thế giới; tất cả mọi thứ đều quên hết; tức là không còn cái "ngã" nữa, cũng có nghĩa mọi thứ đều là không. Khi tới được cảnh giới chân không như vậy, thì mới sinh được diệu hữu. Quý vị phải chú ý ! Trong lúc tu hành, mình không thể tùy tiện nói chuyện, tùy tiện nghỉ ngơi, không được vọng tưởng, cũng không được lười biếng hoặc tìm cách đi ngủ. Mỗi một giờ mỗi một phút mỗi một giây đều phải biết quý trọng nó, nuôi tiếc nó, cho nên người ta nói rằng :

Nhất thốn thời quang, nhất thốn mệnh
quang.

Dịch là :

*Một chút thời gian là một chút mạng
sống.*

Bởi vậy, khi đi cũng tham thiền, khi đứng cũng tham thiền, khi ngồi cũng tham thiền và khi nằm cũng tham thiền. Đi đứng nằm ngồi đều là tham thiền. Nên nói phải cần khéo lấy cái tâm mà mài dũa. Mài qua dũa lại, càng mài càng dũa thì càng sáng suốt.

Mài dũa là tham thoại đầu, không được đình chỉ, không được ngừng nghỉ. Lúc nào cũng tham câu "*Niệm Phật Là Ai ?*" hoặc là tham câu "*Khi cha mẹ chưa sinh ra ta, thì bộ mặt ta như thế nào ?*" Bởi vậy, nên nói mình cần phải dùi mài, đục dũa cho tới một ngày nào đó mình sẽ "đập nát đi cái hư không" (ám chỉ sự vô minh ngu muội). Đến lúc đó thì mình sẽ hiểu rõ tâm địa của mình. Hư không tuy bị mình đập phá đi nhưng Pháp giới thì vẫn y nhiên tồn tại. Pháp giới đó tức là mười Pháp giới, vẫn tồn tại, không có tạp loạn gì hết. Đó là lúc mình thấy được tánh thiên nhiên của

mình. Cái bản lai diện mục của quý vị thì phải tìm ở đâu ? Quý vị nên đến Kim Sơn Thánh Tự để tìm lại bản lai diện mục của mình. Quý vị tới chỗ khác sợ rằng sẽ tìm không thấy đâu.

Tám câu kệ tôi nói hôm nay, hy vọng quý vị lưu tâm nhớ nó, theo đó mà tu hành, không thể ăn mà không tiêu hóa, đó thật là vô lý. Chớ xem việc này như gió thổi qua tai, nghe rồi cũng như chưa nghe, chẳng có ích lợi gì cả.

*Giảng ngày 15 tháng 12 năm 1976
Nhân dịp Thiền thất tại Kim Sơn Thánh Tự.*



HỌC PHẬT CẦN CÓ CHÂN TÂM

Nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh, đều phải chân thật.

Học Phật pháp mình cần phải có tâm chân thật, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều phải chân thật. Đừng nên như kẻ thế tục, một nửa thật nửa giả. Nói năng thì lúc có chút thiệt thà ; lúc lại đầy giả dối. Người tu Đạo lúc nào cũng phải nói thật, làm chuyện thật, không được nói láo. Mỗi một ý niệm, phải bỏ đi điều lỗi lầm ; trừ tập khí trong vô lượng kiếp và cố gắng cải đổi nó đi. Tội lỗi mình đã tạo trong vô lượng kiếp phải sám hối cho hết sạch.

Tại sao có kẻ học Phật lâu năm như vậy mà không có một chút tương ứng nào cả ? Là bởi vì mình còn bao che lỗi lầm của mình, không chịu đem tâm chân thật ra mà tu hành. Cho nên thời gian trôi qua uổng phí mà mình không khai được trí tuệ chân chính, và cũng không được định lực chân chính. Thời gian trôi qua một cách oan uổng, mà mình đạo nghiệp

chẳng được thành tựu, đó là điều thật đáng tiếc thay.

Sống trong chùa, mình cần phải cần kiệm tất cả những thứ vật chất. Có câu rằng :

Ái tích thường trụ vật,
Như hộ nhân trung châu.

Nghĩa là :

*Hãy quý vật của chùa,
Như gìn giữ con người (trong mắt).*

Đồ vật của chùa như gạo, dầu, tương hay dấm, mình đều phải quý nó, không được lãng phí bừa bãi. Cho đến những cái mình dùng, một đầu ngọn cỏ, một khúc gỗ, một trang giấy mình cũng phải biết quý, biết tiếc kiệm. Nếu ở những chỗ này mình không cẩn thận, chẳng biết tiếc phước thì làm tiêu hao công đức biết bao. Rằng :

Sở tu, bất như sở tạo,
Sở đắc, bất như sở đầu.

Nghĩa là :

*Công mình tu không bằng nghiệp mình
tạo,*

Điều mình được ít hơn thứ mình mất.

Thêm một điều nữa là nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh mình chớ tổn hại đến người khác. Khi nói thì phải dùng lời lẽ đức độ ; không được nói lời ỷ ngữ (lời thù ghét), lời dối trá, lời ác ôn hay lời hai đằng. Miệng là cái mà mình cần phải chú ý đặc biệt. Thân thì không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm. Ý thì không được phạm tham sân si, đừng nên coi trọng tấm thân thịt da hôi hám này. Nếu tâm tâm niệm niệm mình vì thân này lén trộm đồ ăn, tìm áo quần trang sức, hoặc tìm cách để thân này hưởng thụ, khoác lạc thì đó đều là điên đảo ! Mình phải nghĩ làm sao mà xuất ly tam giới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), thoát ra khỏi lục đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, người và trời) luân hồi này, làm sao cải biến sửa đổi tập khí của mình. Phải làm cạn sạch bể ái tình. Lúc ấy mình mới toại tâm mãn nguyện thành tựu đạo quả Bồ Đề được.

"Tu đạo, mình không được hưởng phước." Hãy nhớ lại gương các vị lão tổ tông của Phật giáo. Đức Phật Thích Ca là một vị thái tử

quyền quý cao sang nhất, song ngài có thể bỏ tất cả để xuất gia tu đạo. Nếu nói đến thân phận, thì dù Ngài xuất gia rồi, Ngài cũng có thể ăn ngon mặc đẹp, ở chùa thật tốt thật sang ; song Ngài đâu có làm vậy. Ngài tới núi Tuyết Sơn chịu khổ sở, đói khát, nóng lạnh, tu hành suốt sáu năm. Trong sáu năm đó, Ngài không ăn đồ ngon, chẳng ở chỗ đẹp, cũng không có kẻ người ta tới cúng dường. Ngài chỉ ở đó kham chịu mọi khổ.

Thử ngẫm nghĩ xem thân phận quyền quý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người tự ý chịu khổ tu hành như vậy ; rồi hãy thử ngẫm đến thân phận của mình ra sao ? Mình bất quá chỉ là kẻ phàm phu thì tại sao đòi ăn ngon, mặc đẹp, ở chỗ tốt, tham hưởng thụ, không chịu cực lại còn sợ khổ ! Quý vị thử nghĩ xem mình so sánh với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thật chẳng hết sức hổ thẹn sao ?



ỨNG VÔ SỞ TRỤ SANH KỲ TÂM

Phải làm như chẳng hề làm. Khi làm song việc gì, đừng chấp trước rằng có được công đức gì.

Tác lễ vô trụ hóa vãng sanh.
Vô cùng vô tận nghĩa di phong.
Thập phương Như Lai đồng nhiếp thọ.
Ly khổ đắc lạc xuất hỏa khanh.

Nghĩa là :

*Không trụ lễ lạy, độ vãng sanh.
Nghĩa lý phong phú chẳng tận cùng.
Mười phương Như Lai đồng tiếp thọ.
Thoát hầm lửa khổ được an vui.*

Đạo Phật thường có câu : "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (khởi tâm niệm mà chẳng trụ trước vào bất kỳ quan niệm, tình cảm hay hình tướng gì cả). Do đó khi giảng Chú Lăng Nghiêm, tôi có nói rằng : "Tác lễ vô trụ hóa

vâng sanh". Chữ "*sanh*" này có nghĩa là sanh sanh không ngừng, hóa hóa chẳng dứt. Tác lễ là lễ lạy chư Phật. Vô sở trụ có nghĩa là không chấp trước. Quý vị nói : "Nếu tôi không tu hành gì hết thì sẽ chẳng có gì chấp trước !" Như vậy là lầm ! Khi tu hành, quý vị chớ chấp trước là mình có tu. Quý vị nói : "Nếu lúc không ăn uống mà tôi chẳng chấp trước là tôi không ăn uống, thì cái bụng tôi có chịu đồng ý đâu". Song le nếu quý vị ăn no rồi, mà cứ muốn ăn thêm, thì cũng chẳng đúng. *Kinh Kim Cang* nói ; "Khởi tâm niệm song chẳng trụ trước vào đâu cả".

Hôm nay có một người nghĩ rằng câu "Khởi tâm niệm song chẳng trụ trước vào đâu cả" thì cho rằng không cần tu hành, không cần niệm chú, cũng chẳng cần tụng kinh; vậy thì mới không chấp trước. Không phải vậy đâu ! Mình phải "*Hành sở vô sự*" - làm mà chẳng như không hề làm - Khi làm việc gì rồi, quý vị đừng nên chấp trước rằng mình được công đức này nọ, thì đó chính là *vô sở trụ*. Khi có chỗ trụ trước thì có chỗ dính mắc, chỗ kẹt cứng, không thể siêu thoát được. Do đó, thân

tâm mình chớ trụ trước vào đâu cả, quét sạch hết mọi pháp, xa lìa hết mọi tướng. Lúc đó thì sự sanh sanh hóa hóa (cảnh do chân tâm hiển hiện) sẽ vô cùng vô tận : Do đó câu "*Vô cùng vô tận nghĩa di phong*" là nói sự vô cùng tận của ý nghĩa câu Chú Lăng Nghiêm. Ý nghĩa của câu Chú nhiều đến nỗi không còn gì nhiều hơn nữa. Bởi vì thế khi mình niệm một câu Chú Lăng Nghiêm thì "*Thập phương Như Lai đồng nhiếp thọ*", mười phương chư Phật đều nhiếp thọ mình, hết như khi mình đối xử với một em bé vậy : "Con ơi đừng khóc nữa ! Ta cho kẹo đây nè. Đừng khóc ! Chờ một tí ta sẽ cho con trái táo !" Khi em bé nghe trái táo tai nó vênh lên, chú ý nghe. Cũng vậy, chư Phật mười phương nhiếp thọ quý vị, khiến quý vị "*ly khổ đặc lạc, xuất hỏa khanh*".



TRÍ HUỆ QUANG MINH TỬ VÔ LẬU

Khi lòng có dục niệm, thật giống bao của cải bị bọn cướp đoạt mất.

Chư Phật Bồ tát hiền thánh tăng đều có trí huệ quang minh vô lượng. Trí huệ đó là trí huệ vô lậu vô tận.

Người thường ai cũng là hữu lậu bởi vì có vô minh. Phật Bồ tát là vô lậu bởi vì các Ngài không còn vô minh nữa. Vô minh nghĩa là không hiểu biết, hồ đồ, không biết cái nào đúng cái nào sai, không phân biệt được trắng với đen.

Cái lậu lớn nhất là dục lậu (lòng dâm dục), nếu mình có lòng dâm thì cũng giống như tài sản (công đức) của mình bị bọn cướp (lòng dục vọng) đoạt mất đi. Cũng giống như thân cây bị sâu khoét không còn dùng được. Lại cũng giống như mâm đồ ăn thơm ngon lại bị bỏ một đồng phân ở bên trên làm cho người ta buồn nôn đến ba ngày.

Có người lại nói : "Ồ, tâm dâm dục này ai cũng có cả mà". Đúng, bởi vì do có lòng dâm đó, nên mình mới phải tu hành. Nếu mình không còn dục vọng thì bản lai trí huệ quang minh mới hiện ra. Nên "vô lậu" là chỗ mà người tu hành muốn tới; đó là đồ quý nhất người tu muốn đắc.

Quý vị phải hết sức chú ý ! Trong sáu thứ thần thông (Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần túc thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Lậu tận thông) Lậu tận thông này nghĩa là gì ? Chính là không còn dục lậu nữa, hoàn toàn không còn lòng dâm dục nữa. Nên nói rằng mình phải "*đoạn dục khử ái*" (Cắt đứt lòng dâm dục, chặt phăng tâm ái tình), nếu có thể tu đến chỗ "*lô hóa thuần thanh*" (công phu chín mùi) thì mình sẽ tự tại. Nếu không đoạn dục, không khử ái thì mình luôn bị vô minh chi phối làm điên đảo. Từ sớm đến tối không được tự tại, không được sung sướng là bởi vì lòng dâm dục cứ phá phách mình.

Các vị thiện tri thức ! Đây là chỗ thiết yếu mà mình cần phải đặc biệt dụng công. Bởi do

nó mà mình phản bổn hoàn nguyên, khôi phục bản lai diện mục của mình, chứng được trí huệ vô tận; cái nguồn đó không bao giờ cạn, lấy không hết, dùng cũng không xuể.

Quý vị cần phải phát tâm bồ đề mới có thể phá được cửa sinh tử. Tự mình phải phản tỉnh hỏi lòng mình : Tại sao ta cần phải tin Phật ? Tại sao ta muốn xuất gia ? Tại sao xuất gia rồi mà mình không tu hành ? Tại sao xuất gia rồi ta vẫn còn đủ thứ vọng tưởng ? Đó là những vấn đề mà mình đừng nên bỏ qua, phải nghĩ cho thông suốt thì mới thoát khỏi Tam giới, liễu sinh thoát tử, đến chỗ Niết Bàn khoái lạc được.



TU ĐỨC TẠO NGHIỆP

Trong cuộc sống hằng ngày, ta giống như kẻ sống trong say đắm, chết trong mộng mị. Không tu một chút công đức nào, thì làm sao thành Phật được ?

Quý vị thử nghĩ xem : Phật xưa kia, do tu vô lượng vô biên công đức, nên mới thành Phật được.

Chúng ta tại sao chưa thành Phật ? Là bởi chúng ta chưa có tu vô lượng vô biên công đức. Công đức của mình so với Ngài thật quá sai lệch. Bởi vì một mặt thì mình tu hành, một mặt thì tạo tội nghiệp; do đó "Công tu không bằng tội nghiệp tạo ra".

Từ sáng đến tối mình tạo thân nghiệp, tạo khẩu nghiệp, tạo ý nghiệp. Thử xét tư tưởng của mình ; Hết tưởng người này không tốt lại tưởng người kia đối với mình không đẹp; tưởng người nọ đối với mình nghĩ như vậy, nói thế kia, cho nên trong lòng tạo ra đủ thứ nghiệp tham, sân, si. Ở nơi miệng, mình cũng tạo

ngiệp, nào là nói thị phi (kẻ đúng người sai), hoặc là nói láo, nói lời thêu dệt, nói điều ác ôn, nói điều đâm chọc hai đầu làm cho người này người kia bất hòa. Có những người một ngày không nói những chuyện thị phi thì giống như một ngày họ không sống vậy. Một ngày không nói láo giống như ngày đó họ không có cơm ăn vậy, họ cảm thấy rất là khó chịu, nên từ sáng tối tối phải nói chuyện thị phi, nói chuyện láo lếu thì họ mới sống được. Các vị coi thử mấy người này có kỳ quái chăng ? Thật làm cho người ta tốn công giải thích !

Những người có tật xấu mà tự mình không nhận lỗi, lại còn che đậy, bao che cho cái tội của mình. Cho rằng mình đâu có nói dối, mình nào có vọng tưởng, mình cũng chẳng có dục niệm, đeo cái mặt nạ giả để đi lừa người khác. Kỳ thật ở đời này làm sao mình có thể lừa được ai ? Chẳng những mình không lừa được người khác mà tự mình cũng không lừa được chính mình. Tại sao vậy ? Tại vì khi mình có vọng tưởng, thì thử hỏi xem mình có biết hay không ? Nếu mình biết thì mình không cách gì lừa được mình. Nếu

không lừa được chính mình, thì làm thế nào để lừa người khác chứ ? Chỉ có người ngu si thì mới đi lừa kẻ khác thôi.

Người không thật sự tu hành thì mang mặt nạ, lòng dạ đen tối, không giữ quy luật, chẳng làm chuyện quang minh chính đại, song không chịu thừa nhận. Do đó trong sự sinh hoạt hằng ngày, y giống như kẻ được sinh ra trong say đắm, chết đi trong mộng mị (túy sinh mộng tử). Không tu một chút công đức nào, thì làm sao thành Phật được ? Những người này cách xa Phật đến trăm ngàn vạn dặm.

Nói cách khác, công đức mà mình tu được ít hơn tội nghiệp mình tạo ra, tức là "Phần tu hoạch không nhiều bằng phần mất đi". Thử hỏi như vậy thì làm sao thành tựu được ?.



VẠN VẬT ĐỀU NÓI PHÁP CHO MÌNH

Hễ tỏ rõ thì mới buông bỏ đặng.
Không tỏ rõ thì cứ mãi chấp trước.

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có dạy rằng :
" *Phật thị hiện bách thiên ức chủng âm thanh,
vi chúng sinh diễn thuyết diệu Pháp*". Nghĩa là
Phật thị hiện trăm ngàn ức loại âm thanh, để
diễn nói Pháp mầu cho chúng sinh. Chúng ta
cần giác ngộ tất cả các âm thanh trên thế
giới, vì tất cả đều là tiếng thuyết Pháp. Rằng :

Khê thanh tận thị quảng trường thiệt,
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân.

Dịch là :

*Suối reo là tiếng lười rộng dài,
Non xanh là bóng thanh tịnh thân.*

Tiếng âm thanh của con suối, con lạch
giống như tiếng nói từ nơi lười rộng dài của
đức Phật diễn thuyết diệu pháp ; màu xanh

của núi, cũng chính là màu của thanh tịnh Pháp thân, khiến kẻ trông thấy sinh lòng hoan hỷ. Nếu hiểu được triết lý này, thì trên đời, tất cả mọi thứ đều đang nói Pháp cho mình nghe.

Người thiện nói Pháp thiện. Người ác nói Pháp ác. Con ngựa thì nói Pháp làm ngựa, con trâu thì nói Pháp làm trâu. Chúng làm mình hiểu nguyên nhân làm thân ngựa, thân trâu. Thì ra, những con ngựa, con trâu này kiếp trước là kẻ không hiếu thảo với cha mẹ, không cung kính với sư trưởng, hoặc không muốn nghe lời cha mẹ, ân sư giáo huấn, quay lưng nghịch lại cha mẹ, ân sư, nên giờ đây sinh ra làm loài súc vật, chúng không thay đổi gì mấy.

Nói tóm lại, trì Ngũ giới và hành Thập thiện thì mình sinh làm người hay lên trời. Khi có tham, sân, si, thì bị đọa ba nẻo ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

Con mèo đuổi bắt con chuột. Con cạp rượt ăn con thỏ. Kẻ mạnh hà hiếp kẻ yếu. Tất cả đều nói Pháp cho mình nghe. Sự gì cũng đều có nhân quả của nó. Mỗi việc đều có lập trường riêng, đều nói lên Pháp kỳ diệu cho

mình nghe. Ông thầy thì nói Pháp của ông thầy, Học trò thì nói Pháp của học trò. Vị Tỳ kheo thì nói Pháp của vị Tỳ kheo. Vị Tỳ kheo ni thì nói Pháp của Tỳ kheo ni. Hữu tình thuyết Pháp, vô tình cũng thuyết Pháp. Nếu nhận thức được thì núi xanh, mây trắng, bông vàng, trúc biếc, vạn sự vạn vật đều thuyết Pháp cho mình nghe cả.

Kẻ thổ phỉ đi ăn cướp tài vật của người khác là bởi vì trong quá khứ y từng bị kẻ khác cướp, nên bây giờ tới đòi nợ. Nếu xưa không bị người cướp mà bây giờ đi cướp của người, thì tương lai y sẽ bị người cướp lại. Đó gọi là hoàn trái (tức là trả nợ). Đây là đạo lý chân thật về sự báo ứng trong vòng tuần hoàn nhân quả.

Do đó, làm người mình phải biết "*chánh đại quang minh, đại công vô tư*" (đại công nghĩa là việc chung, vô tư nghĩa là không có lòng ích kỷ, tư vị riêng). Bất cứ mọi nơi, mọi lúc mình không nên nghĩ cách chiếm tiện nghi, không chịu thua thiệt. Thật sự thì "chịu thua thiệt là cách để được tiện nghi" Phải nhớ lấy, quý vị hãy ghi nhớ lấy. Đừng nên tìm

cách để chiếm tiện nghi, mình phải nhường cho người khác, chịu thua thiệt đi. Khi được tiện nghi mà mình không nhận, mình nhường lại cho kẻ khác, thì đó chính là mình tồn giữ được cái đức.

Mọi người phải làm đúng với cương vị, tận tình vì chức vụ của mình, đừng tham thứ mình không xứng đáng hưởng, đừng uống quá lố những thứ rượu chè. Đó cũng là thuyết Pháp vậy.

Nên nói :

Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân,
Uất uất hoàng hoa vô phi bát nhã.

Dịch là :

*Xanh xanh trúc biết đều lộ Pháp thân.
Lấp lánh cúc vàng không chẳng Bát nhã.*

Mình phải quan sát tất cả mọi sự việc như vậy. Hễ hiểu rồi thì hãy buông bỏ mọi thứ. Không hiểu thì sẽ mãi chấp trước.



ĐỪNG CHỜ TỚI LÚC GIÀ MỚI HỌC ĐẠO

Tại sao mãi tới hôm nay mình vẫn chần chờ, chưa chịu tu ?

Sinh ra ở thế gian này, chúng ta phải biết mau mau tu hành, đừng nên chờ đợi. Lúc trẻ không tu, chờ đến khi đầu bạc mới tu thì nhiều khi không còn kịp nữa, cho nên có câu rằng :

Mạc dãi lão lai phương học Đạo,
Cô phần tận thị thiếu niên nhân.

Dịch là :

*Đừng chờ đến già mới chịu tu,
Mộ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh.*

Người trẻ nhưng cũng mau đi đến chỗ chết. Con quỷ vô thường đâu cần biết người già hay trẻ, khi thời điểm đến, thì nó không khách sáo với ai cả, nó sẽ lôi mình tới gặp Diên la vương. Cho nên :

Dương gian vô lão thiếu.
Âm gian thường tương phùng.

Dịch là :

Trên dương thế, kể gì già trẻ.

Dưới âm phủ, thường dụng mặt nhau.

Các vị nên chú ý : Thời gian rất quý báu. "Một chút thời gian là một chút mạng sống". Cho nên chớ tùy tiện để cho thời gian trôi qua lãng phí. Chờ đến lúc tam tai (nạn lửa, nạn nước, nạn gió) tới, mình tránh được chăng ? Vì vậy lúc trẻ mình cần phấn tấn tu hành, đừng chờ tới ngày mai mới tu. Hôm nay, tức thời tu hành, đó là thượng sách.

Có người nghĩ rằng : "Ngày hôm nay mình khoan tu đã, chờ đến ngày mai hãy tu". Nhưng ngày mai đến, mình lại hẹn đến ngày mai nữa, hẹn hoài hẹn mãi, hẹn đến lúc đầu bạc, mắt mờ, tai lạng, răng long. Lúc đó dù muốn tu, mà tứ chi chẳng còn linh hoạt, thân nào có nghe lời mình. Bấy giờ, khổ vô cùng vậy !

Các vị nên nhớ rằng, chúng ta sống trên đời này cũng giống như con cá nằm trên vũng nước nhỏ, không bao lâu nước sẽ cạn. Có câu :

Thị nhật dĩ quá, mạng diệt tùy giảm,
Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc ;

Đại chúng !

Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên ;

Đản niệm vô thường, thận vật phóng dật.

Dịch là :

Một ngày đã hết, mạng cũng giảm dần,

Cá trong nước cạn, thử hỏi vui gì ?

Đại chúng !

Hãy siêng tinh tấn, như đầu bị đốt,

Chỉ nhớ vô thường, chớ mặc bụng lung.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta không biết làm sao tu, nên sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, đó là điều mà mình phải hết sức đau lòng. Tại sao tới ngày hôm nay mình vẫn còn chần chừ, chẳng chịu tu ? Quý vị nghĩ xem, thời gian không chờ đợi ai, trong nháy mắt thì sinh mạng mình đã kết thúc rồi.



TÌNH ÁI VÀ DỤC VỌNG LÀ TẢNG ĐÁ BUỘC CHÂN NGƯỜI TU ĐẠO

Cho đến hơi thở cuối cùng, cũng nên đối xử tốt với mọi người, nhưng đừng để tình ái xen vào.

Trong nghiệp sinh tử, tình ái và dục vọng là gốc chướng Đạo. Là người tu Đạo, bất luận đối với người hoặc đồ vật, nếu sinh ra lòng ái dục thì sẽ chướng ngại sự tu hành, làm mình không phát triển được. Nói một cách rõ ràng hơn, ái dục là sinh tử, sinh tử chính là ái dục. Ái dục là nguồn gốc của sinh tử. Nếu không phá vỡ tình ái dục vọng vô minh, thì mình sẽ không thể ra khỏi biển lớn sinh tử. Làm sao để thoát sinh tử ? Rất giản dị, chỉ cần "đoạn dục khử ái", nghĩa là dứt dục vọng, trừ ái tình, chẳng cách nào khác hơn.

Người tu Đạo đừng nên suy nghĩ về tình ái dâm dục, càng không nên có hành vi yêu đương. Đối với bất cứ người nào, không nên sinh lòng yêu đương ; hễ có lòng yêu đương

thì gốc khổ không thể tránh được ; vì có lòng yêu đương thì khó thoát vòng sinh tử.

Có người nói : "Con người là động vật có tình cảm, chuyện ăn uống và dâm dục là việc tự nhiên". Chính bởi vì nhân duyên đó nên cần phải tu Đạo. Trong *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* có dạy rằng :

Mình xem những người già như mẹ mình, những người lớn tuổi như chị, những cô trẻ là em và những đứa nhỏ là con. Hãy Sinh ra lòng độ thoát chúng và diệt trừ những niệm ác.

Là kẻ tu đạo mình phải luôn luôn quán tưởng như vậy. Nếu quả không có ái, phải chăng khi gặp người khác mình cứ ngậm miệng chẳng để ý đến họ ? Không đúng ! Mình không chấp trước vào tình ái, không sinh lòng yêu đương, nhưng không sinh ra lòng ruồng ghét kẻ khác, cũng không thể nói rằng ; "Bởi vì tôi không thương người ta nên tôi phải ghét họ". Đó là điều sai lầm. Như vậy thì thế nào là đúng ? Tức là không thương mà cũng chẳng ghét ai. Không thương, không ghét chính là Trung đạo.

Tu hành là tu cái gì ? Chính là tu pháp

Trung đạo. Đối đãi với người mình luôn luôn bình đẳng, dùng tâm từ bi ; nhưng phải luôn cẩn thận, chớ để rơi vào cạm bẫy ái tình.

Quý vị nên chú ý ! Đừng nên bị tình ái làm cho mê hoặc. Nếu có người gởi cho quý vị phong thơ tình, quý vị cảm thấy lòng mình vui mừng, giống như có con thỏ nhỏ nhót, con tim hết sức hoan hỉ, cho rằng hễ có kẻ yêu mình, là chuyện tốt. Sự thật là người yêu quý vị chỉ muốn kéo quý vị đọa lạc mà thôi.

Quý vị thiện tri thức nên tựa vào chỗ này mà dụng công phu, phải thật sự hiểu rằng : "Ái tình là thứ phiền hà vô cùng". Từ vô lượng kiếp tới nay, sở dĩ sanh tử không thể chấm dứt được là vì sao ? Chính là bị hai chữ "ái tình" làm hại. Nếu như mình có thể "*đoạn dục khử ái*" thì mới có thể siêu thoát Tam giới, không còn sanh tử nữa.

Thứ mình thích thì mình yêu, không thích thì ghét bỏ. Hễ khi thích, tức là mình đã sinh lòng yêu thương. Hễ khi ghét lòng mình sinh ra sự ghét hận. Cả hai thứ, yêu, ghét đều là do tình cảm mà có. Người tu hành xử lý sự việc không dựa vào tình cảm. Tuy nhiên cũng

không thể giống như ông Quan Công, ngồi chễm chệ trên bàn xử lý, người ta đánh lễ, ông cũng không thèm nhìn tới. Đối với người, mình phải có sự hòa nhã, lễ mạo, không nên cống cao, ngạo mạn, coi thường kẻ khác.

Tóm lại, đối với người khác mình phải có lòng từ bi, tìm phương tiện giúp đỡ họ. Lúc nào cũng nên nghĩ đến người khác và khiến họ sinh lòng hoan hỉ. Cho đến hơi thở cuối cùng, cũng nên đối xử tốt với mọi người, nhưng đừng để tình ái xen vào. Các vị nhớ lấy ! Đó là pháp môn vô cùng trọng yếu.



HÃY NỖ LỰC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Nếu trong vũ trụ đầy chính khí an lành, trái đất sẽ không bùng nổ.

Thế giới hiện tại là do nhiều quốc gia hợp thành. Mỗi một quốc gia gồm nhiều gia đình làm nên. Mỗi gia đình gồm nhiều người tạo thành. Vì vậy mỗi cá nhân có quan hệ liên đới rất lớn đối với toàn thể thế giới.

Nếu lòng người trên thế gian thanh tịnh, không có tư tưởng nhiễm ô thì thế giới nhất định sẽ hòa bình không có chiến tranh. Ngược lại, lòng người ô nhiễm thì thế giới sẽ trở thành xấu xa. Đạo lý này con người ai cũng hiểu nhưng họ không thực hành. Biết mà cố phạm lỗi, đó thực là đáng thương xót vậy.

Sở vị hảo, yếu tông tâm tác khởi.

Sở vị hoại, dã tông tâm tác khởi,

Dịch là :

Điều tốt là do tâm tạo ra.

Điều xấu cũng từ tâm làm nên.

Thế giới hiện tại đang tới chỗ sống buổi sáng nhưng không chắc sẽ có buổi chiều. Bởi vì sao ? Bởi vì địa cầu sắp đi đến chỗ bùng nổ, đã đến lúc vô cùng nguy hiểm. Tại sao địa cầu đi đến chỗ bùng vỡ ? Đó là vì "tham, sân, si", ba thứ ác khí trùm tỏa khắp mọi nơi. Nếu trái đất bị hủy diệt thì con người chẳng còn tồn tại được nữa.

Tuy vậy, con người không để tâm nghiên cứu vấn đề này, suốt ngày cứ sống trong sự mê muội, chết đi trong mộng mơ. Để thời gian trôi đi một cách hồ đồ, không biết rằng sự nguy hiểm trùng trùng. Có người chỉ quan tâm đến sự nguy hiểm trước mắt, nhưng không biết nghĩ đến cứu cánh của tương lai. Họ chỉ lo rằng loài người càng ngày càng đông thêm, sợ rằng không có thực phẩm ăn, không có áo quần mặc, không có nhà cửa ở, không có tài nguyên, nhiên liệu. Họ cho những vấn đề này là vấn đề trọng yếu. Kỳ thật những vấn đề đó còn nhỏ, vì tới lúc ấy, mọi sự tự nhiên sẽ được giải quyết.

Thật ra vấn đề "sinh tử" của mọi người mới là vấn đề trọng đại. Giây phút này mình

còn, nhưng phút sau không còn nữa, trong chớp mắt mình sẽ ra đi. Cái chết sẽ tới ngay trên đầu mà mình không hay. Thương thay con người đối với vấn đề nghiêm trọng như vậy thì rất lãnh đạm giống như chuyện chiêm bao vậy. "Từ đâu mình sanh ra, chết đi về đâu ?" Không ai biết cả. Cho dù có biết, mình sẽ làm sao đây ? Biện pháp duy nhất là "*cải ác hướng thiện*" (sửa bỏ điều ác, chỉ làm điều thiện). Sửa đổi con người chính mình, đừng sinh lòng ích kỷ, tư lợi, mà phải có lòng từ bi; vì lợi ích tất cả chúng sinh và phải học tập tinh thần của Bồ tát .

Hành vi của mọi người là do tâm chi phối. Bởi vì tâm nên mình biến thành các loài trong mười Pháp giới. Một niệm thiện thì sinh lên trời ; một niệm ác thì đọa địa ngục. Rằng :

Nhất niệm giác tỳ thị Phật ,
Nhất niệm mê tức chúng sinh .

Dịch là :

Một niệm giác ngộ thì là Phật,
Một niệm hồ đồ thì là chúng sinh.

Nói một cách giản dị là khi có tư tưởng lợi

ích cho kẻ khác, đó là Bồ tát ; một tư tưởng làm lợi ích cho chính mình, thì đó là chúng sinh . Một ý niệm hồi quang phản chiếu, tìm giải đáp nơi chính mình, thì đó là A La Hán và Bích chi Phật . Một ý niệm tách rời sự giác ngộ, lăn theo bụi đời đó là phàm phu ; một ý niệm xa lìa bụi đời để trở về với giác ngộ tức là thánh nhân. Cho nên cả hai mặt xoay qua đối lại thật dễ như trở bàn tay vậy. Thế giới tốt hay xấu đều do một niệm trong tâm mình tạo thành."Con người ai cũng có lòng lành thì thế giới sẽ yên trụ mãi mãi ; con người có lòng ác thì thế giới sẽ hủy diệt." Đó là đạo lý rất hiển nhiên. Đạo Phật dạy người ta làm điều thiện, biết rõ nhân quả. Làm điều thiện nhiều, làm công đức nhiều, cũng có nghĩa rằng đừng có tranh, đừng có tham, không mong cầu gì cả, chẳng ích kỷ, cũng chẳng tự lợi và không nói láo. Nếu được như vậy thì thế giới sẽ từ chỗ nguy hiểm mà trở nên an ninh. Cho nên nói : "*Nhất thiết duy tâm tạo.*" Tức là tất cả mọi thứ đều do tâm mà ra. Tâm tạo ra thế giới, tâm cũng có thể hủy diệt thế giới. Tâm tạo ra thiên đường, tâm cũng có thể tạo ra địa ngục.

Gia đình là do mọi người làm thành, con người là do vọng tưởng mà thành hình. Nếu đem vọng tưởng xấu sửa đổi thành vọng tưởng tốt lành thì đó là người tốt. Nếu đem ý niệm thiện mà biến thành ý niệm xấu thì đó là người ác. Đó là sự khác biệt giữa người ác và người lành.

Chúng ta là những người tu hành thì phải "Siêng tu Giới, Định, Huệ. Trừ bỏ tham, sân, suy. "Đó là điều kiện căn bản của sự tu hành. Là người học Phật pháp, trước hết mình phải "không làm điều ác và làm tất cả những điều thiện." Đó cũng chính là điều căn bản. Nếu ai cũng làm theo điều này thì thế giới sẽ trở nên tốt lành; khí lành sẽ gia tăng và ác khí sẽ tổn giảm. Nếu trong vũ trụ đầy đầy những chính khí an lành, thì trái đất sẽ không bùng vỡ.

Làm sao cho thế giới yên ổn, an lành ? Chỉ còn biện pháp duy nhất là mình tới học Phật pháp nơi đạo tràng có chính pháp, rồi sửa đổi lỗi lầm của mình để trở thành người mới. Mọi người ai cũng bỏ điều ác, làm điều lành thì thế giới sẽ không có ba thứ tai nạn, tám thứ khốn khổ. Con người ai cũng sống

trong hoà bình thương yêu lẫn nhau, không còn tranh, không còn tham nữa. Đó là thế giới đại đồng.

Hy vọng rằng lúc đó những người không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng sẽ vì gia đình, vì tổ quốc, vì thế giới bỏ đi những tánh tham lam, làm những việc lợi ích cho xã hội. Mình cũng nên biết rằng "tài sản là những vật ngoài thân." Sanh ra, mình không đem chúng tới, chết đi, cũng chẳng mang chúng theo.

Khi sự hắc ám của người ác được hào quang của người thiện chiếu soi làm tan mất, thì lúc đó thế giới không còn bị ác khí bao trùm, địa cầu mới không bị hủy diệt. Đạo lý này tuy rất giản dị nhưng mình phải biết dụng công thâm hậu thì mới có hiệu quả được. Quý vị nên từ nơi "tâm" mà hạ thủ việc tu, cải tạo thế giới, khiến cho thế giới được bình an.

Vị lãnh tụ của mình, chính là cái "tâm." Nếu tâm xấu thì thân thể đầy đủ tật bệnh, gặp đủ thứ tai nạn bất ngờ. Chúng ta cần phải phản tỉnh, kiểm thảo, nếu có tội lỗi phải mau mau sám hối. Bởi vì :

Di thiên đại tội,
Nhất sám tiện diệt.

Nghĩa là :

*Tội lỗi đầy trời,
Một niệm sám hối, hết thấy sạch tiêu.*

Tất nhiên, mình phải thành tâm sám hối thì mới tiêu tai. Đừng nên coi là chuyện đùa, ban ngày làm chuyện ác, ban đêm sám hối, tin rằng có thể tiêu trừ. Nếu như có tư tưởng như vậy, thì chẳng những tội chẳng tiêu mà còn nặng thêm nữa. Bởi vì sao ? Mình đã biết tội, mà cố phạm nữa thì không thể nào tha thứ được.



ĐẢ THIỀN THẤT PHẢI KHẮC KỶ THỦ CHỨNG

Cần chân thật dụng công tham thiền.
Có bản lĩnh thật sự thì mới đáng kể.

Hôm nay là ngày đầu thiền thất. Hy vọng quý vị nỗ lực tham thiền. Chớ lãng phí cơ hội khai ngộ.

Đả thất thì phải khắc kỷ thủ chứng. Không thể ngồi trên thiền sàng mà khởi lên vọng tưởng. Như vậy thì chỉ cô phụ công việc tham thiền của mình mà thôi. Quý vị vọng tưởng điều gì ? Vọng tưởng có nhiều thứ không giống nhau, nhưng tóm lại đều là những thứ vọng tưởng không có biên tế. Có người có vọng tưởng như vậy : "Kỳ này tới tham thiền thất hy vọng sẽ khai ngộ, sẽ đắc đại trí huệ. Sau khi khai ngộ, nhất định tôi sẽ tuyên bố trước thế giới tin tức đặc biệt này, khiến toàn thế giới đều biết rằng tôi là người đã khai ngộ và để cho mọi người phải cung kính tôi."

Quý vị hãy nghĩ xem, người có tư tưởng như vậy phải chăng là đã khai ngộ ? Tôi dám chắc rằng, tuyệt đối y chưa khai ngộ ! Tại sao vậy ? Bởi vì mới ngồi lên thiền sàng mà vọng tưởng đã đầy dẫy như thế, nếu không vì cầu danh thì cũng là cầu lợi. Vì danh lợi mà dụng công thì làm sao khai ngộ được.

Có người lại có vọng tưởng như sau. "Kỳ thiền thất này ta nhất định sẽ khai ngộ ! Ta sẽ là người khai ngộ đầu tiên trong khóa thiền này. Kẻ khác không khai ngộ, chỉ có mình ta là độc nhất khai ngộ, đó thật là một chuyện hết sức quang vinh vậy !" Thậm chí có những kẻ không hiểu biết gì về khai ngộ, tự mình mạo xưng là khai ngộ. Đi đâu cũng tuyên bố là mình đã khai ngộ rồi, lừa bịp đại chúng khiến họ phải cung kính. Đó là thứ mà ngư mục hỗn châu, (trộn mắt cá để người khác tưởng lầm là hạt ngọc). Những tư tưởng ấu trĩ như vậy thật là đáng buồn cười. Hy vọng quý vị đừng có những vọng tưởng đó. Phải "*cước đạp thật địa*" nghĩa là chân phải bước vững trên mặt đất, dụng công tham thiền để có bản lãnh chân thật thì đó mới là đáng kể.

Có người thì có vọng tưởng như vậy : "Mình phải nhất định khai ngộ ; khai ngộ rồi thì người ta mới đến cúng dường ; có cúng dường thì lúc đó mới xây chùa lớn, làm một vị pháp chủ, tin đồ mới lại thân cận cúng dường và mình sẽ trở thành một vị đại pháp sư vang danh thiên hạ ; ai cũng biết mình là danh tiếng cao ngất." Quý vị phải biết những kẻ không học, không tài, không thuật, mà thọ sự cúng dường thì lương tâm làm sao an ổn đặng.

Bây giờ nói về tư thế tọa thiền, mình cần phải ngồi cho đúng mới có ích lợi cho thân tâm. Nếu không, tọa thiền không có giá trị gì. Trong khi tọa thiền, trước hết phải để thân tâm mình tự nhiên nhẹ nhàng, không nên gấp rút khấn nguyện. Tốt nhất là ngồi thế kiết già, đó là thế căn bản của pháp ngồi thiền.

Thế kiết già phu tọa (hoặc là thế kiết già) là gì ? Tức là lấy chân trái để lên chân mặt, sau đó để chân mặt lên đùi trái. Đó là thế Kim cang tọa, nghĩa là thế kiên cố bất động. Trong quá khứ chư Phật đã ngồi thế Kim cang tọa mà thành Phật ; tư thế này có thể hàng phục thiên ma và chế chỉ ngoại đạo. Khi chúng thấy

mình ngồi trong tư thế này thì chúng liền thối lui, không dám lại quấy phá.

Sau khi đã ngồi kiệt già rồi, mắt phải nhìn vào chóp mũi, không được nhìn phía đông cũng không được nhìn phía tây. Đó gọi là :

Nhân quán bỉ, bỉ quán khẩu, khẩu quán tâm.

Nghĩa là :

Mắt nhìn mũi, mũi hướng về miệng, miệng hướng về tâm.

Như vậy thì mình mới có thể nhiếp trì được thân tâm ; đem tâm đang chạy loạn xạ đó mà định trụ lại, không cho nó chạy ra bên ngoài nữa. Khi được như vậy thì gọi là :

Chuyên nhất tất linh,
Phân chi tất trệ.

Dịch là :

*Tâm chuyên nhất, mới linh cảm.
Tâm phân tán, thì bế tắc.*

Mình cần phải đoạn nghiêm chính tọa, xương sống phải thẳng, đầu phải ngay, không cúi về trước cũng chẳng ngả ra sau ; không

ngiên bên trái hoặc ngã bên phải. Mình phải ngồi như cái chuông lớn, vững vàng không động đậy. Đứng ngồi giống như cái chuông treo, lắc qua bên đông lắc qua bên tây. Ngồi kiết già là tư thế thích hợp nhất để tham thiền.

Người sơ học sẽ cảm thấy không quen, nào là đau chân, mỏi lưng, không nên coi đó là quan trọng. Mình cần phải kiên nhẫn chịu đựng, nhẫn nại một thời gian lâu dài thì tự nhiên hiện tượng đó không còn nữa. Đó gọi là "*cửu tọa hữu thiền*" Nghĩa là ngồi lâu tự nhiên sẽ có thiền, tự nhiên sẽ đắc được thiền vị.

Thế nào gọi là thiền vị ? Thiền vị tức là đắc được sự an lạc của thiền định, nếm được mùi vị khinh an nhẹ nhàng. Mùi vị đó thật là ảo diệu vô cùng, không thể dùng tâm tư cũng không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được. Cũng giống như người uống nước, tự ý mới biết nóng hay lạnh ; mình cũng không thể dùng ý dùng tâm mà hội được, không thể dùng ngôn ngữ mà truyền đạt. Quý vị muốn biết thiền vị đó là ngọt hay đắng thì phải nỗ lực tham thiền, tới được cảnh giới tương ứng thì tự nhiên sẽ hiểu được mùi vị đó. Cho nên quý vị phải

tham thiền. Tham tới lúc "*thủy lạc thạch xuất*" nghĩa là nước cạn thì đá sẽ lộ ra, lúc đó mình mới nếm được thiền vị .

Thiền thì không thể nói được, cần phải tham. Nên thiền tông thì không lập văn tự, không lập chữ nghĩa, là truyền thừa ở ngoài giáo điển. Trục chỉ tâm của con người để mình thấy tánh, lập tức thành Phật .

Người tham thiền, khi tham đến chỗ hỏa hầu của mình đã đủ thì tuyệt đối không còn nổi giận nữa, không còn tranh luận với người khác, tới chỗ gọi là vô tranh tam muội. Lại cũng không cầu danh, cầu lợi ; coi phú quý như giọt sương trên lá, công danh như bọt nước trên sóng. Trong khoảnh khắc giọt sương, hơi nước sẽ tan mất đi. Người chân chánh tu hành thì xa lánh danh lợi ; Không vì danh lợi mà giao động tâm mình.

Quý vị muốn trải nghiệm kẻ đó có chân chính tu hành hay không, thì coi tâm hấn có bị danh lợi làm giao động chăng ? Nếu y cầu danh không được thì nổi nóng, cầu lợi không xong thì tức giận, nổi phùng ngọn lửa vô minh, tánh dữ như cọp, hung tợn hơn ai hết, không

cần hỏi mình cũng biết nhất định y là kẻ cầu danh lợi rồi.

Đời nhà Thanh, hoàng đế Càn Long có lần đi tới Kim Sơn Thiền Tự ở tỉnh Trấn Giang để thưởng ngoạn phong cảnh. Nơi sông Trường Giang hoàng đế hỏi Pháp Thanh Thiền sư rằng : "Trên giòng sông này một ngày có bao nhiêu con thuyền qua lại ?" Thiền sư đáp rằng : "Chỉ có hai lần thuyền qua lại." Vua Càn Long không hiểu hỏi : "Ông làm sao mà biết được chỉ có hai lần thuyền qua lại ?" Thiền sư trả lời : "Một con thuyền gọi là danh, một con thuyền gọi là lợi."

Do chuyện này mình biết rằng những kẻ độ thuyền qua sông, nếu không vì danh cũng vì lợi. Nhưng họ không biết rằng kẻ cầu danh thì chết vì danh, kẻ cầu lợi chết vì lợi. Cuối cùng chỉ tay trắng tới gặp ông Diêm Vương.

Cho nên :

Vạn bang dài bất khử.

Chỉ hữu nghiệp tùy thân.

Dịch là :

Mọi thứ nào đem nặng.

Chỉ nghiệp là theo hoài.

Người tu đạo nếu không có lòng nóng giận, có thể nhẫn nhục, nại khổ thì dễ thành pháp khí, có thể ở trong Phật giáo là bậc đồng lương, là bậc ruộng cội có thể đem Phật giáo truyền bá sâu rộng. Người tu mà thường hay nổi nóng là người phá hoại Phật giáo, là kẻ làm hại tập thể.

Phật giáo mới tới Tây phương (tức là nước Mỹ) trồng xuống khoảng đất thanh tịnh hạt nhân bồ đề, hiện tại bắt đầu manh nha sinh xuất ra mạ. Hy vọng quý vị là những người làm vườn tốt, siêng năng tưới nước bón phân khiến được tươi tốt, rồi tương lai cây cao lớn khai hoa và kết quả bồ đề.

Những người ở trong Vạn Phật Thánh Thành đối với chuyện nói năng cần phải chú ý, không được nói bừa bãi, không được tùy ý nói chuyện thị phi. Vạn Phật Thánh Thành là nơi thánh địa thanh tịnh để tu Đạo, không thể có những ngôn ngữ của bàng môn tả đạo. Các vị cần biết rằng đối diện với vạn Phật thì làm sao mình có thể ăn nói loạn xạ được ? Quý vị phải nhớ lấy !

Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu sinh.

Nghĩa là :

Bệnh do miệng mà vào, họa cũng do miệng mà ra.

Đây là câu ngạn ngữ rất chí lý ; quý vị nói gì cũng phải suy nghĩ ba lần rồi mới nói, để tránh nói những điều sai với nhân quả. Lời nói ra rồi thì không những mình phải chịu trách nhiệm đối với pháp luật, mà còn chịu báo ứng đối với luật nhân quả nữa.

Phật giáo là tôn giáo đề xướng tinh thần "vô ngã" cho nên không chấp nhận chuyện bói toán, coi tử vi, phong thủy, hay coi tướng số. Những chuyện đó đều đi ngược lại với Phật pháp, cho nên mình phải cấm chỉ chuyện phổ biến nó. Nếu như quý vị tin vào những thứ tà pháp đó thì tự nhiên chấp nhận cái "ngã" của mình tồn tại, tất cả là vì mình. Hễ có cái của mình, thì mình luôn luôn tìm cách vì mình mà tính toán, vì mình mà chẳng vì người khác ; như vậy thì không còn gì là Phật pháp nữa.

Phật pháp thì dạy con người không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không

tự lợi, không vọng ngữ. Còn phong thủy thì dạy người ta tranh, dạy người ta cầu, ích kỷ, dạy họ tự lợi, dạy họ nói láo. Thậm chí còn nói láo rằng trong một trăm ngày thì có thể đại phát tài, có thể làm quan. Người có lòng tham thì liền tin lời của y . Thật ra đại tài chưa phát mà tiểu tài đã hao đi, vì phải đem tiền đi trả lễ cho ông thầy bói rồi. Bói như vậy chẳng khác nào bảo người đó đi cướp tiền ngân hàng để lập tức được phát tài, không cần một trăm ngày cũng đã phát rồi.

Lại nữa, nếu ông thầy bói biết chỗ nào có phong thủy tốt có thể phát tài, có thể thăng quan tiến chức thì tại sao bản thân y không dùng mà nói cho người khác biết ? Thật là vô lý ! Hy vọng những người thông minh như quý vị đừng nên mê tín bị những kẻ đó lừa bịp.

Y học, bói toán, tinh văn, tướng số, y bốc tinh tướng ở trong Phật giáo là một trong năm nghề người tu đạo không nên làm. Y tức là bác sĩ trị bệnh cho người khác (người tại gia làm bác sĩ được, song kẻ xuất gia không làm). Bói toán biết chuyện tốt xấu kiết hung. Tinh tức là tinh văn coi tinh tú biết được chuyện tốt

xấu kiết hung. Tướng tức là tướng mạo, coi biết được mệnh vận thuận hay nghịch. Đó là những điều mê tín. Mình phải biết rằng đạo lý "*nhân định thắng thiên*" con người có thể thắng được trời.

Người xuất gia tu đạo, sinh tử là chuyện không sợ, hà huống là những chuyện nhỏ nhặt này ? Những thứ đó có gì mà phải lấy làm lạ. Người xuất gia là người siêu xuất ra số mạng.

Nghĩa là :

Siêu xuất tam giới ngoại,

Bất tại ngũ hành trung.

Dịch là :

Vượt ra khỏi tam giới,

Không ở trong ngũ hành.

Nếu tình tướng mạo, phong thủy, đó là những thứ mà những kẻ thế tục mới tin. Mình phải hiểu rằng vận mệnh con người đều do nghiệp lực chiêu cảm mà sinh ra. Mình đừng để tập khí dắt dẫn, đừng để vật dục làm mê mờ ; cần phải tự sáng tạo vận mạng cho chính mình, phải làm chủ tế vận mạng. Cứ làm

nhiều công đức thì sẽ cải tạo vận mạng của mình. Khi gặp nạn tự nhiên sẽ hoá thành kết tường. Rằng :

Đản hành hảo sự
Mạc vấn tiền trình.

Nghĩa là :

*Cứ làm việc tốt,
Đừng hỏi chuyện tương lai.*

Bây giờ đã thiên thất thì mình phải sáng tạo một sinh mạng mới. Chớ mê tín, phải có chánh tín, chớ nên theo người ta nói ừ thì mình ừ, rồi cứ việc đi theo người khác, họ đi trước mình theo sau, điều đó hết sức sai lầm. Mình phải có Trạch pháp nhãn (con mắt biết nhận ra chân lý), biết cái nào đúng, cái nào sai, biết phân biệt thiện với ác, trắng với đen; phân minh rõ rệt thì mới không bị điên đảo mê hoặc.

Người tu thiên có thể làm chủ chuyện sinh tử của chính mình, sống chết rất tự do, không còn hạn chế nữa. Nên nói :

Tánh mệnh do ngã bất do thiên.
Nghĩa là :

*Tánh mệnh của mình là do mình tạo,
không phải do trời.*

Chính ông Diêm la vương cũng không thể nào khống chế, không làm gì mình được. Tại sao vậy ? Bởi vì mình đã ra ngoài cõi Tam giới rồi.

Thế nào là đến đi một cách tự do ? Có nghĩa là đối với chuyện sinh tử mình hết sức tự do, nếu muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, tùy tâm mong muốn. Tuy nhiên quý vị phải chú ý, sự chết này không phải do tự sát, tự uống thuốc độc.

Thân thể của mình cũng giống như căn phòng vậy. Muốn du hành ra ngoài, muốn đến chỗ nào thì tự do mà làm. Muốn hóa thân thành trăm ngàn vạn ức tới tận hư không biến Pháp giới để giáo hoá chúng sinh thì tùy ý nhậm vận. Nếu không muốn đi du hành thì mình vẫn ở trong căn phòng, không ai có thể tới làm phiền mình cả. Nên hiểu rằng tận hư không biến Pháp giới, tất cả mọi thứ đều ở trong pháp thân, không có gì chạy ra khỏi pháp thân này.

Quý vị hết sức siêng năng cần khổ lại tham thiền, ngày đêm không ngừng dụng công, là chỉ vì muốn được tự do trong sinh tử, không chế được sinh mạng của chính mình, làm chủ chuyện sinh tử. Khi đã làm chủ được thì đó là mình đã tới được cảnh giới sinh tử tự do.

Người tham thiền tham đến chỗ trên không biết có trời, dưới không biết có đất, giữa cũng không thấy có người, cùng với hư không hợp thành một. Tới cảnh giới như vậy sẽ có cơ hội khai ngộ. Lúc ngồi lúc đi đều là cơ duyên để khai trí huệ.

Mình tham câu : "*Niệm Phật là Ai ?*" Niệm Phật là người nào ? Người nào đang niệm Phật ? Ai là người đang ngồi đây ? Người ngồi đây là Ai ? Lúc ăn cơm, Ai là người ăn cơm ? Lúc ngủ, Ai là người đang ngủ ? Phải tìm ra kẻ đó. Tìm tất cả là tham; tham đến lúc thủy cùng sơn tận thì với một sự chuyển thân mình sẽ khai ngộ. Rằng :

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ấm hoa minh hựu nhất thôn.

Dịch là :

*Núi cùng, sông hết, tướng hết đường,
Tàng liễu, hoa giăng, hiện thôn trang.*

Nghĩa là :

Núi đã hết, sông đã tận cùng, nghĩ rằng không còn đường đi nữa. Nhưng sau tàng cây liễu, sau đám hoa tươi kia lại xuất hiện một thôn làng.

Lại nói ;

*Bách xích can đầu trùng tấn bộ,
Thập phương thế giới hiện toàn thân.*

Nghĩa là :

*Đầu sào trăm trượng, dần bước thêm
bước,
Mười phương thế giới sẽ hiện thân.*

Nếu như không ngồi tịnh tọa, không tham thiền, thử hỏi các vị có biết mình từ đâu sinh ra và chết rồi về đâu ? Các vị nói không biết. Không biết tức là hồ đồ sinh ra, rồi lại hồ đồ chết đi. Cả một đời như thế thì thật đáng thương !

Người dụng công tham thiền khi khai ngộ

rồi, nhận thức được bản lai diện mục của mình trước khi được cha mẹ sinh ra. Thoát nhiên hiểu suốt ; tất cả những thứ tinh thô đẹp xấu mà người ta khó biết thì tâm mình không có chỗ nào chẳng thấu suốt. Khi tới được cảnh giới đại tạo hoá, thì tương lai sẽ thành Phật đạt tới quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lão Tử từng nói hai câu như sau :

Thiên hại gia tri mỹ tri vị mỹ, tư ác dĩ.

Giai tri thiện chi vị thiện, tư bất thiện dĩ.

Nghĩa là :

Thiên hạ biết đẹp là đẹp, ắt đã có cái xấu rồi.

Biết việc lành là lành, hẳn đã có cái không lành rồi.

Người trên thế giới đều biết làm chuyện tốt là tốt, nhưng đến lúc làm thì chẳng tốt đẹp gì. Người ta biết làm chuyện thiện là đúng, đến lúc thử thách tới thì không vượt qua được. Lại bị cảnh giới làm mê hoặc, không làm được việc thiện mà chỉ chạy đi làm chuyện ác.

Người học Phật biết rằng "từ, bi, hỷ, xả" tứ vô lượng tâm là căn bản của pháp hành

đạo Bồ tát nhưng lại không chịu làm. Biết rõ đạo lý thì phải biết công dụng như thế nào ? Ngày nào cũng học Pháp "Lục độ", Đến lúc gặp thử thách thì bố thí mình không chịu bố thí, trì giới thì chẳng trì giới, nhẫn nhục cũng hết nhẫn nhục, tinh tấn liền mất tinh tấn, thiền định cũng không thiền định, trí huệ thì cũng chẳng có trí huệ. Quý vị hỏi mình học như vậy thì có ích gì ?

Sau đây là ý nghĩa của Lục độ :

1- Bố thí : Tức là dùng tài sản vật chất hoặc Phật pháp để bố thí kẻ khác. Có người lúc cần bố thí thì không chịu bố thí. Ngược lại, hấn kêu người khác bố thí cho mình, càng nhiều càng tốt. Nói rằng bây giờ tôi không muốn cho anh, anh cần phải bố thí cho tôi ! Hấn luôn tìm cách chiếm tiện nghi, không chịu thua thiệt. Hạng người này lúc nào cũng cho mình là đúng.

2- Trì giới : Thiên hạ người nào cũng biết trì giới là trì giới, nhưng đến lúc gặp thử thách không những không giữ giới mà lại phá giới nữa. Thọ giới tức là không động tâm. Bất luận cảnh giới nào đến mình cũng không động.

Rằng :

Thái Sơn bằng tiền tâm bất kinh.

Mỹ sắc đang tiền tâm bất động.

Nghĩa là ;

*Nếu núi Thái có sập trước mặt, lòng ta
chẳng kinh hãi.*

*Mỹ sắc trước mắt, lòng ta không xao
xuyến.*

Đó là định lực có thể chuyển được cảnh giới. Bất kể là cảnh ác hay thiện, thuận hay nghịch, mình đều thản nhiên ; không sinh tâm phân biệt thì tự nhiên gió yên sóng lặng.

3- Nhẫn nhục : Nghĩa là nhẫn thọ những gì không như ý. Nếu có thể nhẫn thọ tất cả những chuyện không đúng với ý mình, thì đó tức là mình chịu khảo nghiệm và chịu thử thách. Nếu mình có thể chịu được thử thách thì có thể qua được "quan" (cửa). Nếu không chịu được thì mình không qua được cửa. Ai cũng biết nhẫn nhục thì sẽ đến được bờ bên kia ; nhưng khi cảnh giới tới thì chẳng nhẫn được. Lửa vô minh cao ba thước nổi lên ; bao nhiêu công đức kết tụ trong một khoảng khắc tiêu sạch hết.

4- Tinh tấn : Khi mình đã thiền thất tức là tinh tấn. Ai ai cũng muốn tinh tấn, nhưng đến lúc tinh tấn thì không chịu tinh tấn, chỉ muốn lười biếng an phận thụ lộc, hoặc chạy đi pha trà hoặc cố ý đi nhà vệ sinh, hoặc cố ý xuống bếp để uống trà ; tất cả đều là cái cớ để cho qua thời giờ. Khi chưa đã thiền thất thì mình nói nghe rất là hăng hái, rằng tôi sẽ tham gia thiền thất thật giỏi. Đến khi thiền thất bắt đầu thì không còn nhớ điều mình thề nguyện lúc trước nữa. Tại sao vậy ? Đây chính là biết rõ mà cố ý phạm lỗi. Tuy biết tham thiền là chuyện tốt mà vẫn cứ lười biếng. Quý vị nghĩ xem tâm lý mâu thuẫn như vậy làm sao giải quyết đây ? Quy cũ của thiền đường là nếu người nào không giữ luật lệ sẽ bị đánh ; đánh đến lúc nào khai ngộ thì thôi.

5- Thiền định : Hiện tại tham thiền tức là thời gian dụng công tốt nhất. Tại sao cần phải đã thiền thất ? Vì muốn tinh thần được tập trung, tâm không vọng tưởng, khiến trí huệ mình hiện tiền. Cho nên có câu : "*Trí huệ giải thoát*" tức thiền định là phương pháp khắc kỷ thủ chứng (nghĩa là định kỷ hạn chế tu chứng).

6- Trí huệ ; Là thứ đưa mình tới bờ bên kia, liễu sinh thoát tử. Nếu như muốn khai trí huệ mà lười biếng thì sẽ mất đi cơ hội khai ngộ. Nên tham thiền cần phải chăm chú không để thời gian qua uổng vì không biết mình sẽ khai ngộ trong giây phút nào. Có người có vọng tưởng như vậy : "Tôi không muốn có trí huệ vì sự ngu si của tôi cũng tốt lắm mà ! Tôi không hiểu mọi chuyện thì cũng chẳng sao". Đó là thứ gọi là : "*Yếm nhi đạo linh*". Nghĩa là vừa đánh chuông vừa bịt tai (tưởng không ai nghe), mình chỉ tự lừa mình. Đến lúc chết rồi mới hiểu rằng mình đến thế gian này một cách luống uổng. Lúc đó có hối hận cũng đã muộn rồi.

Phật giáo ở Mỹ là lúc mới bắt đầu, nên phải có người tu hành chân thật, phải "*cung hành thực tiễn*" tức là thực sự tu hành. Cần chuyên nhất tu hành, tự mình cải bỏ lỗi lầm để tu hành, sửa đổi tập khí mà tu hành, phải làm gương cho kẻ khác thì tiền đồ Phật giáo mới sáng lạng được. Nếu như mới bắt đầu mà không có người chơn chánh tu hành làm mô phạm, không có ai phát tâm bồ đề thì Phật

giáo ở Tây phương không thể hưng thịnh được. Do đó sự hưng thịnh của Phật giáo phải do các vị thanh niên đảm nhận.

Hiện tại hai vị "Tam bộ nhất bái" Quả chân (Hằng thật) và Quả Đình (Hằng Triều) là những vị tu hành rất thành tâm, có thể nói là tiên phong mở đường cho Phật giáo vậy. Các vị đó trên đường lộ, đi ba bước lạy một lạy, không phải vì cầu phước báo cho mình mà vì muốn cầu hoà bình toàn thế giới. Hơn hai năm qua, hai vị đó nhịn đói nhịn khát, nhịn lạnh nhịn nóng, chịu gió chịu mưa hết sức cực khổ. Tu hành như vậy không phải là chuyện người thường có thể làm được. Các vị đó nhịn chịu những thứ mà người khác không nhịn chịu được, nhường nhịn những cái mà người khác không thể nhường nhịn được, ăn những đồ mà người khác không muốn ăn, mặc những quần áo mà người khác chê không thèm mặc. Bất kể là gió thổi hay mưa rơi vẫn cứ lạy Phật không ngừng, cũng không cần biết là trời nóng hay lạnh, đói hay khát, không ngừng nghỉ, cũng không giải đãi, không lười biếng, ngày ngày đều tụng kinh sáng chiều hai

thời, mỗi giờ mỗi phút không bao giờ lười biếng an phận. Hai vị đó phấn tấn nỗ lực tu hành là vì muốn Phật giáo có thể phát triển khắp nơi trên toàn thế giới. Hai vị tu hành cực khổ như vậy không phải vì danh cũng chẳng phải vì lợi, mà vì muốn lấy trách nhiệm của Phật giáo làm trách nhiệm của chính mình. Tinh thần đó thật là đáng khen ngợi.

Quý vị phải học cho bằng công hạnh của hai vị Tam bộ Nhất bát. Lấy họ làm gương soi để mình phản tỉnh. Xem đối với Phật giáo mình đã cống hiến được những gì, chuyện mình làm là vì mình hay vì Phật giáo ? Nếu như vì mình, thì hãy sinh tâm hết sức hổ thẹn, lập tức sửa đổi hành vi không chánh đáng đó. Nếu vì Phật giáo thì mình cần phải nỗ lực hơn nữa, cần phải cố võ khiến Phật giáo phát triển, bảo vệ Phật giáo, cần phát Bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo, lúc nào cũng muốn kẻ khác được an lạc, không tính toán riêng tư cá nhân, đó mới là tinh thần của đạo Bồ tát.

Quý vị ở trong thiên đường, lúc đi lúc ngồi cho là khổ sở nhưng nếu so với hai vị Tam bộ Nhất bát thì sự khổ ấy thật là hết sức

sung sướng vậy. Quý vị cần thể nghiệm điều này một cách sâu xa, đừng để mất cơ hội. Hai vị hành giả đó nếu không phát tâm Bồ đề, không hành đạo Bồ tát thì đương nhiên là chẳng thể hoàn tất cuộc hành trình của họ được.

Ở thiền đường quý vị đừng nên sinh tâm vọng tưởng ; thân ở trong thiền đường mà tâm thì đến thế giới khác du ngoạn, đó tức là đầy dẫy vọng tưởng, có thể ảnh hưởng đến tâm tu đạo của mình ; quý vị phải nhớ lấy ! Không được để cho thời gian trôi qua một cách lãng phí mà mình phải nắm lấy thời cơ, chụp lấy cơ hội khai ngộ. Nếu mình chuẩn bị như vậy thì không hổ thẹn với chính mình, còn ngược lại thì chỉ là nói suông mà thôi.

*Giảng ngày 20 tháng 8 năm 1979
tại Vạn Phật Thánh Thành.*



LÀM VỪA ĐỦ LÀ TRUNG ĐẠO



Gấp thì dứt, chậm thì lỏng.

Không chậm, không gấp mới thành công.

Pháp môn tham thiền, cần hồi quang phản chiếu ở mọi thời mọi lúc một cách tự nhiên. Mình không được quá gấp rút, cũng không được quá chậm chạp; nên có câu nói rằng ;

Khẩn liễu băng, mạn liễu tông

Bất khẩn bất mạn tài thành công.

Dịch là :

Gấp thì dứt, chậm thì lỏng

Không chậm, không gấp mới thành công.

Không gấp không chậm là trung đạo; đi đứng nằm ngồi đều không rời "cái này", xa rời khỏi "cái này" tức là sai lầm. "Cái này" là cái gì ? Đó chính là Trung đạo liễu nghĩa.

Tham thiền không được đi vào cực đoan, không được quá lỗ cũng không được thiếu hụt; quá lỗ hay thiếu hụt đều không phải là

Trung đạo. Không rơi vào "không", cũng không rơi vào "hữu", không rơi vào hai biên tế, mới gọi là Trung đạo. Nên nói rằng : "*Trung đạo chính là phi không phi hữu*" (chẳng không mà cũng chẳng có), cũng có nghĩa là chân không diệu hữu. Không chấp trước chân không, nhưng cũng đừng quái ngại diệu hữu. Chân không diệu hữu đều không thể nắm bắt, cũng không thể xả bỏ. Nắm cũng không được, bỏ cũng không xong, đó chính là cảnh giới của chân không diệu hữu.

Người dụng công cần phải có thủy có chung (có đầu có đuôi) thì mới thành tựu được. Rằng : "*Quán triệt thủy chung*". Không thể một ngày tu rồi mười ngày nghỉ - nhất bực thập hàn - nghĩa là một ngày hơi ấm, mười ngày bỏ lạnh. Không được gặp chuyện khó khăn liền thối lui, đi được nửa đường rồi bỏ cuộc, người như vậy là kẻ không có chí chí. Cổ nhân nói :

Tu Đạo bất phạ mạn, chỉ phạ trảm.

Nghĩa là :

*Người tu đạo không sợ chậm, chỉ sợ
đứng một chỗ.*

Lúc thường dụng công tham thiền, mình nên chú ý vào thoại đầu, dùng Kim cang bảo kiếm (tức là trí huệ) để chặt hết vọng tưởng. Vọng tưởng hết, thì trí huệ hiện tiền. Có trí huệ quang minh, mới phá tan vô minh hắc ám. Vô minh phá trừ rồi, mình thoát khỏi Tam giới, hết sinh tử, lúc đó mới ra khỏi vòng tròn định mạng (thập nhị nhân duyên).

Người dụng công tu đạo cần có tâm nhẫn nại. Bất luận trường hợp khó khăn gian khổ nào, cũng cần nhẫn thọ. Nhẫn nại thì mới tới được bờ bên kia. Vì vậy trong khi đả thiền thất đừng nên sợ khổ. "*Khổ tận cam lai*" nghĩa là đắng hết, ngọt lại. Nếu mình chưa lặn xuống tận đáy, mình sẽ không bao giờ vươn lên tận chóp đỉnh. Căn nhà cao hằng ngàn trượng đều từ nơi mặt đất xây lên, không phải xây lên trong hư không. Bởi thế cần hạ thủ tham thiền nơi chốn căn bản, tức là trừ bỏ vọng tưởng. Nếu mình có thể ngừng vọng tưởng, thì lúc đó :

Tâm thanh, thủy hiện nguyệt,
Ý định, thiên vô vân.

Dịch là :

*Lòng trong suốt, trăng hiện bóng nước.
Ý an định, trời xanh không mây.*

Khi lòng thơi thản, trăm nạn tiêu hết. Ý yên định, mọi chuyện thanh bình. Rằng :

Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý.
Tư dục đoạn tận chân phước điền.

Dịch là :

*Tâm ngừng, niệm dứt là giàu sang thật.
Lòng tư dục cạn, ruộng phước mới chân.*

Tham thiền tức là dứt hết vọng, chỉ còn sự chân thật (khử vọng tồn chân). Cũng giống như sàng cát đãi vàng vậy; ở trong cát mà tìm vàng đó là chuyện rất khó khăn. Tuy nhiên, nếu mình muốn tìm vàng thì phải tìm trong cát, tất phải có lòng nhẫn nại. Quý vị có muốn hiểu rõ Phật tánh của mình không ? Muốn được mình tâm kiến tánh chăng ? Vậy thì phải nhẫn nại tu hành, nhẫn nại tham thiền, nghiên cứu, lâu dần thì tất nhiên sẽ quán thông, sẽ khai ngộ; "Ồ ! Thì ra là vậy".

Khi tham thiền thì mình đừng để ý đến chuyện khác, cứ một mực tham câu "*Niệm Phật là ai ?*" Phải tìm cho ra "*Ai*" đó, chỉ khi

nào tìm ra rồi thì lúc đó mới ngừng tham. Công phu mình đã đến chỗ thuần thục rồi, thì tự nhiên sẽ gặt hái được kết quả tốt.

Khi ngồi trong thế kiết già, đem chân trái gác lên đùi phải, đem chân phải gác lên đùi trái. Đó là vì chân trái thuộc về dương, chân phải thuộc về âm. Cho nên khi ngồi thiền, chân trái (dương) thì ở phía trên, chân phải (âm) thì ở phía dưới, đó cũng giống như là vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi (tức là âm và dương). Tuy ý nghĩa như vậy; nhưng để cho tiện, quý vị muốn bỏ chân trái ở dưới, chân phải ở trên cũng được, bởi vì Pháp thì không nhất định, tùy theo thói quen của mỗi người, không cần phải chấp trước một phương pháp một tư thế cố định nào cả. Để chân trái ở trên chân phải là một phương pháp mà thôi, không phải là một quy luật tuyệt đối; rằng quý vị phải tuân theo như vậy.

Nói tóm lại, kiết già phu tọa là thế mình dễ nhập định nhất. Nếu mình có thể nhập định trong lúc đi thì ngồi hay không ngồi đều không thành vấn đề. Cảnh giới lúc nhập định thì không có một chút vọng tưởng nào, trong

tâm một niệm chẳng nẩy sinh, bụi trần chẳng nhiễm. Nếu có thể đi đứng nằm ngồi không sinh một niệm nào, không nhiễm ô bụi trần thì đó là lúc dụng công đầy. Không nhất định ngồi mới gọi là dụng công tham thiền.



PHẬT PHÁP RẤT BÌNH ĐẲNG

Trong Phật giáo một phần công,
một phần tội đều chẳng bao giờ sai lạc.

Phật pháp rất thâm áo. Khi ở trong Phật pháp mình không cảm thấy chỗ nào tốt, khi ở ngoài Phật pháp mình cũng chẳng thấy chỗ nào xấu. Song, trong Phật giáo một phần công, một phần tội đều chẳng bao giờ sai lạc. Đạo Phật hết sức tự do, bình đẳng, chẳng có chuyên chế, cũng chẳng đi vào chỗ cực đoan.

Tại sao nói là hết sức bình đẳng ? Bởi vì tất cả chúng sinh, bất luận là ngạ quỷ địa ngục, hung thần ác thú, kẻ dữ người xấu, nếu phát tâm tu hành, quay đầu về bến, đều có thể thành Phật. Không giống như thuyết ngoại đạo rằng : "Kẻ ác người xấu thì vĩnh viễn là xấu ác, không có cách gì có thể độ được. Hoặc rằng mãnh hổ ác thú vì tánh tình vô cùng tàn bạo, sẽ không được cứu vớt".

Phật giáo hết sức là tự do, bởi vì giáo lý trong Kinh Phật chỉ khuyên dạy người ta làm

thiện tránh ác. Làm ác thì tự mình thọ quả báo. Nhưng Phật giáo cũng không bắt ép người ta làm chuyện tốt, cũng không dọa rằng : "Nếu không nghe lời, chuyên tạo ác nghiệp thì bị bỏ vào tù". Bởi vì mọi thứ đều do tâm tạo, thiên đường hay địa ngục đều do tư tưởng và nghiệp lực của mình tạo thành. Phật pháp dạy người ta rằng : "*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*". Nghĩa là đừng làm chuyện ác, chỉ làm tất cả điều lành, đồng thời xiển minh đạo lý nhân quả, không sai lạc được dù đối với việc nhỏ như sợi tóc, để người ta nhận thức được chân lý siêu xuất luân hồi.



ĐẠI THIÊN ĐẠI ÁC VƯỢT RA NGOÀI SỐ MẠNG

Vận mệnh có thể sửa đổi,
khả năng sửa đổi ở trong tay mình

Xưa kia có một vị họ Viên hiệu Liễu Phàm, tên Học Hải, là một danh nho đời nhà Minh, lúc nhỏ chàng hay đọc sách nhưng phụ thân muốn chàng học nghề thuốc để tế thể cứu người, cho nên chàng liền cải đổi học y. Về sau, chàng gặp một vị tướng số râu dài nói với chàng rằng ; "Ngài có số làm quan, ngài nên đọc sách để có thể làm quan lớn. Vào ngày đó tháng đó ngày đó thì ngài sẽ đậu tú tài; năm đó tháng đó ngài sẽ được làm huyện quan, bổng lộc rất nhiều, bao nhiêu đó... Rồi năm nọ tháng kia ngài sẽ được thăng quan tiến chức bổng lộc bao nhiêu bao nhiêu... Cho đến năm năm mươi bốn tuổi, ngày 14 tháng 8 nửa đêm ngài sẽ mệnh chung, suốt đời không có con cái gì cả". Do vậy cho nên Viên Học Hải mới đổi môn học, thì quả đúng như lời

toán số, mười phần linh nghiệm. Bởi vì mệnh vận đã định rồi cho nên chàng chẳng cần tinh tấn, chẳng cầu tiến bộ. Suốt ngày chỉ du sơn ngoạn thủy.

Một hôm nọ chàng tới núi Thê Hà, tại đó có một vị thiền sư tên là Vân Cốc. Khi chàng tới bái kiến vị thiền sư này; Thiền sư Vân Cốc liền đưa cho chàng một bồ đoàn. Hai người ngồi đối diện như vậy suốt ba ngày, thiền sư cảm thấy rất là kỳ lạ, hỏi rằng : "Ngài từ đâu tới ? Có thể ba ngày đêm ngồi bất động chẳng có vọng tưởng, hẳn rằng ngài là một vị kỳ nhân tu đạo".

Họ Viên đáp : "Bởi vì tất cả mọi sự đều do vận mệnh an bài, nên tôi chẳng tham chẳng cầu, chẳng có vọng tưởng gì cả".

Vị thiền sư nghe nói liền tiếp lời : "Tôi tưởng ngài là một bậc phi thường, nhưng hóa ra ngài chỉ là một kẻ phàm phu tục tử".

Họ Viên nghe thế, lấy làm không vui, mới hỏi rằng : "Sao thiền sư nói tôi chỉ là một kẻ phàm phu tục tử ?"

Thiền sư trả lời : "Nếu không phải là phàm phu thì tại sao lại bị vận mệnh trói buộc ?"

Họ Viên liền hỏi : "Vận mệnh trốn thoát được chăng ?"

Thiền sư đáp rằng : "Ngài là kẻ thư sinh đọc sách, sao lại không biết trong *Kinh Dịch* có một câu nói rất rõ là : "*Thú kiết tỵ hung*", nghĩa là tới chỗ tốt, tránh chỗ xấu. Nếu mà số mạng không thể trốn được thì làm sao tới chốn an tường, tránh xa điềm dữ.

Họ Viên nghe thấy liền đại ngộ, lập tức đổi tên mình thành Liễu Phàm. Ý nói rằng từ ngày hôm nay về sau mình không còn là kẻ phàm phu nữa. Từ đó về sau, chàng luôn làm việc thiện, tích phước tích đức khiến những điều mà vị tướng số nói không còn linh nghiệm nữa. Viên Liễu Phàm sống đến hơn tám mươi tuổi, có ba đứa con. Bởi vậy vận mệnh không phải là nhất định, điều tốt xấu kiết hung cũng không phải nhất định. Cổ nhân nói rằng : "*Quân tử tạo mệnh*". Người có đạo đức, chính nhân quân tử thì có thể sửa đổi được vận mệnh, siêu xuất khỏi số mệnh mình.

Tại sao có điều chẳng lành xảy ra ? Đó là vì trong tâm mình chẳng lành, mình luôn

trồng những thứ nhân ác thì đương nhiên sẽ gặt những thứ ác báo..Nếu như mình có thể sửa đổi lỗi lầm, làm lành tránh dữ, thì mình có thể thú kiết ty hung. Từ chuyện này mà suy ra rằng vận mệnh có thể thay đổi, mà chính năng lực thay đổi đó lại ở trong tay mình. Rằng : "*Đại thiện đại ác, vượt ra ngoài số mạng*".



XIN BỒ TÁT LÀM TIÊU ĐỘC CHO TOÀN CẦU

Dùng cam lồ và nước pháp tẩy trừ độc khí trên thế giới. Độc tiêu một phần, thế giới bình an thêm một phần.

Tại sao ta đã Địa Tạng Thất ? Bởi vì hiện tại thế giới có quá nhiều tai nạn, nên chúng ta cần ngài Địa Tạng Bồ tát dùng sức bốn nguyện làm tiêu mọi tai nạn.

Địa Tạng Bồ tát rất tôn trọng đạo hiếu, bởi vì Ngài đời đời kiếp kiếp luôn là người con hiếu thảo với cha mẹ. Đây không phải là chuyện dễ dàng, bởi vì chính từ sự khốn khổ gian nan mà Ngài tu luyện thành đạo. Cha mẹ Ngài không tin Tam bảo, nhưng Ngài phải thuận ý họ, dùng mọi thứ thiện xảo phương tiện để khuyến dụ các vị đó sinh lòng chính tín nơi Tam bảo. Nơi nào Ngài tới, Ngài đều làm hạnh Bồ tát, chẳng lộ hình tướng, không chấp trước. Không có hình tướng là bởi vì Ngài không kể công, không tự mình khen đức

hạnh. Cũng giống như khi cứu độ chúng sinh, Ngài lại nói rằng là chúng sinh tự độ, không muốn chúng sinh cảm ơn Ngài, đánh lễ Ngài.

Khi Ngài ở địa vị Bồ tát, Ngài không nghĩ rằng mình cao mình hơn các vị Bồ tát khác; hoặc là mình có thế nguyện vĩ đại, có lòng từ bi rộng lớn hay có thần thông quảng đại hơn hết. Ngài không có những tư tưởng đó. Mọi việc làm của Ngài, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều coi như vô sự ; Việc mình đem hết sức hết lòng ra làm mà không thấy mình có làm, không sinh lòng kiêu hành, cũng không làm kẻ khác chú ý. Ngài chỉ nghĩ rằng đó là bốn phận của Ngài, Ngài không kể lễ công trạng, ví thế Ngài cảm động được tất cả chúng sinh, khiến họ tán thán xưng dương ca ngợi Ngài, thậm chí cả Phật cũng khen ngợi Ngài nữa. Phật không tùy tiện khen ngợi kẻ khác, chỉ khi nào có kẻ xứng đáng thì Phật mới khen mà thôi. Bởi vì Địa Tạng Bồ tát không kể công, Ngài cũng không tuyên truyền công đức của mình nên cảm ứng đạo giao. Cảm ứng đạo giao đó không phải do dùng thủ đoạn, hay mảnh khoe mà được. Nó

tới một cách tự nhiên. Người tu Đạo chúng ta phải học tinh thần thể nguyện vô biên của đức Địa Tạng :

Địa ngục bất không, thế bất thành Phật.
Chúng sinh độ tận, phương chúng bồ đề.

Dịch là :

*Địa ngục chưa rỗng, thế chưa thành Phật.
Chúng sinh độ trọn, mới chúng bồ đề.*

Hàng năm chúng ta đã thất, bởi vì muốn thế giới tiêu trừ độc khí. Hiện tại không khí rất ô nhiễm, vũ trụ đầy các thứ khí độc, mà tất cả những phương pháp điều không thể trừ được nó, chỉ có cách là chúng ta phải chí tâm thành khẩn, cầu chư Phật Bồ tát phóng quang, tiêu trừ những thứ độc khí đó, làm khí độc vô hình vô ảnh đó tiêu tan đi. Nên ở Vạn Phật Thánh Thành, mọi việc làm, đều có quan hệ đến sự an ách của toàn thế giới. Ở trong đạo tràng này, quý vị còn không thành tâm, thì thế giới ắt tăng thêm nguy hiểm hơn !

Nhân loại tạo ra quá nhiều ác nghiệp và sức người khó tiêu trừ chúng được. Hôm nay nhân ngày vía Ngài Địa Tạng Bồ tát, chúng ta

đồng tâm, hết sức chí thành niệm "Địa Tạng Vương Bồ tát"; kỳ vọng rằng có thể cảm động được lòng từ bi của Bồ tát, khiến Ngài giúp thế giới được tới chỗ bình an vô sự. Có được cảm ứng này hay không, đều do sự thành tâm của quý vị cả. Sức của một người thì không đủ, phải cần sức lực của đại chúng. Cho nên nói : Đại chúng chí thành, hợp tâm hợp lực, cùng nhau cầu đảo cho thế giới hoà bình.

Bây giờ trong tâm quý vị đã hiểu rằng, thế giới nguy ách này chẳng có hòa bình. Bởi vậy hiện tại các đạo tràng trên thế giới đều cầu đảo sự hoà bình. Đầu tiên cả là do Phật giáo Giảng Đường, Kim Sơn Thánh Tự đề xướng, sau đó những nơi khác ở Hương Cảng, Đài Loan đều làm theo; đó cũng chứng minh rằng thế giới đang lâm vào tình trạng rất khó khăn nguy hiểm. Tuy nhiên, chơn chính cầu đảo cho hoà bình thế giới thì có đạo tràng ở Vạn Phật Thánh Thành. Tại sao vậy ? Bởi vì ở đây tổ chức pháp hội gì, điều không hy vọng có đại thí chủ tới cúng dường tiền bạc, mỗi năm đều tổ chức một cách âm thầm; cứ tới ngày giờ là tổ chức. Chẳng cần biết là có trai

chủ hay không; cứ theo thường lệ mà tiến hành, coi đó là bổn phận của mình, không tự hào, không mảy may tính toán chuyện lợi hại gì. Mình chỉ hy vọng rằng Phật sẽ phóng quang gia bị sớm tiêu trừ tất cả những độc khí trên thế giới. Quán Âm Bồ tát dùng nước cam lồ, quán đảnh khiến chúng sinh tai tiêu bệnh trừ, tội diệt phước sinh. Địa Tạng Bồ tát dùng nguyện lực quảng đại của Ngài làm chúng sinh ly khổ đắc lạc, tiêu tan hết tai nạn ách chướng. Niệm Quán Âm Bồ tát, niệm Địa Tạng Bồ tát tức là giúp cho thế giới được tiêu độc, nhưng không cần dùng thuốc sát trùng, chỉ cần dùng nước cam lồ pháp thủy để tiêu trừ độc khí trên thế giới. Tiêu đi một phần thì thế giới có thêm một phần bình an. Khi độc khí không còn nữa, lúc đó chúng sinh sẽ được hưởng phước, nhân loại sẽ được an lành !

*Giảng ngày 4 tháng 9 năm 1982,
nhân dịp Đại Tạng Thất tại Vạn Phật Thành.*



PHẬT PHÁP LÀ GÌ ?

Tu đạo tức là "quay ngược lại".

Thế nào là Phật pháp ? Phật pháp tức là thế gian pháp. Song nó là pháp mà người thế gian không muốn làm. Người đời ai cũng bận rộn lăng xăng, mà phát xuất điểm không ngoài lòng ích kỷ riêng tư, chỉ lo bảo vệ thân mạng và của cải chính mình. Phật pháp thì đại công vô tư (chỉ có công ích không có tư lợi) đem lợi ích đến mọi người. Khi học Phật pháp, trong mọi việc làm mình hãy nghĩ đến người khác. Hãy xem nhẹ cái "tôi" này, quên mình vì người và chớ làm kẻ khác bức dọc phiền não. Đó chính là Phật pháp. Song phần lớn người ta không nhận thức rõ ràng được điểm này. Vì thế trong Phật giáo xảy ra đủ thứ tranh chấp, cãi vã, phiền não, thị phi. Chẳng khác gì, hoặc tệ hơn, chốn trần tục của người đời nữa. Những người này một đảng học Phật, một đảng tạo tội nghiệp. Vừa lập chút công, lại vừa tổn chút đức. Do đó, chẳng những họ không mang lợi ích đến đạo

Phật, mà ngược lại làm tổn hại đạo Phật. Việc ấy đức Phật gọi rằng ; "Con giòi trong thân sư tử, gặm nhấm thịt sư tử".

Là đệ tử Phật, nếu mình ích kỷ, tự lợi, không biết nhìn xuyên suốt (khán phá), không chịu buông bỏ (phóng hạ), thì sao tương ứng đặng với Phật pháp ? Người học Phật cần :

Chân nhận tự kỷ thác
 Mặc luận tha nhân phi
 Tha phi tất ngã phi
 Đồng thể danh đại bi.

Nghĩa là :

*Tự nhận rõ mình lỗi.
 Chớ nói người khác sai.
 Họ sai tức mình sai.
 Đồng thể là đại bi.*

Muốn hiểu chân lý đạo Phật thấu đáo, trước tiên mình cần tự tu nhân nhục, bố thí. Thế mới đưa tới thành tựu. Mình cần "xoay ngược lại", tức là phải tách biệt với người đời, không a dua theo trào lưu. Tu đạo mình cần

"Đổi ngược lại". Nghĩa là sao ? Tức là : "Nhường cho người việc tốt, tự mình lãnh việc xấu". Buông bỏ bản ngã hẹp hòi để hoàn thành Đại Ngã.

Phàm là đệ tử của tôi, các vị đều là máu thịt nơi thân tôi. Bất luận là máu thịt nào bị cắt xén, tôi cảm thấy đau đớn lắm. Bất kỳ nơi nào chảy máu, đều làm tổn thương nguyên khí của tôi. Do đó các vị hãy đoàn kết với nhau. Vì muốn làm Phật giáo rạng rỡ vẻ vang, các vị cần chịu đựng những chuyện thiệt thòi mà không ai chịu nổi, phải nhẫn những thứ nhục nhã mà không ai nhẫn nổi. Phải để lòng dạ rộng rãi, làm gì cũng cần thật thà. Mình không thật thà thì Phật Bồ tát biết hết đó. Làm sao mình lừa bịp chư Phật Bồ tát được. Các vị hãy kiểm thảo lỗi lầm của mình, thành lòng sửa đổi điều sai trái, chân chính nhận thức những thái độ, hành vi điên đảo, không hợp đạo lý của mình. Cứ thành thật, quên phút mình đi để phục vụ toàn thể Phật giáo và xã hội.

Bất kỳ một tổ chức, một xã hội nào trên thế giới cũng đầy đầy chuyện tranh chấp, đấu

tranh vô cùng phức tạp. Chúng ta hãy cải thiện tình trạng này trong các chùa thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới như Vạn Phật Thánh Thành, Kim Sơn Thánh Tự, Kim Luân Thánh Tự ... Tuy mình không thể sửa đổi hoàn hảo ngay lập tức, hãy từng bước sửa đổi tới lúc hết sức hoàn thiện, triệt để và cứu cánh. Bất kỳ lúc nào mình cũng cần giữ gìn hành vi và chí nguyện cao thượng để triển khai rạng rỡ Phật giáo. Đó là trách nhiệm cần có của mỗi Phật tử. Nếu Phật giáo không hưng thịnh, đó là do mình chưa tận tình làm tròn trách nhiệm. Chớ nên đẩy trách nhiệm lên thân kẻ khác. Nếu làm dạng thế, chẳng bao lâu Phật giáo nhất định rạng rỡ, lan rộng khắp mọi nơi trên thế giới.

Là đệ tử Phật, phải chăng mình cầu Phật gia bị hằng ngày ? Cầu Phật giúp mình phát tài, thăng quan hoặc khai trí huệ ? Phải chăng mình chỉ cầu Phật giúp mình, chẳng hề suy nghĩ tự hỏi mình có cống hiến, đóng góp gì cho Phật giáo chăng ? Mình có chân thật chăng ? Đây là điểm mà mình phải thường hồi quang phản chiếu.

Lúc quy y, các vị phát bốn nguyện rằng :

1- *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ* :
Hãy tự hỏi mình : "Ta độ được ai chưa ?" Nếu đã độ rồi thì hãy độ thêm nữa. Nếu chưa độ ai hãy phát tâm độ chúng sanh.

2- *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn* :
Phiền não thì nhiều vô cùng tận. Chỉ cần ta biến đổi chúng hoá ra bồ đề. Mình đã biến đổi chúng chưa ? Nếu chưa, thì hãy mau mau biến đổi chúng.

3- *Pháp môn vô lượng thế nguyện học* :
Hãy tự kiểm thảo : "Ta có học Phật pháp chăng ? Ta có ra sức vì đạo Phật chưa ? Phải chăng ta học một cách cứng ngắc, không biết làm sao vận dụng nó, rồi một ngày tu luyện, mười ngày bỏ bê ?".

4- *Phật đạo vô thượng thế nguyện thành* :
Trong thiên hạ không có pháp môn gì siêu thoát và cứu cánh hơn đạo Phật cả. Song ta đã chân chính phát tâm thành Phật chưa ? Không những ta phải thành Phật mà còn phải độ hết thấy chúng sanh thành Phật nữa.

Nhìn lại quá khứ, đức Phật Thích Ca đã tu phước tu huệ suốt ba A tăng kỳ kiếp, vun

trông tướng hảo cả trăm kiếp. Ngài đã từng xả thân mạng để đổi lấy nửa câu kệ pháp. Tinh thần ấy thật vĩ đại quá ! Sự chân thành cầu pháp của Ngài thật cao thượng ! Mình phải bắt chước tinh thần ấy.

Đã hơn 3, 4 năm nay, mỗi tháng tôi đều đến Kim Luân Thánh Tự ở Angeles. Tôi cảm thấy các vị chưa đắc được lợi ích chân chính của Phật pháp; cũng chưa thật sự thể hội được tinh thần vĩ đại của Phật pháp. Các vị đã đặt mình ra ngoài Phật pháp, chưa thâm nhập gì cả.

Nếu muốn Phật giáo hưng thịnh, mình phải sửa đổi từ chính bản thân trước. Hãy đem lòng chân thật, hy sinh nỗ lực vì đạo Phật. Chớ nên biết có phạm vi nhỏ hẹp quanh mình. Phải lấy pháp giới làm bản thể; chỗ ứng dụng, chốn hành động của mình bao trùm hư không. Rằng : "Hãy sinh cái tâm không dựa, không trước vào đâu cả". (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm). Nếu ai cũng làm như vậy thì Phật giáo sẽ rạng rỡ lắm.



VÔ QUI CỬ BẤT THÀNH VƯƠNG VIÊN

Không nhẫn chịu được cũng phải gắng nhẫn chịu. Đừng sợ đau, đừng đi loanh quanh luẩn quẩn. Nếu không thì sẽ không đạt được định.

Trong thời gian đả thiền thất, mọi người phải hiểu qui củ thiền đường. Khi chưa đánh mõ thì không ai được chạy hoặc đi cả. Nếu mình không giữ qui củ, không nghe theo hiệu lệnh tức là phạm qui củ. Trong thiền đường có qui luật của thiền đường. Sau khi khai tịnh, vị sư Duy na phải nhìn xem mọi người đã mang giày dép xong chưa, sau đó mới gõ một tiếng khánh. Chờ mọi người đứng lên rồi, thầy Duy na mới đánh tiếp hai tiếng mõ. Hai tiếng mõ chưa đánh, dù mọi người đã đứng lên, không ai được phép đi cả. Đó là qui củ rất đơn giản. Quý vị phải hiểu nó. Nếu vừa khai tịnh mà đánh mõ ngay, người còn chưa đứng lên thì làm sao đi ? Nếu phải chờ thêm

ba phút nữa cũng không sao. Vì có nhiều người ngồi lâu bị tê chân, đứng lên còn không được thì làm sao đi ? Đó là tri thức rất là phổ thông trong thiền đường mà quý vị cần phải hiểu.

Tôi biết có nhiều người ngồi lâu chân bị tê rồi khóc ròng. Khóc thì chẳng có ích lợi gì cả. Càng khóc thì càng đau. Cái chân nó đau có nói rằng : "Nếu bạn khóc thì tôi sẽ hết đau !" đau.

Nhiều người cho rằng ngồi thiền là điều rất tốt. Kỳ thật, ngồi thiền là nhẫn chịu sự khổ. "Càng tốt" tức là "càng khổ" vậy. Mọi người ở đây, hai giờ rưỡi sáng đã dậy rồi, ban ngày chỉ có một giờ để nghỉ ngơi rồi tiếp tục công phu cho đến mười hai giờ đêm. Mỗi ngày chỉ ngủ có hai, ba tiếng đồng hồ. Đó là dụng công mà quên tánh mạng của mình. Cũng có thể nói là "*Xả tử hoán sinh*" (vứt cái chết, đổi lấy sự sống). Rằng :

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh,
Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.

Nghĩa là :

*Không bỏ được cái chết cứng,
sao đổi được cái sinh động.*

*Không vất được cái giả dối,
sao thành tựu cái chân chính.*

Quý vị nếu không chịu được khổ làm sao hưởng được phúc. Nên muốn đến được chỗ chân chính công phu thì phải nhẫn khổ nại lao, phải nghiên rằng chịu chân đau. Thật sự cái đau này có thể chẳng đau. Song vì mình muốn đau nên nó mới đau, nó bắt mình phải chịu khổ. "*Nhẫn bất năng nhẫn*" đó là nhẫn cái đau của chân này. Khi đau, nếu mình không nhẫn nại được, thì coi như mình không vượt qua được thử thách. Mình nhất định muốn đem toàn thân, tất cả cơ quan này phá hủy nó đi. "Cơ quan" tức là ám chỉ sự đau khổ của thân, hoặc chỉ chỗ đau nhức, hoặc chỉ chuyện phiền não. Nếu ngay lúc đau đớn mình có thể nhẫn chịu, không sinh phiền não, đó chính là công phu. Nếu như không nhẫn được, thì coi như không vượt qua thử thách. Có người đến đây, chỉ một ngày cũng không chịu nổi, cứ muốn trốn đi. Quý vị hiện giờ đã vượt qua nhiều ngày, là chuyện không phải tầm thường đâu.

Phản đông các cô đều sợ đau chân. Song ở chỗ này chịu đau khổ được như vậy, nhất định là đã trồng được thiện căn thâm hậu, thì tương lai chủng tử bồ đề này nhất định sẽ nảy mầm, đạt được kết quả. Cho nên nói rằng "*công bất đường quyện*" nghĩa là công làm không uổng, mình dụng công bao nhiêu, sẽ đạt được bấy nhiêu, không sợ thời gian trôi qua lãng phí đâu.

Tu hành cần phải có "sinh nhẫn" nghĩa là nhẫn những thứ mà khó nhẫn. "Pháp nhẫn" là nhẫn sự sinh diệt tướng của các Pháp. Nhẫn chịu không được cũng phải gắng nhẫn chịu, đừng sợ đau, đừng đi loanh quanh luẩn quẩn, nếu không thì sẽ không đạt được định. Cần nhất là phải nhìn thấy các Pháp đều là không, nhìn thấu suốt và buông bỏ được. Từ nơi sinh nhẫn và pháp nhẫn, mình sẽ ngộ được đến vô sinh pháp nhẫn. Đó gọi là "*Bất kiến hữu thiếu Pháp sinh, Bất kiến hữu thiếu Pháp diệt*". Dịch là : Chẳng thấy có chút Pháp gì sinh. Chẳng thấy có chút Pháp gì diệt.



KHI ĐẮM TRƯỚC HƯƠNG VỊ THIỀN THÌ MỌI CHUYỆN ĐỀU SAI LẦM

Mình chỉ chờ đợi thiền vị đến,
một khi chờ đợi thì quên dụng công.

Tọa thiền đừng tham đắc vị thiền. Thế nào là vị thiền ? Đó tức là cảm giác sung sướng của thiền. Ngồi một thời gian khá lâu, tự nhiên mình sẽ có cảm giác rất là tự tại, thoải mái và sung sướng vô cùng. Nếu mình tham trước cảnh giới tự tại sung sướng đó, thì không dễ dàng mà tiến bộ. Mình sẽ ngưng trệ, cứ khởi ý tìm lại thiền vị đó. Nếu như cảnh giới đó qua rồi, lại đi tìm cầu rằng : "Khi nào thì tôi sẽ có được cảnh giới như vậy nữa ? Cảnh giới vô nhân, vô ngã, vô chúng sinh, vô thọ giả, vô phiền, vô não, hết sức tự tại khoái lạc đó, đến lúc nào thì tôi được nữa ?..." Khi chờ đợi thiền vị này đến, thì mình sẽ quên dụng công, đây gọi là chấp trước vào vị thiền.

Người tọa thiền cần vô quái vô ngại, vô tham vô cầu, vô hỷ vô ưu, vô khủng vô bố. Nên đem thân mình ví như là hư không trong

pháp giới vậy, không cần phải chấp trước tham cầu. Nếu có tham cầu thì sẽ rơi vào đệ nhị nghĩa.

Sau đây là bốn cảnh giới ;

1. Sơ Thiền Thiên, Ly Sinh Hỷ Lạc Địa :
Nghĩa là mình sẽ ly khai được phiền não của chúng sinh, đắc được món ăn thiền, sung mãn Pháp hỷ khoái lạc, ra khỏi sự mê đảo của chúng sinh và hướng tới con đường bồ đề của thánh nhân. Đạt tới cảnh giới thiền này thì không được mạo xưng, không được tự mình nói ra, mà phải được một vị thiện tri thức ấn chứng cho.

Cảnh giới này có cách để chứng minh ;
Tức là khi hơi thở của mình ngừng lại không còn hô hấp nữa, nhưng không phải là chết, đây tức là nhập định hay nhập sơ thiền. Sơ thiền này khác hẳn với sự ngủ nghỉ, quý vị đừng cho rằng ngủ tức là nhập định. Ngủ không những là còn hô hấp, mà nhiều người còn ngáy pho pho khiến kẻ khác nghe như sấm vậy. Bởi vậy sự hô hấp của quý vị đã ngừng hay chưa, những vị thiện tri thức nhìn sẽ biết ngay. Có kẻ nói rằng : "Tôi cảm thấy

là tôi không còn hô hấp nữa". Đó tức là giả, tức là mạo xưng. Nếu mà biết thì mình vẫn chưa nhập được sơ thiền. Nên không thể đem nhân hiệu giả ra rao bán được.

Nếu muốn phân tích tường tận e phải viết cả khối sách. Nếu nói nhiều quá, sẽ sinh ra chướng ngại cho quý vị. Nên nói một chút thôi, để tránh quý vị đừng sinh ra tâm cống cao tà kiến, rằng mình đã nhập vào sơ thiền; cho mình như vậy, tức là lừa dối kẻ khác.

2. Nhị Thiền Thiên, Định Sinh Hỷ Lạc

Địa : Cảnh giới này thì cao hơn một bước, không những hô hấp đã đoạn rồi, mà mạch tim cũng ngừng lại. Cảnh giới này không phải mình có thể biết hoặc là có thể nói ra. Nếu nói mình đã đạt cảnh giới đó, thì thử hỏi làm sao cảm thấy nó ? ắt hẳn mình chưa hề nhập định, rồi lại mạo xưng để lừa người khác chăng ?

3. Tam Thiền Thiên, Ly Hỷ Diệu Lạc Địa

Tới được cảnh giới này thì hô hấp và mạch tim đều ngừng lại, đến ý niệm cũng không còn. Tới cảnh giới này thì mình ra khỏi sự hoan hỷ, xả đi vị thiền, không còn đắm trước

gì nữa. Cảnh giới này so với sơ thiên và nhị thiên thì cao hơn nhiều, lúc bấy giờ thì mọi sợi tóc mình cũng sinh ra hoan hỷ khác thường, lông mày con mắt đều tươi cười hết sức vui sướng vô ngần.

4. Tứ Thiên Thiên, Xả Niệm Thanh Tịnh
Địa : Đến lúc này tất cả mọi thứ đều là không, "*nhất niệm bất sinh toàn thể hiện*"
Nghĩa là khi một niệm chẳng dấy lên, chân tâm bản thể hiện bày. Tôi được chỗ :

Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt.
Vạn lý vô vân vạn lý thanh.

Dịch là :

*Ao hồ ngàn nước, ngàn trăng hiện.
Vạn dặm không mây, vạn dặm xanh.*

Ở cảnh giới này thì mọi nơi đều thuyết Pháp cho mình nghe. Bởi vì "Lạc hoa lưu thủy diễn Ma ha", nghĩa là hoa rơi, nước chảy đều như nói Pháp Đại thừa. Cảnh giới này mình không biết được nó đâu, và cũng không được nói rằng : "Tôi đến được Tứ Thiên Thiên rồi". Nếu vậy là mình sinh ra đại ngã mạn, nói ra lời hết sức lão lậu. Điều này cũng cần phải có

vị thiện tri thức ấn chứng cho mình thì mới đúng được.

Tại sao gọi thiện tri thức là người có con mắt sáng ? Bởi vì vị đó có thể nhìn và biết ngay công phu của mình đã đến trình độ nào rồi. Nếu mình muốn khảo nghiệm Ngài, thì cứ thử xem ! Ngài chẳng quan tâm gì đến điều đó cả. Nếu là chân chính thiện tri thức thì không có cách gì bị chúng ta khảo nghiệm được. Ngài không vì lẽ bị hỏi mà liền nói toạc ra đâu. Chỉ cần mình thân cận với Ngài sau một thời gian lâu, thì Ngài sẽ nói cho mình biết. Nhưng chưa chắc là Ngài nói rõ hết đâu. Có lúc Ngài dùng ví dụ hoặc chỉ thuyết vài câu đơn giản mà thôi. Cho nên mình không thể đi đâu cũng đánh chuông nổi trống mà nói rằng : "Tôi đã thành Phật rồi !" Nói như vậy là hết sức láo lếu, làm trò hề, tương lai sẽọa địa ngục, bị cắt lưỡi, Đó là điều hết sức đáng thương xót vậy.

*Giảng vào tối ngày 18 tháng 11 năm 1982
tại Vạn Phật Thánh Thành.*



ĐẠO TRÀNG TỐT KHÓ TÌM

Muốn tu hành mà không gặp đạo tràng tốt thì cũng không thể tu được.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta tạo tội lỗi, thói xấu quá nhiều. Không biết hối cải cũng không biết tu hành, nên thói xấu mỗi ngày một gia tăng, trí huệ mỗi ngày một giảm dần ; nghiệp chướng càng ngày càng thêm nặng. Bởi vì những lý do đó nên con người muốn tu cũng không phải dễ ; muốn học để thành người tốt cũng rất khó, muốn xuất gia lại càng khó hơn, vì bị mọi thứ nghịch cảnh, nghiệp chướng ràng buộc. Khi ở nơi nhân địa, mình ngu si không biết nên tạo ra tội nghiệp dầy dầy, chẳng sợ nhân quả báo ứng. Vì thế bây giờ muốn tu Đạo thì đủ thứ nghiệp chướng từ khắp mọi nơi kéo về, đủ thứ chướng duyên phát sinh. Có người vì hoàn cảnh gia đình không cho phép, có người vì đất nước, lại có người vì thái độ, hành động, hay công ăn việc làm khiến sinh ra đủ thứ trở ngại, không cho phép họ tu hành.

Cho nên muốn chân chính tu Đạo thì khó như muốn lên trời vậy. Song, tuy khó khăn khốn khổ như vậy thì lại không tu sao ? Không phải đâu ! Càng khổ thì càng phải tu, mình phải làm điều khó làm. Nếu không ở chỗ khốn khổ gian nan mà bắt đầu, thì mãi mãi mình không thể phá trừ được hết nghiệp chướng. Vì thế mình phải tu nhẫn nại ; phải nhẫn nại những thứ mà không ai nhẫn được, nhường nhịn những thứ mà không ai muốn nhường, làm chuyện mà chẳng ai chịu làm, ăn những thứ không ai thèm ăn, chịu những thứ không ai chịu nổi. Cứ như vậy ngày tháng tích lũy, thì công đức sẽ tăng gia, tội nghiệp giảm ít, trí huệ tăng trưởng, và nghiệp chướng tiêu dần.

Bởi vì xưa nay nghiệp chướng từng chút, từng chút kết lũy mà thành. Bây giờ thì cũng từng chút, từng chút giảm nhẹ đi. Cũng như lúc trời lạnh vậy, càng ngày càng lạnh, cho tới mùa đông thì lạnh đến cực điểm, sau đó lại bắt đầu nắng ấm. Tuy nhiên, không thể lập tức ấm liền được, phải từ từ mỗi ngày một ấm dần, ấm dần tới lúc vào hè. Mùa nóng thì vì

như lúc mình không còn chướng ngại ; mùa lạnh ví như là lúc nghiệp chướng còn sâu dày.

Bây giờ chúng ta tu hành, tham thiền cùng tốt, niệm Phật cùng tốt. Bất luận là tu pháp gì, mình cần kiểm việc để làm, đừng cho tâm trống không, vì nó sẽ suy nghĩ vẩn vơ và vọng tưởng. Mình cần phải lấy thời gian suy nghĩ vẩn vơ đó mà niệm Phật, trì Chú, tụng Kinh ; không để thời gian trôi qua lãng phí. Nếu không tu tâm mình sẽ mặc tình suy nghĩ vẩn vơ, thật là lãng phí tinh thần ; kết cuộc, chẳng chuyện gì thành tựu cả. "*Nhân thân nan đắc. Phật pháp nan văn. Phật quốc nan sinh. Thiện tri thức nan ngộ. Hảo đạo tràng nan phùng*". Tức là thân người khó được. Phật pháp khó nghe. Nước Phật khó sinh. Thiện tri thức khó gặp. Đạo tràng tốt khó tìm.

Muốn tu hành mà không gặp được đạo tràng tốt thì cũng không thể tu hành. Nên mình cần có đạo tràng tốt. Ở Vạn Phật Thánh Thành, muốn đả thiền thất thì có chỗ đả thiền thất, muốn niệm Phật thì có chỗ niệm Phật, muốn sám hối thì có chỗ sám hối. Quý vị

muốn thế nào cũng đều có cả. Chỉ cần quý vị tu hành, không lãng phí thời gian, chân thật dụng công là được rồi.

Bất luận vị nào phát tâm nguyện dụng công, thì tôi sẽ tình nguyện làm hộ pháp cho vị đó, giúp quý vị dụng công tu hành. Bởi vì khi xưa tôi muốn dụng công mà không tìm được đạo tràng tốt để dụng công. Tôi đến nơi nào cũng gặp đầy đủ những chuyện nhỏ nhặt, chi tiết phiền hà. Ví như ở thiền đường, quý vị phải học làm sao để đánh chuông, đánh bảng, rồi đến lúc nào thì phải đi tuần tra, phải học pha trà, uống trà rồi đi thu những chum trà, và đủ thứ chuyện lật vật khác. Nếu quý vị muốn dụng công thì chuyện uống trà, thu chum trà hoặc là lúc đi tuần, lúc đánh bảng, đánh mõ, chỉ là sự dụng công một cách hời hợt mà thôi. Học những việc lật vật đó cũng mất hết ba tuần lễ mới xong. Thông thường đả thiền thất chỉ một hay hai tuần, nếu phải học những việc linh tinh đó, cũng đủ hết thời giờ rồi.

Hiện tại ở Vạn Phật Thánh Thành, quý vị tham thiền, niệm Phật hoặc phiên dịch hay

nghiên cứu kinh điển, tu cách gì cũng tốt cả. Nói tóm lại, nếu quý vị chuyên tâm nghiên cứu thì mọi phương tiện đều có sẵn, không cần phải làm những chuyện phiền phức khác. Ở đây, mọi chuyện rất là đơn giản. Vị nào làm Duy na thì chỉ cần biết làm sao chỉ tịnh, khai tịnh là được rồi. Ở đây mà quý vị còn không biết dụng công thì chẳng biết ở chỗ nào quý vị mới dụng công được. Đây là nơi hết sức thuận tiện, đầy đủ phương tiện để dụng công. Nếu quý vị một mặt dụng công, một mặt nghĩ vẩn vơ, nào là : "Cơm trưa hôm nay không ngon. Trời lạnh lẽo quá, sao mà ngủ được". Nếu như cứ vọng tưởng vô dụng như vậy, thì chỉ phí thời gian mà thôi. Quý vị cần chuyên tâm, chú ý, đem toàn tánh mạng ra mà dụng công mới được.

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh.

Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.

Dịch là :

*Buông không được sự chết, sao đổi được
sự sống.*

*Vứt không đành cái giả, sao thành dạng
cái chân.*

Không phải chỉ ở trong Niệm Phật Đường, hoặc trong Thiền Đường mới dụng công mà ở mọi lúc, mọi nơi, đều phải dụng công. Dụng công có nghĩa rằng con mắt không bị đối tượng quan sát làm cho chuyển; lỗ tai không bị âm thanh làm dao động, lưỡi không bị mùi vị làm cho thêm muốn; mũi không bị hương thơm làm cho hứng thú; thân không bị xúc chạm làm cho rung động; ý không bị tư tưởng pháp trần làm cho xoay chuyển. Không bị tất cả mọi thứ cảnh giới làm chuyển động mà ngược lại, mình có thể chuyển dời được cảnh giới. Đó chính là dụng công.

"Hành trụ tọa ngọa bất ly liễu cá, ly liễu giá cá tự thị thác quá". Nghĩa là : Đi đứng nằm ngồi đừng lìa "nó", lìa "nó" tức là sai lầm. Do đó, mỗi giờ mỗi phút mình phải luôn luôn chuyên tâm chú ý, chế ngự ý niệm của mình, giữ cao Kim cang Trí huệ vương Bảo kiếm chặt sạch mọi phiền não ma quân.

Hỏi : Mình phục vụ đại chúng nhưng lại bị họ mắng chửi thì phải làm sao ?

Đáp : Nếu phục vụ đại chúng, mà bị phỉ báng thì mình càng cố gắng hơn nữa. Nếu chỉ vì bị người ta chửi mắng mà bỏ làm, thì mình không có thành tâm.

Hỏi : Vì sao hiện tại Phật giáo đồ không chịu hiểu chính pháp, chỉ mong cầu thần thông ? Vì sao hiện giờ đa số tín đồ tham tiền ?

Đáp : Vấn đề này rất là quan trọng bởi vì hiện tại con người đều bị trúng độc của đồng tiền. Ở trên mặt đồng tiền có chất độc vô cùng, có thể nói là ma quỷ bôi thứ độc ấy lên đồng tiền khiến con người khi tiếp xúc với nó đều quên mọi sự. Cho đến cha mẹ cũng quên, chỉ biết tiền mà thôi. Coi tiền thân thiết hơn tất cả mọi thứ. Vì đồng tiền mà tạo ra đủ thứ tội nghiệp. Ngay cả người trong Phật giáo cũng tìm đủ phương pháp, bất chấp thủ đoạn, hoặc nói chuyện phong thủy, hoặc nói có mặt pháp; họ có lòng tham còn nhiều hơn người không học Phật pháp nữa; lòng tham của họ còn cao hơn cả trời xanh. Đó là mặt pháp, Mặt pháp tức là không có người hiểu rõ đạo lý nữa. Nếu muốn đừng sa vào lỗi lầm này,

thì chỉ có cách là giữ Sáu Đại Tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành. Đó là : Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tư lợi, không nói dối. Sáu điều này có thể cải biến được phong khí của mặt pháp. Quý vị đừng coi Sáu Tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành này là đơn giản, bình thường. Quý vị không đủ tư cách để học, cũng chẳng đủ tư cách để nghe. Tôi nói Sáu Đại Tông chỉ này là để cho hai vị hành giả Tam bộ Nhất bái, (thầy Hằng Thật và thầy Hằng Triều) nghe. Bởi vì tôi thấy hai vị đó hết sức kham khổ tu hành, nếu không nói cho họ pháp chân chính thì thật là đáng tiếc. Cho nên Sáu Đại Tông Chỉ này là để phá những sự hiểu biết sai lầm, nó là cây gậy hàng phục ma quân (hàng ma trượng).

Nói đến thần thông thì phải biết rằng không phải do cầu mà được; nó do tu mà thành. Tuy rằng cũng do tu mà thành nhưng cũng đừng coi nó là quan trọng. Thần thông, trong Phật giáo, không có gì là đáng kể vì cũng giống như dùng một con đế nhỏ đi dọa con nít mà thôi. Thực sự nó không có gì quan

trọng. Người học Phật, nếu có ý niệm cầu thần thông thì tự nhiên sẽ tu sai lạc, không còn chân chính là tin đồ Phật giáo nữa.

Hỏi : Tại sao người ta không lạy Ngài Tam Tạng Huyền Trang mà lại lạy Tôn Ngộ Không ? Tôn Ngộ Không có thật hay không ?

Đáp : Bởi vì Tôn Ngộ Không có kim cô bồng lại biết Cân đầu vân, có thể lên trời xuống đất, không chỗ nào mà không tới được, nên người nào cũng thích Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Tăng đều là những nhân vật có thật. Nhưng họ là những thứ tinh linh không có hình tướng, tới để giúp đỡ vị Tam Tạng đi qua Tây Thiên (Ấn Độ) thỉnh kinh. Những vị đó không phải là những người mà ta có thể dùng phàm phu nhục nhãn mà thấy được. Bởi vì họ không có phàm phu thực thể, mà họ chỉ là những linh tánh. Ngài Huyền Trang là người tu hành chân thật, nhưng Ngài không biết pháp Cân đầu vân cũng không đại não thiên cung. Ngài chỉ biết chân thật tu hành, y chiếu theo ba chữ : Kiên, Thành, Hằng (kiên trì, thành

khẩn, thường hằng không đổi), nhất tâm đi thỉnh kinh, làm lợi ích cho chúng sinh, nên cảm động được Tôn Ngộ Không, Sa Tăng, Bát Giới tới hộ trì Ngài.

Giảng vào ngày 26 tháng 11 năm 1985



NỖI BẤT HẠNH CỦA CỬA PHẬT

Tới lúc chết rồi mà vẫn cho là bí mật, bí mật, bí mật... Mật đến chỗ rơi vào địa ngục vẫn còn mật.

Tại sao con người phải học Phật pháp ? động cơ tối thượng không ngoài ý muốn "*ly khổ đắc lạc, liễu sinh thoát tử*". Song chẳng may nhiều người có chí thoát đường mê nhưng lại đi vào đường mê.

Theo Phật giáo vì muốn thoát luân hồi nhưng bởi chẳng cẩn thận nên rất dễ rơi vào mê hồn trận. Nếu không biết khéo dùng trạch pháp nhãn, sáng suốt mà lựa Pháp, thì dễ bị những thứ tà tri tà kiến làm mê hoặc, rồi đi làm những việc không nên làm.

Thí dụ như muốn ly khổ đắc lạc, song lỡ xảy chân rơi vào cửa địa ngục. Lại còn những chuyện tệ hại hơn nữa, tức là trong Phật giáo Mật tông có kẻ dạy phương pháp gọi là Song Tu Pháp. Họ nói chỉ cần niệm thần chú gì gì đó, trai, gái cùng nhau tu pháp "Hoan hỷ

thiên". Còn nói đó là pháp cao nhất, không những thỏa mãn được lòng dâm dục, mà còn có thể tức khắc thành Phật. Song, thành Phật đâu phải dễ dàng như vậy ! Nếu không cắt đứt lòng dâm dục, mà thành Phật, thì rất là vô lý. Trong thiên hạ không có đạo lý nào như vậy cả.

Đời nay, đa số con người đều tham tu cho mau cho chóng, thích đi đường tắt. Hễ nghe nói có phương pháp huyền diệu thì liền bị mê hoặc, rồi rớt vào lưới ma, tới lúc chết rồi mà vẫn cho là bí mật, bí mật, bí mật... mật đến chỗ rơi vào địa ngục vẫn còn mật.



KIỆP SAU MUỐN LÀM "LIÊN THẾ ANH"

Đồng tính luyến ái là trái ngược lại với đạo lý trời đất ; hoàn toàn sai với luân thường

Ý kiến tôi vừa phát biểu không phải thái quá hay nguyên rủa ai đâu. Trong Phật giáo thật sự có những hành vi bại hoại tổn đức như vậy. Do đó Phật giáo mới không hưng thịnh được.

Chuyện này mình sẽ không bàn tới nữa, song còn vấn đề nghiêm trọng hơn, nó liên quan đến toàn nhân loại, không thể không đề cập tới. Đó là chuyện đồng tính luyến ái càng ngày càng nhiều. Cũng như ở Nữ Ước (New York) và Cựu Kim Sơn (San Francisco) có tới hơn mười vạn kẻ đồng tính luyến ái. Thậm chí có nhiều nhà chức trách công khai nhận rằng mình là đồng tính luyến ái và tán thành chuyện này; lại còn hô hào xã hội chấp nhận sự kết hôn giữa những kẻ đồng tính luyến ái ấy. Chúng ta phải biết rằng đồng tính luyến ái là trái ngược lại lý tự nhiên, ngược lại với

luân thường đạo lý. Trào lưu này là do yêu ma quỷ quái khơi động; như châm dầu vào lửa, khiến con người sớm đọa địa ngục.

Vừa rồi tôi nói tới sự yêu đương ngu si của nam nữ, họ thề rằng : "*Tại thiên, nguyện tác tỷ dục điều. Tại địa, nguyện vi liên lý chi*". Nghĩa là trên trời thì nguyện làm đôi uyên ương. Dưới đất thì nguyện làm cây liên cành. Trai gái kết hôn là chuyện thông thường, nên cổ nhân có câu : "*Nam nữ chi sự nhân chi đại luân*" nghĩa rằng chuyện nam nữ là chuyện luân thường của loài người. Nếu mình muốn đi thuận với con đường sinh tử thì mình kết hôn, sinh con, điều đó chẳng đi ngược lại với trời đất. Song nếu mình đồng tính luyến ái là trái ngược lại với đạo lý trời đất; hoàn toàn sai với luân thường. Bởi vì những người này đã làm chuyện yêu quái, những chuyện thấp hèn, hạ đẳng, cho nên sẽ đọa làm súc vật.

Do đó nếu quý vị chưa học Phật, nên ở ngoài đời không giữ qui củ, làm bữa bãi, thì không có gì lạ. Còn nếu quý vị học Phật rồi, thì cần phải hiểu sâu xa đạo lý nhân quả, đừng phạm tội lỗi. Phải hết sức cẩn thận, thật cẩn thận.

THAM THIỀN : TRƯỚC TIÊN CẦN XÂY NỀN TẢNG

Nền không vững, nhà sẽ lung lay. Gió thổi thì ngã, mưa to liền sập.

Người học Phật có kẻ thích tham thiền, có người thích học Kinh, thuyết Pháp, nghiên cứu Luật Tông, Mật tông hay Tịnh độ Tông. Bất luận là thích tông phái nào, quý vị cần kiên tâm trì chú, dụng công tu hành thì mới thành tựu.

Nếu không chuyên tâm nhất chí thì học gì cũng như không. Mình tham thiền hai ngày rồi lại nghĩ muốn niệm Phật, niệm Phật nửa ngày lại muốn học Luật, học Luật chưa bao lâu lại muốn học Mật; mục tiêu mình rối loạn không chuyên nhất được. Tại sao mình không thể chuyên nhất ? Tại vì mình còn hưởng ngoại truy cầu. Chân đạp hai chiếc thuyền cùng một lúc, không biết đi lên Giang Bắc tốt hay đi xuống Giang Nam hay ? Vì vậy, cả một đời vẫn cứ lằm lằm.

Vì thế tham thiền lúc nào cũng phải tinh tấn, một giây cũng không được làm biếng, tham cho tới lúc :

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,
Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn.

Dịch là :

*Núi cùng, sông cạn, tưởng hết đường,
Tàng liễu, hoa giảng, hiện thôn trang.*

Tức là mình sẽ thấy một bầu trời khác, sẽ thấy được sự diệu thú thiên nhiên vô cùng. Nhưng mình cần phải tham thiền đến cực điểm, đến chỗ, "*dưỡng phong tạo cực*" nghĩa là lên tới đỉnh cao nhất, đạt tới chỗ tốt bậc thì mới có một chút hy vọng; nhưng hy vọng đó cũng không nhiều lắm. Tuy có một chút hy vọng nhưng mình cũng đừng chấp đắm vào hy vọng đó. Nếu không mình sẽ tạo thêm sự phiền toái, tức là chấp vào cái không có ý nghĩa gì cả. Tham thiền là phải chân thật mà dụng công.

Trước hết cả mình phải biết luyện cho chân biết nghe lời, không làm loạn cũng không làm đau. Làm thế nào để chân không

còn đau nữa ? Có thần chú nào niệm cho chân cho hết đau ? Hoặc giả là mình phải uống thứ thuốc gì đó thì chân sẽ bớt đau. Không phải thế đâu ! Mình cần phải trải qua cơn đau nhức đó một thời gian, dần dần chân mình mới chịu nghe lời mà hết đau. Nếu mình không nhẫn nại được cái đau, vừa mới đau lại đổi chân, thì cái chân vĩnh viễn sẽ không bao giờ chịu nghe lời mình; bởi vì mình đã chiều chuộng nó quá mức. Khi chân đau mình phải dọa nó như dọa con nít. Nếu cha mẹ thương không cho con chịu khổ, thì tương lai những đứa đó không cách gì chịu đựng được khổ. Cái chân cũng như con nít vậy, mình sợ nó đau nhức thì lúc nào nó cũng đau nhức. Lúc chân đau tất nhiên mình thấy đau, lúc chân không đau, mình cũng thấy nhức nhối là bởi vì mình đã tập cho nó có một thói quen xấu.

Mình phải luyện cho cái chân, cái lưng biết nghe mình; để chúng không còn đau không còn nhức; rồi thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều nghe lời mình cả, sáu căn này không còn chạy ra ngoài mà truy cầu nữa. Không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm

cho xoay chuyển. Không bị lục căn, lục trần chuyển động thì đó chính là biết dụng công. Cho nên nói ;

Nhân quán hình sắc nội vô hữu.

Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.

Dịch là :

*Mất thấy hình sắc nhưng lòng chẳng
màng.*

Tai nghe âm thanh song tâm chẳng biết.

Mình phải thường hồi quang phản chiếu. Đừng truy cầu những điều bên ngoài, luôn luôn trụ vào pháp môn căn bản, tức là tham thoại đầu "Ai là người niệm Phật ?" tức là làm sao nắm được gốc, đừng chạy theo ngọn. Đối với những vấn đề chi tiết nhỏ nhặt, đừng nên để tâm âu lo, như vậy thì từ từ sẽ hiểu thấu mọi sự.

Lúc tu thiền, khi chưa biết tập luyện làm sao để ngồi kiết già hay bán già cho thật vững vàng thì mình đừng nên ham học làm sao tham thiền. Bởi vì nền tảng chưa vững chắc cơ mà ! Do đó, trước tiên phải xây nền tảng thiết tốt rồi mới tham thiền.

Như tuần đầu tiên, mình phải san bằng mặt đất, xây nhà, trước hết phải dọn sạch đất đai, đập bằng nó ra.

Vào tuần thứ hai thì phải đặt móng. Xây móng cần tốn nhiều công phu; tức là mình phải tu hạnh nhẫn nại : chịu đau, chịu đói, chịu khát, chịu rét; bất kỳ hoàn cảnh gì mình cũng phải chịu đựng. Tuy đây là việc tốn công tốn sức, song nó là việc tất yếu phải làm. Đất cần được đập bằng, móng cần xây cho chắc thì nhà dựng lên mới kiên cố. Nếu gió thổi, nhà sập hay mưa tạt, nhà rã thì tức là móng đặt không chắc chắn, nên xây chẳng vững vàng vậy.

Đến tuần thứ ba thì có thể dựng cột, trụ, bắt kèo, khung cột, mái chèo.

Qua tuần thứ tư, thì xây tường, bắt cửa, đóng cửa sổ, lợp ngói. Đó là thứ tự xây nhà : Ta không thể "Cuối một phát mà đào thành giếng" được. Không việc gì làm mà thành công tức khắc.

Tham thiền hay niệm Phật cũng vậy; học Giáo, tu Mật, tập Luật đều như vậy cả. Tức là phải hết sức chuyên tâm chú ý. Tâm phải

thành khẩn, đừng tham muốn thứ cao siêu xa vời, đừng nghe người ta nói Mật tông tốt, thì chạy theo Mật tông. Đừng dại mà mê muội, tới lúc chết vẫn không tỉnh ngộ. Không chấp nhận những bằng chứng trước mắt, thì thật là mình mê quá độ. Mật, mật rồi chẳng biết do đâu, bỗng chết mất. Thật là bí mật. Do đó *mật* thì đúng là *mê*. (Hai chữ này, tiếng Trung Hoa phát âm giống nhau) - Hết sức mê muội.

Quý vị học Phật cần phải nghiên cứu chân lý đừng nên nghe theo một cách mù quáng. Mình cần phải " *Thân cận hữu đức, viễn ly hương nhân*". Nghĩa rằng cần phải gần gũi những bậc đức độ và xa lánh những kẻ tà ác. Kẻ xấu ác là thứ chuyên lừa người. Người có đức độ thì không gạt ai cả. Kẻ vô đức thì luôn dùng những thủ đoạn xảo trá; thì làm sao có đức được. Chỉ có những ai không lừa bịp thì càng ngày công đức càng nhiều; lúc đó đức hạnh mới tồn tại được. Quý vị phải quan sát và phân xét người khác ở khía cạnh này. Đừng nhìn vẻ bên ngoài mà nói rằng : "Ôi ! Tôi thấy anh chàng đó rất đức độ, thật là một vị thiện tri thức". Thực ra chẳng xác

thực, bởi vì quý vị phải rõ thân thể anh chàng đó ra sao ? Hiểu rõ thì mới đáng kể.

Trong thời mạt pháp con người đều phạm chứng bệnh thông thường là hay nói những chuyện xa vời, lấy lỗi tai thay cho con mắt, nghe người khác nói tốt là chạy theo liền. Chạy theo như vậy tốt xấu thế nào không cần biết, thậm chí bị người ta lừa mà vẫn chưa tỉnh ngộ. Học theo những điều mê tín tài sắc, phong thủy, bói toán, đều là những thứ hết sức đáng thương xót.

Hôm nay tôi đọc báo thấy ở tỉnh Phước Kiến, Trung Hoa Đại Lục, có sáu đứa trẻ, trốn ra biển tự sát để thành tiên. Đó là lý do gì ? Là bởi vì do những thứ tà thuyết làm mê hoặc lòng người. Họ nói rằng nếu ai làm ác thì thành quỷ, làm tốt thì thành thần, thành tiên. Thế nào là chuyện tốt ? Là đừng có sợ chết. Bởi vì ở nơi thôn xóm xa xăm, nhiều đứa trẻ rất là chân thật, chất phát, nên nghe thế chúng tin ngay. Tin là người tốt thì không sợ chết, mà khi chết có thể thành tiên, nên sáu đứa trẻ này tự sát tập thể để mong thành tiên. Chúng nghĩ rằng "Hồi xưa có tám ông tiên,

đại khái là do tự sát tập thể. Nay mình cần phải tự sát tập thể để thành sáu ông tiên, khỏi bị trôi trong lục đạo luân hồi". Cho nên chúng tự sát tập thể để thành tiên. Chúng nó có thể thành tiên hay không ? Tôi có thể chứng minh rằng chúng chẳng thành tiên. Tại sao chúng chẳng thành tiên ? Bởi vì chúng hết sức si mê. Người thành tiên rất thông minh chẳng ngu si. Chẳng vị tiên nào không hiểu chân lý, không biết phải trái đúng sai. Làm thế nào chúng đồng thời tự sát như thế để thành tiên ? Nếu như thành tiên quá dễ dàng như vậy thì sao đại chúng không mau tự sát để thành tiên cho rồi. Đây là chuyện không thể có được. Những người nhà quê đó hết sức là đáng thương. Dúi mù tin theo tà thuyết khiến bọn trẻ chết oan uổng. Đây là chuyện thật đáng thương xót.

Bây giờ lại hỏi rằng vì sao mấy đứa nhỏ không sợ chết, lại muốn thành tiên ? Là vì hoàn cảnh bức bách mà thành. Thấy rằng đời sống con người cũng không hơn gì cái chết. Làm người giống như khúc thịt biết đi thì có ý nghĩa gì đâu ? Nên mới tìm đường giải thoát :

cùng tự sát tập thể. Sáu đứa trẻ đó viết trên giấy chữ "Tử" ngàn lần như vậy. Ngày nào cũng viết chữ chết, chết, chết... Từ sáng đến chiều cứ nghĩ đến chữ chết. Bởi vậy những đứa trẻ này đại dột, bị chuyện mê tín dụ, hoặc khiến quên mất hẳn mục tiêu lẫn phương hướng chính đáng.

Là Phật tử, chúng ta không nên mê tín mà phải trừ mê tín. Thế nào là mê tín ? Tức là hồ đồ, nghe theo những điều người ta nói mà không suy xét. Người ta nói gì mình cũng tin cả, tin một cách mơ hồ, nên gọi là mê tín. Mê tín chưa phải đáng sợ, đáng sợ nhất là tin cái điều mê, tin thứ ngoại đạo điên đảo. Có những người tự cho mình là thông minh, song điều chánh thì không tin mà gặp điều giả thì tin ngay, đó là mê trong mê. Họ không nhận thức được chân lý, đem điều chân thật cho là giả dối, đem điều giả dối cho là chân thật. Cũng như sáu đứa trẻ đó, vốn muốn chết để thành tiên. Đó là một phương pháp để lừa gạt người nhưng sáu đứa trẻ đó lại tin theo. Nếu dạy chúng rằng tu hành mới thành tiên, e rằng chúng nó chẳng tin. Bởi vậy trên thế giới

rất nhiều kẻ đáng thương xót và vô số những chuyện đáng tiếc. Một lời khó diễn bày hết được.

Giảng tối ngày 28 tháng 11 năm 1982



TÁNH, THỨC, Ý, TÂM

Không bị ngoại cảnh chi phối,
đó chính là tu hành.

Bị ngoại cảnh chuyển, tức là đọa lạc

Hỏi : Tánh thức ý và tâm khác nhau như thế nào ?

Đáp : Như đứa con nít mới sinh ra đời rất là vô tư, không có quan niệm gì về mình, về chúng sinh, về thọ mạng, thì đó cũng ví như là "*Tánh*". Khi đứa con nít biết được làm sao để bú sữa mẹ thì đó ví như là "*Thức*". Sau khi uống sữa mẹ, lại biết mặc áo, không mặc áo thì cảm thấy lạnh, biết hở thẹn, rồi cảm thấy đói khát, lạnh, nóng, thì giai đoạn đó ví như là "*Ý*". Cho tới khi lớn lên, lúc đó lại muốn cái này cái nọ, đó là có "*Tâm*" vậy. Đây là bốn thứ tâm, nhưng cũng có thể nói là một, chúng nó hỗ tương quan hệ không thể phân ly được, vì cùng một nhà. Tuy là bốn danh từ khác nhau nhưng bản tánh lại là một. "Nghịệp" là hậu quả căn bản mà chúng tạo nên.

Bây giờ nói rộng ra một chút, thế nào gọi là "Phật". "*Tánh*" tức là Phật. Thế nào là Thần? "*Thức*" của mình tức là thần. "*Ý*" là tâm phân biệt và "*Tâm*" là sự ra suy nghĩ vọng tưởng. Bản "*Tánh*" thì lúc nào cũng quang minh sáng suốt, không có mình, không có người, không có rơi vào số lượng, Nhưng khi có "*Thức*" rồi thì rơi vào danh số, rớt và phân biệt. "*Ý*" cũng là sự phân biệt, cũng gọi là thức thứ sáu. Thức này so ra thì rất vắn đục. Ngược lại thức thứ bảy và thức thứ tám thì thanh tịnh một chút. Thức có tám loại : mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý là sáu thức đầu, cộng thêm thức thứ bảy và thức thứ tám. Bản thân của thức thì không phải là tám cái mà vì trên mặt danh từ nên phải phân làm tám. Nhưng nói một cách tổng quát thì chỉ là một, một nhưng lại có tám cương vị khác nhau. Tuy có tám cương vị khác nhau nhưng vẫn do một thức chi phối khống chế. Tám mà một, một mà tám. Tám không ngại một, một không ngại tám. Từ nơi một sinh ra tám, từ nơi tám thu hồi thành một, đó gọi là thức.

"*Ý*" tức là tâm phân biệt của mình, tức là thức thứ sáu. "*Tâm*" không những phân biệt

mà đầy dẫy vọng tưởng. Trong sáu thức đầu có thể nói là loại có tánh tri giác, là do nơi lục căn phát sáu thứ tri giác đó. Sáu căn tức là : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý; phát xuất ra thấy (vị giác), nghe (thính giác), ngửi (thính giác), nếm (vị giác), sờ (xúc giác), hiểu (tri giác). Con người tạo tội nghiệp là ở nơi sáu căn đó, tu hành cũng từ nơi sáu căn này. Nếu không bị ngoại cảnh chi phối thì đó chính là tu hành. Nếu bị cảnh giới bên ngoài làm cho xoay chuyển thì tức là đoạ lạc.



THẬT ĐAU LÒNG CHO NỀN GIÁO DỤC HIỆN TẠI

Luôn luôn y theo tinh thần đại công tô tư,
Quang Minh lỗi lạc, với tinh thần vô úy.

Ngày nay nền giáo dục trong rất nhiều nước đang bị suy sụp. Tuy nhiên vẫn có một số người phấn tấn nỗ lực mong cứu vãn cơn nguy trầm luân đạo đức. Việc làm của kẻ phấn tấn nỗ lực so với kẻ đọa lạc giống như tát một ly nước để dập tắt căn nhà đang cháy lớn. Nguyên nhân vì sao nền giáo dục sụp đổ như vậy ? Đó là do con người, những vị nhân sĩ trong nền giáo dục không chịu cải thiện, không biết cầu tiến. Tuy thấy học sinh càng ngày càng đọa lạc, giết người phóng hỏa, cướp giựt, hút ma túy, nhưng họ coi những chuyện này như không. Thậm chí còn công khai cổ vũ học sinh đi hút ma túy, phá thai tự do phóng túng, mặc tình dùng thuốc ngừa thai v.v...những hành vi tồi tệ ấy chỉ làm ý chí học sinh lụn bại, lương tri tiêu tán.

Tuy nhiên một số nhà giáo dục vẫn còn có tâm tận tụy; hết sức hô hào để cứu vãn sự trầm luân đó; vì thanh niên mà vun đắp lại cơ sở tốt đẹp. Nhưng phần đông kẻ làm giáo dục thì tâm lý tối tăm, cố xúi những chuyện dâm dục, bại hoại luân lý tổn thương thuần phong, khiến chí nguyện của thanh niên, những bậc anh hùng, hiền tài, bị sụp đổ, thiện căn giảm sút, đứt đoạn. Trước khi khai phát trí huệ chân chính, họ đã học toàn những thứ điên đảo xằng bậy.

Có những nhà giáo dục, thậm chí hô hào cải tạo nhân tâm. Nhưng những kẻ đó là giặc ở trong làng đạo đức. Bởi vì họ dùng thứ văn chương bại hoại để che đậy những thứ xấu xa, cực lực phản đối nền giáo dục chân chính là nền giáo dục có tính cách kiến thiết. Họ giống như những kẻ đui mê hoặc những kẻ vô tri. Những điều này làm cho người ta đau khổ và lo lắng.

Những nhân sĩ phục vụ trong nền giáo dục, phải luôn luôn y theo tinh thần đại công vô tư, quang minh lỗi lạc, có tinh thần vô úy để gây dựng lên tầng lớp thanh niên biết làm

chủ tương lai. Được vậy thì mình sẽ không xấu hổ với lương tâm, không hổ thẹn làm thầy kẻ khác. Nếu quý vị không sửa đổi những lỗi lầm đó, đẩy dầy những tà tri, tà kiến, những hiểu biết sai lầm, đẩy những sự đố kỵ chướng ngại, chỉ muốn cầu danh mong lợi, đê người khác xuống để mình đứng lên trên, luôn luôn có hành vi hư nguy lừa dối, thì nền giáo dục vĩnh viễn không chấn hưng được. Những bậc anh tài sẽ bị mai một, tiền đồ của quốc gia cũng sẽ rất nguy hiểm. Hy vọng các nhà giáo dục hô hào để thanh niên chú ý. Luôn luôn tìm phương kế để cứu vãn tầng lớp thanh niên, để họ khỏi phải rơi vào con đường bế tắc, rồi đọa lạc. Được vậy thì xã hội quốc gia thực là diễm phúc lắm.

Giáng tháng 12 năm 1982



THAM THIỀN CẦN CÓ CON MẮT BIẾT CHỌN PHÁP

Nếu không nhận thức được pháp môn chân chính, thì có thể đi vào con đường tà đạo.

Người học Phật pháp cần phải có Trạch pháp nhãn, tức là con mắt biết chọn Pháp; biết cái nào là Pháp, cái nào không phải Pháp; cái nào đen, cái nào trắng, cái nào thiện, cái nào ác. Phải nhớ đừng nhận lầm cái giả là thật, đen cho là trắng, trắng cho là đen, hoặc lấy thiện làm ác, lấy ác làm thiện. Đó đều là điên đảo. Khi mình muốn nhận thức những Pháp như vậy, cần phải có con mắt gọi là Trạch pháp nhãn.

Trước tiên hãy rũ bỏ ngã tướng. Nếu có ngã tướng thì sẽ sinh ra đủ thứ chương ngại, cũng không có trí huệ nữa. Có ngã tướng thì tự sinh ra tâm ích kỷ, rồi tiếp theo đó sinh ra tâm tư lợi, tâm truy cầu, tâm tham lam. Khi

câu không được, tham không xong, thì lại sinh ra tâm đấu tranh, cùng người tranh cường luận thắng.

Nếu như không có "ngã tướng", thì có cái gì gọi là "ngã" ? Ai là cái ngã ? Cái ngã này là ai ? Quý vị suy nghĩ, tham nó. Như tham câu "Niệm Phật là Ai ?" Câu "Niệm Phật là Ai ?" này là tham chứ không phải để niệm. Nếu mình niệm tới niệm lui thì vô ích, mình phải tham nó. Tham thì tựa như lấy cái dùi đục mà dùi; dùi mãi tới lúc nào đâm thủng nó được thì tức là mình triệt ngộ.

Nhất thời bất minh bạch, nhất thời đồ
yếu tham;
Nhất thời bất minh bạch, thời thời đồ yếu
tham.

Dịch là :

*Lúc nào chưa hiểu rõ, lúc đó cần phải
tham.
Mọi lúc chưa hiểu rõ, mọi lúc cần phải
tham.*

Tham thiền cũng không phải đoán mò, nếu như mình cứ đoán rằng "Tôi niệm Phật

à ? Anh niệm Phật ? Người đó niệm Phật ? Ai niệm Phật ?" Đoán tới đoán lui đều đoán không đúng. Mình cần phải tìm ra "Ai". Chữ "Ai" này chính là Kim cang vương Bảo kiếm, tức là lưỡi kiếm trí huệ. Nếu dùng lưỡi kiếm trí huệ này mà chặt đứt hết các vọng tưởng khác, thì trí huệ tự nhiên hiện tiền.

Nếu không nhận thức, không hiểu rõ pháp môn tham thiền, mà cho rằng pháp môn này cũng giống như pháp môn niệm Phật, nghĩ rằng niệm càng nhiều càng tốt (thay vì tham) thì đó là điều hết sức sai lầm. Không cần niệm cho nhiều, chỉ cần kéo hơi cho dài, tham cho nhiều, mấy giờ đồng hồ cũng được. Thậm chí tham đến tám vạn đại kiếp cũng không gián đoạn, thì đó mới là chân chính tham thiền.

Tại sao phải tham câu "Niệm Phật là Ai ?" Chữ "Ai" này cũng đã nhiều lời. Nhưng vì chúng ta giống như con khỉ, lúc nào cũng muốn tìm cái này cái nọ để làm. Do đó chữ "Ai" để mình đi tìm, thì vọng tưởng mới hết. Nghĩa là dùng chữ "Ai" này giống như lấy độc trị độc. Tham thiền tức là quét sạch bụi (vọng

tưởng). Khi mình không còn vọng tưởng thì mới đúng là "thời thời thường phát thức". Nghĩa là lúc nào cũng quét sạch. Tại sao cần phải quét bụi ? Bởi vì không muốn cho tâm bám đầy bụi, mình muốn "quét sạch tất cả mọi Pháp, xa rời tất cả mọi tưởng". Đó là pháp môn tham thiền.

Nếu mình không có con mắt chọn Pháp, không hiểu biết được chân Pháp, thì mình không biết thế nào là tham thiền. Không biết tham thiền thì chỉ phí công lao tu tập. Nếu không nhận thức được pháp môn chân chính thì có thể đi vào con đường tà đạo, nên Trạch pháp nhãn, con mắt biết chọn pháp, rất quan trọng.

*Giảng tối ngày 4 tháng 12 năm 1982
tại Vạn Phật Thánh Thành*



ĐẮC NHẤT VẠN SỰ TẮT

Ai hiểu được số không này, thì người đó có thể tu hành chứng quả.

Chư Pháp tùng duyên sinh,
Chư Pháp tùng duyên diệt.
Ngã Phật Đại Sa Môn,
Thường tác như thị thuyết.

Dịch là :

*Các Pháp do duyên sinh,
Các Pháp do duyên diệt.
Đức Phật Đại Sa Môn,
Thường nói lý như vậy.*

Tất cả mọi Pháp đều do nhân duyên sinh ra, rồi cũng do nhân duyên tiêu diệt. Đó là đạo lý luân hồi, cũng là đạo lý : "*Vật cực tắc phản, bỉ cực thái lai.*" Nghĩa rằng vạn vật sẽ biến thiên đến cực điểm phía này rồi thì sẽ quay đầu để tới cực điểm phía kia. Khi bế tắc cùng cực thì rồi sẽ hanh thông. Đó là Pháp tương đối trên thế gian này vậy.

Pháp tương đối ví như sự tốt đẹp đến cực điểm rồi sẽ biến thành xấu, xấu đến cực điểm lại biến thành tốt. Cũng như con người sinh ra là điều tốt, nhưng khi hết đi lại là điều xấu, điều hủy hoại. Sinh, trụ, dị, diệt ; sinh xong rồi sẽ trụ, trụ rồi sẽ biến dị, biến dị rồi sẽ hủy diệt. Sinh, lão, bệnh, tử cũng đồng đạo lý như vậy ; sinh ra rồi từ từ sẽ già, già rồi có bệnh, bệnh rồi sẽ chết. Đó là thứ Pháp nhân duyên. Con người ai cũng sống, thích sống, và ai cũng phải chết, nhưng lại sợ chết. Nếu mình không thích sống mà cũng không sợ chết, thì đó là một loại định lực. Như người ta thường hay sợ quỷ, nhưng tại sao lại sợ ? Bởi vì quỷ thì xấu xa hung ác, có thể hại người và làm chết người. Cho nên, người ta đều sợ quỷ, đó là hiện tượng sợ chết mà thôi. Nếu như mình không sợ chết, thì mình không sợ bất cứ cái gì. Bất luận là quỷ thần, yêu ma, quái vật, mình cũng không sợ; không gì làm cho mình sợ cả. Còn sự sợ hãi là còn chưa có định lực. Hết mọi sự sợ hãi thì đó mới là chánh định, chánh thọ, mới có định lực. Có định lực thì con người mới :

Túng ngộ phong đao thường dần dần,
Giả nhiều độc được dã nhàn nhàn.

Dịch là :

*Đứng trước mũi kiếm vẫn ngang nhiên,
Dù ép độc được cũng bình thường.*

Ý rằng nếu có người đem dao tới chặt đầu mình, hoặc là dùng độc được để giết hại, mình cũng không lo sợ, trong tâm không hề giao động. Đó là vì sao ? Vì mình đã thoát khỏi sinh tử "*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*". Nghĩa là "xong xuôi những việc cần làm, từ đây chẳng phải đầu thai làm gì". Cho nên nói nếu được "một" thì mọi sự đều xong.

Nhưng được "một" đây cũng vẫn chưa hẳn là đủ, phải làm cho "một" này trở về bản nguyên của nó : trở về số không. Số không là đạo lý rất linh diệu, khó có thể diễn bày được. Ai hiểu được số không này, thì người đó có thể tu hành chứng quả. Làm sao để hiểu số không này ? Trước hết phải hiểu số một. Bởi vì "*Đắc nhất vạn sự tất*," nghĩa là được một thì vạn sự đều xong. Cái một này xa rời ngôn ngữ, văn tự, ra khỏi tâm sở duyên, quét sạch tất cả Pháp, xa rời tất cả tướng. Lại nói rằng : "Nhất Pháp bất lập, vạn sự giai không." Nghĩa là chẳng lập một pháp

gì, mọi sự thay đổi đều không. Quý vị muốn tới cảnh giới và đạo lý này, thì trước hết phải tới "một," quý vị đừng coi thường số "một" này.

Thiên đặc nhất dĩ thanh,
Địa đặc nhất dĩ ninh,
Nhân đặc nhất dĩ thánh.

Dịch là :

*Trời được "Một" nên trong,
Đất được "Một" nên yên,
Người được "Một" thành Thánh.*

Tại sao trời che phủ được vạn vật ? Là vì trời được số "một" này. Tại sao mặt đất làm chỗ dựa cho vạn vật ? Là vì đất được số "một" này. Nếu như đất mất số một thì đất sập, núi băng, động đất, nước biển nổi trào, đủ thứ tai họa phát sinh. Nếu nơi nào mất số "một" này, thì nơi đó sẽ sinh ra đủ thứ tai họa. Nếu số "một" này không mất thì mọi nơi trên mặt đất đều bình an.

"*Nhân đặc nhất dĩ thánh*". Nếu con người thật sự tới được số "một" này thì có thể ra khỏi luân hồi, chứng thánh quả, khai trí huệ. Bởi vì con người mất số "một" nên kẹt trong

luân hồi, xoay chuyển trong lục đạo, chịu đủ thứ phiền não vô minh. Tám vạn bốn ngàn phiền não đều do mất số "một" này mà sinh ra. Muốn về lại "một" thì trước tiên phải biến phiền não thành Bồ đề, biến sinh tử thành Niết Bàn; dễ như trở bàn tay vậy, không khó khăn lắm đâu ! Song vì lẽ gì ta chẳng biến phiền não sinh tử thành Bồ đề Niết Bàn được ? Bởi vì do mình đã mất đi số "một" này, và chạy tới số hai, ba, rồi đến số mười, từ số mười tới số một trăm, rồi vô tận; nên trăm ngàn vạn ức thứ phiền não mới sinh ra. Bởi thế số "một" này rất quan trọng. Tuy nhiên, bởi vì mình đã mất số "một" này, muốn trở về nó không phải là dễ. Từ số "một" mà muốn phản bản hoàn nguyên, trở lại số không thì lại càng khó khăn hơn nữa.

Tôi nói cho quý vị một ví dụ đơn giản khác. Lúc nào gọi là "một" ? Còn lúc nào gọi là "không" ? Đối với con gái, từ một tới mười bốn tuổi, đối với con trai từ một tới mười hai tuổi, trong giai đoạn đó, chưa mất đi số "một". Thời gian nào là số "không" ? Từ lúc nhập thai cho đến lúc sinh ra, đó là giai đoạn

mình ở trong số "không". Lúc đó thì tất cả những thứ phiền não vọng tưởng, tham, sân, si đều không có. Cho tới lúc biết ăn, đói rồi sinh lòng tham ăn, giận dữ, ngu si bắt đầu phát sinh; nhưng lúc này cũng chưa mất đi số "một", đây chính là khởi đầu cuộc sống làm người. Từ số "không" biến thành "một", thì số "một" này vẫn còn là số rất hoàn chỉnh, vì nó là sự bắt đầu của mọi sự. Cho tới khi trải qua những diễn biến trong đời, những thứ khác sẽ cộng thêm vào số "một" này, để biến thành hai, hai thành ba, ba thành bốn, và cứ thế tăng lên, càng tăng thì gánh nặng càng lớn, và con người càng trở nên ngu si hơn.

Tánh tức là số "không", số "không" cũng tức là tánh. "Không" tánh, "không" tánh có nghĩa là chẳng có gì cả, chính là :

Bỏn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai ?

Nghĩa là :

*Xưa nay chẳng có vật gì,
Thì sao có chỗ bụi trần bám vô.*

Tu hành cần phải tu đến chỗ "hồ tôn xích tử", nghĩa là tâm như đứa con nít, tâm không

có bất cứ điều gì. Giống như đứa con nít vậy, tức là phản lão hoàn đồng. Song, phản lão hoàn đồng không phải là nói rằng mình đi uống sữa, mà chính là muốn mình không còn tham, sân, si, mạn, nghi. Đây mới gọi là phản bổn hoàn nguyên; chẳng khác gì với tri kiến của đứa con nít, rất là thiên chân, không tà lự, không một chút giải đãi lừa dối, cũng không có tâm tham tiện nghi, hoặc là tâm thị phi. Đó chính là "*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*" vậy.

Tu Đạo mình cần hiểu rõ đạo lý này thì mới có thể chân chính giác ngộ. Tại sao mình phải nghe giảng kinh ? Bởi vì mình muốn phản bổn hoàn nguyên. Tại sao lại muốn tu hành ? Cũng vì muốn phản bổn hoàn nguyên, quét sạch mọi vẩn đục trong tâm. Chớ dụng công nơi nhân ngã thị phi. Nếu có ai nói câu gì trái ý mình thấy khó chịu, không vui. Dụng một sợi tóc, mình cũng hết sức đau đớn khó chịu. Nhỏ một giọt mồ hôi để làm lợi cho thiên hạ thì cũng chẳng chịu làm. Đó đều là tinh thần hết sức ích kỷ, không thể tu Đạo được.

Người tu Đạo cần phải vô ngã, vô nhân,

vô chúng sinh, vô thọ giả (không thấy có mình, không thấy có người, không thấy có chúng sinh, không thấy có thọ mạng). Vô ngã không có nghĩa là mình không làm mà kêu kẻ khác làm giùm mình. Vô nhân không có nghĩa là tới lúc ăn uống lại nói : "Ồ ! Vì vô nhân, tôi ăn thêm một chút cũng chẳng can gì, tức là không có ai khác". Cho dù lúc này mình không còn nhân tướng (chẳng thấy có kẻ khác) đi nữa, nhưng kẻ khác vẫn còn nhân tướng kia mà. Lúc tranh chấp, đánh lộn, thì lại "*vô chúng sinh tướng*". Hoặc lúc ăn thịt thì lại "*Vô thọ giả tướng*". Tức là miếng thịt không có thọ mạng. Tất cả đều là kiến giải sai lầm. Như vậy thì nên làm thế nào ?

Thế nào là kiến giải đúng :

1. Vô Ngã Tướng (không thấy có mình) :
Tức là không cống cao ngã mạn. Không tính toán lợi lộc cho mình.
2. Vô Nhân Tướng (không thấy có người) :
Nghĩa là mình không chướng ngại, không làm chuyện bất lợi cho kẻ khác.
3. Vô Chúng Sinh Tướng (không thấy có

chúng sinh) : Nghĩa là coi vạn vật đều đồng một thể với chính mình.

4. Vô Thọ Giả Tướng (không thấy có thọ mạng) : Mọi chúng sinh có quyền sống, bởi thế chúng ta không thể đoạt hoặc giết hại bất kỳ sinh mạng nào - kể cả người và động vật.

Do đó, khi tu Đạo, bất kỳ lúc nào, đừng vì mình mà mong cầu, đừng vì mình mà tính toán. Hãy luôn nghĩ đến kẻ khác.

*Giảng ngày 5 tháng 12, năm 1982
tại Vạn Phật Thánh Thành*



LỤC ĐẠI TÔNG CHỈ TỨC LÀ NGŨ GIỚI

Lúc dụng công, phải biết đề khởi, phải biết buông bỏ, làm chuyện gì phải ra chuyện đó

Người thích niệm Phật thì tham gia Phật thất, người thích tham thiền thì tham gia Thiền thất. Người không thích niệm Phật cũng chẳng thích tham thiền, thì có thể tham gia "thất làm biếng" hoặc là "thất ngủ khò". Thất làm biếng hay thất ngủ khò nghe có vẻ mới lạ nhưng thực sự nó hết sức là có lý.

Thất làm biếng : Dù bạn biếng nhác không thể làm biếng được. Tuy bạn không làm gì cả, nhưng trong tâm lúc nào cũng có chuyện làm, đó là nghĩ vẩn vơ, vọng tưởng. Lúc thì trên trời, khi thì dưới đất, lúc làm ác quỷ, khi dọa địa ngục, lúc làm người, khi làm trời. Ở nơi cái tâm mà chế tạo ra đủ thứ máy móc vật liệu trong lục đạo luân hồi. Khi cơ quan này đã phát động rồi, thì chuyển tới chuyển lui, muốn làm biếng cũng chỉ lãng phí

sức lực và tinh thần mà thôi. Từ đó mình càng thêm mệt mỏi, càng lười biếng hơn rồi cảm thấy mọi việc chẳng có ý nghĩa, không có mùi vị gì cả.

Còn "thất ngủ khò" thì sao ? Ngủ song đầu óc lại mòng mị. Có lúc mòng phát tài giàu có, có lúc mòng nghèo cùng khổ, có lúc mòng làm quan, có lúc mòng đi xin ăn, có lúc mòng thấy cọp hoặc rắn độc. Vì mòng nên ngủ cũng không an lạc, muốn đã thất ngủ khò cũng không xong.

Vì mình không biết dụng công, nên bất luận làm gì cũng không tốt. Người biết dụng công thì làm gì cũng tốt, tham thiền hay niệm Phật đều tốt, ngay cả làm biếng hay ngủ nghỉ, người đó cũng dụng công được.

Ở Vạn Phật Thánh Thành có năm tông phái : Thiền, Giáo, Mật, Tịnh, và Luật. Quý vị muốn tu pháp môn nào cũng được, cứ tự do lựa chọn đừng ngại. Nếu muốn làm biếng, muốn ngủ cũng được. Vì do làm biếng mà mình không đi ăn cấp, đó là trì giới. Tuy ngủ mà mình không đi giết người, không sát sinh, thì đó cũng là trì giới. Niệm Phật, Tham thiền,

hoặc là học Giáo, tập Luật hay tu Mật tông đều là trì giới cả. Do thế khi mình học năm giáo phái, chính là mình đang trì Ngũ giới : Không sát sinh, không ăn cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Dụng công tức là không phạm giới. Tuy bên ngoài mình không biểu hiện là có hành trì giới luật (kẻ khác tuy không thấy mình trì giới), thật ra trì mà không có hình tướng trì. Mình chẳng cần dùng danh từ trì giới để hình dung khi đang giữ giới ; lối dụng công như vậy rất tốt.

Bởi vì lý do đó, nên ở Vạn Phật Thánh Thành quý vị được tự do lựa chọn pháp môn tu hành, không ai quản thúc mình cả. Bởi vì quốc gia này là quốc gia dân chủ, nên đạo tràng này càng phải thực hành chủ nghĩa dân chủ, và tự do cá nhân. Vì vậy đã nhiều ngày qua quý vị muốn dụng công tu pháp gì đều được cả, chỉ cần chuyên tâm tu hành, làm chuyện gì phải ra chuyện đó, làm gì phải làm cho tốt, chuyên tâm chú ý là đủ.

Lại nữa, Vạn Phật Thánh Thành có Sáu Đại Tông chỉ ;

1. Không Tranh : Nếu không tranh sẽ không dẫn đến sát sanh. Sát sanh là do tâm tranh hiện lên tác quái. Khi tranh thì chỉ muốn mình thắng, đối phương thua, dù có chết hại vô số.
2. Không Tham: Không tham thì sẽ không trộm cắp. Tại sao lại đi ăn cắp đồ của người khác ? Là bởi mình có tâm tham lam. Nếu bạn không có tâm tham lam, thì có kẻ tặng, bạn cũng không lấy. Lòng tham mà trừ thì nhất định không phạm tội ăn cắp.
3. Không Truy Cầu : Không truy cầu thì sẽ không khởi ý niệm dâm dục. Dâm dục là do mình có mong cầu. Con gái mong con trai, con trai mong cầu bạn gái, đó là thứ truy cầu kẻ đối phương. Không những chỉ cầu thôi mà còn truy, theo đuổi nữa, giống như cái khoan, cứ nhắm về phía trước mà khoan. Nếu không có sở cầu, thì làm sao còn ý niệm tà dâm ? Một chàng trai tuần tú, một cô gái xinh xắn bắt quả chỉ là hai bị thít hơi hám mà thôi. Tại sao tham luyến chứ ? Nếu không có sở cầu thì mình không sao phạm giới dâm này.

4. Không Ích Kỷ : Không ích kỷ sẽ giúp mình chẳng nói láo. Người ta nói dối vì sợ mất đi lợi ích riêng mình, nên tâm ích kỷ mới tác quái. Rồi mình mới đi lừa người khác, nói lời dối trá, muốn người khác không biết được bộ mặt thật của mình.
5. Không Tư Lợi : Không tư lợi sẽ giúp mình không phạm tửu giới. Con người vì sao uống rượu ? Là vì muốn hưởng thụ, muốn thân thể mình sung sướng. Nhưng sung sướng làm tâm mình mê loạn khủng hoảng; cứ tưởng rằng đã trở thành thần tiên, tiêu dao trên trời vậy. Khi đã say rượu thì lại chửi rủa người khác, muốn làm gì thì làm, tăng trưởng thêm lòng dâm dục. Có người muốn đem rượu lại trợ cho huyết khí được lưu thông sáng khoái. Nhưng uống rồi thì mọi sự đều quên hết. Cũng đồng một loại với hút thuốc phiện, xì ke, ma túy. Đó đều do tâm tự lợi hoành hành; cho nên mới đi uống rượu.

Như vậy, Lục Đại Tông chỉ chính là Ngũ giới. Tại sao không nói Ngũ giới ? Là vì danh từ Ngũ giới nghe quen rồi, nên khi nghe

không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu thì người ta thường nói : "Tôi biết rồi, bạn nói mãi lời này làm chi ?" Bởi vậy nên đổi thành : không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi và không nói dối. Những danh từ này ai ai cũng nghe qua, cũng đã biết rồi. Nhưng rất ít người thật sự thực hành chúng, vậy tôi lại nhắc lại rằng :

Không tranh, tức là không sát sinh;
Không tham, tức là không trộm cắp;
Không cầu, tức là không dâm dục;
Không ích kỷ, tức là không vọng ngữ;
Không tự lợi, tức là không uống rượu.

*Giảng ngày 5 tháng 12, năm 1982
tại Vạn Phật Thánh Thành*



BIỂU HIỆN CỦA ĐỨC HẠNH

Tu đạo nghĩa là tu đạo đức chơn chính, không chướng ngại ai, cũng không sợ ai chướng ngại mình.

Lúc bắt đầu tu, người học Phật pháp phải gieo hạt giống xuống đất. Sau khi hạt giống được gieo, nó có thể nảy mầm lớn lên chẳng ? Xem nhân duyên có đủ hay không. Hạt giống thuận lợi nảy nở khi tất cả trợ duyên đều đầy đủ. Nếu chẳng đầy đủ thì hạt giống có thể bị tiêu hủy. Nếu xét khi mình phát Bồ đề tâm, trồng chủng tử Bồ đề xuống rồi, hãy xem chủng tử đó trồng được xuống sâu hay không, có kiên cố lắm không ?

Nếu mình trồng đủ sâu, đủ kiên cố chắc thật, thì tương lai chủng tử sẽ sinh căn phát nhạ. Muốn được kết quả Bồ đề thì cần phải một thời gian tương đương, coi thử mình sẽ dụng công như thế nào ? Nếu mình dụng công tới tấp, khai ngộ chứng quả, thành tựu giác đạo, thì có thể coi như là gặt hái được thành công.

Từ lúc chủng tử sinh căn phát nhạ đến lúc ra hoa kết trái; quá trình đó trải qua một thời gian dài cần ta luôn bồi dưỡng, tưới nước, bón phân. Phân bón là gì ? Tức là đạo đức. Người tu hành ở bất cứ mọi nơi phải nương nơi đạo đức, lấy đạo đức làm căn bản của giới điều.

Đạo Nho nói rằng :

"*Đức giả bản dã, tài giả mạt dã*". Nghĩa là đức là gốc mà tiền tài vật chất là ngọn. Đức hạnh là gốc của con người, còn tiền tài vật chất là những thứ ngọn ngành. Người tu Đạo lúc nào cũng phải biết tiếc phước, đừng nên phí phạm tiền bạc vật chất. Như vậy trải qua ngày tháng lâu dài thì có thể bồi dưỡng đức hạnh của mình. Hoa quả sinh ra rất là mau thành. Nếu như mình không ra sức bồi dưỡng tưới nước, bón phân thì hoa quả đó rất dễ bị khô héo rồi chết đi. Cho nên đối với người tu, điều quan trọng nhất là phải chú trọng đến đức hạnh.

Đức hạnh là ở nơi rất nhỏ nhặt mà tập thành : "*Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi*" nghĩa là đừng coi những chuyện thiện nhỏ mà không

làm, rồi chỉ chờ làm những chuyện thiện lớn. Chuyện thiện lớn chẳng có nhiều đâu. Núi to là do từng hạt bụi nhỏ kết tập thành, bụi tuy nhỏ nhưng kết tập nhiều thì thành một khối núi lớn. Đức hạnh tuy là nhỏ, nhưng nếu mình tích tập nhiều thì cũng có thể thành một khối đức hạnh lớn vậy.

Không đi ngược lại đạo đức tức là đức hạnh. Không chướng ngại kẻ khác tức là đạo đức. Bất luận làm chuyện gì, nên xem bốn phận mình là giúp đỡ người khác. Trên phương diện lợi ích, thời gian, văn hóa hay trí huệ, hoặc tất cả mọi sự, nếu mình trở ngại người khác, không làm lợi ích cho ai cả, tức là mình đã đi ngược lại với đạo đức. Cho nên nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh mình chớ đi ngược lại đạo đức căn bản. Nếu muốn tu đạo, trước tiên cần bồi dưỡng đạo đức, không có đức hạnh thì không thể tu đạo được. Có người muốn tu đạo thì ma chướng tới tìm, bởi vì người này chẳng có đức hạnh. Cho nên nói rằng :

Đức giả bốn dã, tài giả mật dã.

Đạo đức giống như mặt trời mặt trăng,

giống như trời đất, và cũng giống như tánh mạng con người vậy. Không có đạo đức thì mình không có tánh mạng, không có mặt trời mặt trăng, và cũng chẳng có thiên địa. Thế nào là đạo đức ? Tức là lấy việc làm lợi ích cho người khác làm chủ, không chướng ngại người khác làm tông chỉ, trong tâm lại sung mãn Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1. Nhân : Là tâm nhân ái không muốn sát hại sinh mạng kẻ khác.

2. Nghĩa : Lòng nhận thức biết làm chuyện gì phải, và làm hết sức đúng đắn, đúng với trung đạo, không có thái quá cũng không có thiếu sót, không nghiêng về bên phải cũng chẳng lệch qua phía trái, luôn luôn trung đạo. Hiểu biết nghĩa lý thì không ăn cắp. Người có nghĩa khí thì không bao giờ ăn cắp đồ vật kẻ khác.

3. Lễ : Là lễ thứ lễ mạo, lễ tiết. Nếu mình có lễ tiết thì không làm những chuyện gian dâm. Ăn cắp và tà dâm đều là thứ không hợp với lễ nghĩa, đi ngược lại với luân thường.

4. Trí : Người có trí huệ thì không bao giờ uống rượu, hay hút thuốc xì ke, ma túy,

những thứ độc được. Người ngu si thì mới làm những thứ điên đảo này.

5. Tín : Người có tín dụng thì không bao giờ nói dối cả.

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đó gọi là *Ngũ Thường*. Hễ mình có đầy đủ Ngũ thường này tức là là có đạo, có đức. Cho nên đạo đức là do từ nơi tâm sinh ra. Nhưng khi phát ra thì nó có nhiều hình thái : có xanh, vàng, đỏ, trắng, và đen. Đó là biểu hiện của đức hạnh, là ánh sáng của đức hạnh. Cho nên ông Hàn Dũ trong bài *Nguyên Đạo* có một đoạn văn nói rằng : "*Bác ái chi vị Nhân. Nhân nhi nghi chi chi vị Nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị Đạo. Túc Hồ kỷ vô ý ư ngoại chi vị Đức*". Nghĩa là lòng bác ái tức là lòng Nhân. Lòng nhân đúng cách (hợp lẽ) thì gọi là Nghĩa. Nhờ đó mà tiến tới gọi là Đạo. Đầy đủ nơi mình không dựa vào bên ngoài nên gọi là Đức. Ông Mạnh Tử cũng nói rằng : "*Nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm, kỳ sinh sắc dã, túy nhiên kiến ư diện, áng ư bối, thí ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ*". Nghĩa là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí sinh gốc rễ trong tâm mình. Màu sắc của nó chiếu soi nơi

vẻ mặt, sáng soi nơi lưng, vận dụng nơi tay chân. Tứ thể không cần nói nhưng biểu hiện đã rõ. Người có đức thì không những biểu hiện nơi khuôn mặt của mình, mà ngay trên lưng của mình cũng lưu lộ ánh sáng đức độ, thậm chí cho đến tay chân cũng có thể biểu hiện ra đạo đức đó. Đức tướng này không cần nói mà tự nó phát hiện ra, khiến ai ai cũng thấy một cách rõ ràng. Sự biểu hiện của đức hạnh chân chính đó là do công phu dụng công. Đức hạnh này mình không thể giả trang được, nếu như hư dối thì chỉ tạm thời thôi, chứ không thể vĩnh viễn lừa dối người khác được.

Tu đạo nghĩa là tu chơn chính đạo đức, không chướng ngại kẻ khác, cũng không sợ người khác chướng ngại mình. Ai chướng ngại mình thì mình đều tiếp nhận cả. "*Nghịch lại thuận thọ*" (chuyện đến nghịch ý mình, song cứ tùy thuận thọ nhận), ai đối với mình không có từ bi, không có nói lý, đều là thiện trí thức của mình. Nếu mình có thể "*ngịch lại thuận thọ*" thì mới thấy được công phu nhần nhục của mình. Đừng để lời nói của kẻ khác động

tâm mình. Có những người làm như "bất động" vì không biết hổ thẹn, đó là không đúng. Mình phải tu "bất động", tức là phải nhẫn nhục những điều mà người ta không nhẫn nhục nổi. Vậy mới gọi là chân chính công phu, còn ngược lại mình phải từ đầu mà luyện tập.

Trong Lão giáo nói : "*Tam hoa tụ đỉnh, ngũ khí triều nguyên*", nghĩa là biểu hiện của đạo đức viên mãn rồi. Những tín đồ trong Phật giáo nghe qua danh từ này thì cho là ngoại đạo. Kỳ thật thế nào gọi là ngoại đạo ? Thế nào là nội đạo ? Tên này chẳng có gì là ngoại hay nội đạo cả. Đó chỉ dùng để hình dung kết quả thành tựu của sự tu hành. "Tam hoa" có nghĩa là tinh, khí, thần ba thứ này đã biến hóa trở thành một thứ quang hoa. "Ngũ khí" tức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, năm khí này đã hoàn toàn viên mãn, nên gọi là ngũ khí triều nguyên.

Trong Phật giáo, khi đạo đức đã viên mãn rồi thì sẽ đạt được Đại viên kinh trí, Bình đẳng Tánh trí, Diệu quán Sát trí, Thành sở tác trí. Tức là Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục

Thông, không thiếu một thứ nào (Tam Thân : pháp thân, báo thân, hoá thân; Tứ Trí : Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí, Thành sở tác trí; Ngũ nhân : Phật nhân, pháp nhân, huệ nhân, thiên nhân, nhục nhân; Lục thông : thiên nhân thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông, lậu tận thông). Thiếu một thứ tức là không đạt tới được cảnh giới viên mãn.

Tại tiểu học, trung học hay đại học mọi người đều là học sinh; trong thế giới các tôn giáo, tín đồ là những nhân sĩ của tôn giáo. Vì thế mình không thể phân môn biệt loại, phân chia ngăn cách, cho tôn giáo mình là tốt, tôn giáo khác là xấu : "*Nhập giả nô chi, xuất giả ô chi*" nghĩa là theo thì thuộc phe mình, không theo mình thì bị chê bai, thái độ quan niệm đó là sai lầm. Đức Phật nói : "Tất cả chúng sinh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đều có thể thành Phật". Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Vậy thì ngoại đạo cũng là chúng sinh, cũng có cơ hội thành Phật, thì làm sao mình lại bỏ ngoại đạo ra ngoài Phật giáo được ? Phạm vi của Phật giáo thì bao trùm

tận hư không, biến pháp giới, không có biên tế, không có rào cản ngăn cách chia rẽ, không có mình và người. Cho nên người học Phật phải có tâm lượng quảng đại, đừng có nhỏ hẹp.

Ở trong đạo Lão, người có đức hạnh thì có một sự biểu hiện mà người khác nhìn vào có thể biết, như là tóc trắng như hạc, mặt mày nhan sắc hết sức hồng hào tươi tốt, trẻ trung. Đó là vì sao ? Là bởi vì đạo đức của họ cảm chiêu biến hóa mà thành. Tuy là đầu bạc nhưng tóc không bị khô cằn, lại có khí rất là quang nhuận, một sợi tóc của họ có thể phóng quang. Người có công phu, quá khai ngộ nhân rồi khi nhìn sẽ biết ngay.

Phật giáo thì còn cao hơn một tầng nữa bởi vì không những tóc phóng quang, mà toàn thân, mỗi chân lông đều phóng quang. Mỗi một lỗ chân lông của họ đều khác với những người phàm phu. Người có công phu tu hành trong Phật giáo thì có thể làm tóc trắng biến thành đen, răng rụng rồi mọc trở lại. Người trong đạo Lão cũng có những kẻ làm răng rụng mọc lại, song họ không thể làm toàn

thân, mỗi lỗ chân lông phóng quang được, đó là chỗ khác biệt với Phật giáo vậy. Quý vị muốn coi người này có phải là thiện tri thức hay không ? Không cần phải có ngũ nhân, chỉ cần mình có tu luyện thì sẽ nhìn và biết được người đó phải là thiện tri thức không ? Người đó có đức hạnh không. Người không có đức hạnh thì mặt mũi ghê tởm, xấu xí làm ai cũng sợ hãi, lánh xa.

*Giảng tối ngày 17 tháng 12, năm 1982
Tại Vạn Phật Thánh Thành*



THIỀN THẤT HỐI NGŨ

Người tu hành lão luyện vì muốn liễu sinh thoát tử, nên họ giữ lấy câu thoại đầu một cách khẩn thiết, không một giây, một phút nào mà họ không dụng công.

Lần này Vạn Phật Thánh Thành đả thiền thất, và lại đả Phật thất, song trình độ chưa phải là chân chính đả thiền thất hay Phật thất; bất quá quý vị chỉ tập luyện mà thôi. Tại sao vậy ? Bởi vì tập khí lỗi lầm từ vô lượng kiếp đến nay khiến mình lười biếng quen rồi, tất nhiên bây giờ chơn chính tu đạo, thì rất khó có thể làm được liền. Chùa Cao Mân ở Trung Quốc mỗi lần đả thiền thất thì quy luật của họ là không người nào được nói chuyện cả; một phút, một giây cũng không được làm biếng nghỉ ngơi. Trong thiền đường không thể tùy tiện đi lui đi tới, đi vô đi ra; cho dù mình có chết đi, thì thi thể cũng không được đem ra ngoài chôn, mà sẽ bị vất dưới ghế mà thôi.

Người dụng công phải chuyên tâm trì chí, không nên bị cảnh giới làm cho chuyển động. Tham thiền cần phải nhớ đạo lý trong *Kinh Kim Cang* : "*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*" tức là hãy để tâm vận hành ở chỗ nó chẳng có trụ trước. Đó là đạo lý căn bản mà Ngài Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ. Nhưng có bao nhiêu người nghe qua rồi, tụng qua rồi được khai ngộ ? Nên khi tôi giảng *Kinh Kim Cang*, tôi nói : "Kính văn thì như vậy, nhưng khai ngộ có mấy ai ?".

Lục Tổ Đại Sư là người không biết chữ nghĩa gì hết, hằng ngày lên núi đốn củi đem về bán, nhưng khi nghe một câu kinh Ngài liền khai ngộ. Đó là vì trong nhiều kiếp trước Lục Tổ Đại Sư đã hết sức chân thật tu hành, nên khi nghe qua câu *Kinh Kim Cang* thì liền khai ngộ. Tại sao chúng ta bây giờ nghe qua nhiều lần mà vẫn chưa khai ngộ ? Là vì từ xưa mình chưa có tu hành, chỉ thích coi truyền hình, xem xi nê, đi nhẩy đầm, ăn uống vui chơi, chưa từng nghiên cứu qua kinh điển.

Kinh Kim Cang lại còn dạy rằng : "*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh*

tướng, vô thọ giả tướng". Trong lúc tọa thiền thì mình có ngã tướng, có nhân tướng hay không ? Có chúng sinh tướng hay không ? Có thọ giả tướng hay không ? Nếu muốn chẳng có thì mình phải tìm cách quét sạch đi bốn tướng đó; khiến ba cái tâm biến mất đi, tức là tâm hiện tại, tâm quá khứ, tâm vị lai. Ba tâm này không thể nắm bắt được thì tứ tướng đó làm sao mà có.

Kinh Kim Cang lại nói rằng :

Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn
bào ảnh.

Như lộ diệt như điện, ứng tác như thị
quán.

Nghĩa là :

*Tất cả pháp hữu vi, như mộng mị huyễn
ảo,*

*Như bọt bèo bóng tối, như sương đọng,
điện chớp, phải thấy suốt như vậy.*

Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu
ngã

Thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như
Lai.

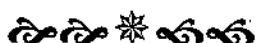
Nghĩa là :

*Nếu thấy ta có sắc tướng, tìm Ta nơi âm
thanh*

*Kẻ đó đi đường tà, chẳng thấy được Như
Lai*

Khi chúng ta tọa thiền, đừng để âm thanh làm cho ta động tâm, đừng tùy theo sắc tướng mà làm ta xoay chuyển. Có người tu hành đã lâu rồi, nhưng khi có được cảnh giới thì chấp trước vào cảnh giới, đó là sai lầm. Mình phải "*Thính nhi bất văn, thị nhi bất kiến*". Nghĩa là nghe nhưng không lọt vào tai, nhìn mà không có thấy. Không nghe, không thấy thì sẽ không bị cảnh giới chuyển lay.

Giảng ngày 18 tháng 12 năm 1982.



VIÊN MÃN MƯỜI TUẦN THIỀN

Không kể khi xưa ra sao, chỉ cần từ nay
về sau mình thay đổi triệt để, thành con
người mới

Kim nhật viên mãn thập thiền thất,
Cải đầu hoán diện phát Bồ đề.
Thường triển Kim cang Trí huệ kiếm,
Tung hoành Nam Bắc dữ Đông Tây.

Dịch là :

*Hôm nay viên mãn mười tuần Thiền,
Bồ đề tâm phát, đổi mặt mày.
Thường tuốt gươm báu Kim cang trí,
Tung hoành ngang dọc khắp bốn phương.*

Hôm nay là ngày cuối của mười tuần thiền thất, chúng ta khi xưa thế nào không cần biết, chỉ cần từ nay về sau làm một người mới, thay đổi triệt để, từ đầu tu luyện lại, dứt hẳn lòng tham lam quý quái hồi xưa là được rồi. Không nên như lúc xưa, chỉ toàn dụng công phu nơi nhân ngã thị phi, mà cần phải

phát đại Bồ đề tâm. Mình phải luôn luôn tuốt bảo kiếm Kim cang vương Trí huệ. Đừng có ngu si; không ngu si tức là không làm những chuyện điên đảo sai lầm. Thế nào là điên đảo ? Là có vô minh ngu tối, hôn muội, u ám. Mình lúc nào cũng phải cầm cây kiếm Kim cang trí huệ này tung hoành nam bắc, tiêu dao thiên hạ, muốn tới chỗ nào thì tới, đạt được cảnh giới không có mình, không có người, không ràng buộc, ra ngoài thị phi, hết sức tự tại.

Giảng ngày 16 tháng 11 năm 1983



MƯỜI PHẬT GIỚI KHÔNG NGOÀI MỘT NIỆM TÂM

Mười pháp giới từ đâu lại ?
Chính từ tâm ta hiện tiền một ý niệm ra.

*Nếu ai muốn thấu rõ
Ba đời tất cả Phật,
Hãy quán tánh Pháp giới,
Tất cả chỉ tâm tạo.*

Nếu ai muốn thấu rõ : Nếu có ai muốn hiểu biết rõ ràng *Ba đời tất cả Phật*, thì phải hiểu chư Phật trong mười phương trong đời quá khứ, hiện tại, và vị lai đều do người mà thành.

Hãy quán tánh Pháp giới : Hãy quan sát tánh chất của Pháp giới. Chúng sinh trong Pháp giới, ai ai cũng có bản tính. Bạn có tánh của bạn, tôi có tánh của tôi. Như tánh nóng nẩy của bạn thì dữ dần hơn tôi một chút, song tánh giận dữ của tôi thì sâu đậm hơn bạn một chút. Như vậy bạn thấy có giống

nhau chẳng ? Heo có tánh heo, ngựa có tánh ngựa, đàn ông có nam tánh, đàn bà có nữ tánh... Ai cũng có tánh riêng. Kẻ thích ăn ngọt thì có tính hảo ngọt ; thích ăn chua, thì có tính chua chát ; thích ăn cay thì có tính nóng nảy ; thích ăn đắng thì có tính chịu đắng. Tu hành là việc có tính đắng. Cây thì có tính cây, hoa có tính hoa, cỏ có tính cỏ... Cái gì cũng có tánh riêng. Do đó mới có tánh của *Pháp giới*. Quý vị đã hiểu chưa ? Khi xưa quý vị hiểu lầm, cho rằng tánh của Pháp giới, bây giờ nên hiểu rằng "tánh của chúng sinh" ở trong Pháp giới.

Tất cả chỉ tâm tạo : Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng : Vạn Pháp đều do tâm tạo ra. Ngay cả Phật cũng do tâm quý vị tạo ra đó. Nếu tâm quý vị tu Pháp Phật thì thành Phật đạo. Nếu quý vị thích Bồ tát hạnh thì tu Bồ tát đạo, thành một vị Bồ tát. Nếu quý vị lòng muốn đọa địa ngục thì cứ nhắm hướng địa ngục mà tu thì tương lai sẽ đọa địa ngục. Cho nên nói ; *Mười Pháp giới không rời một niệm tâm này.*

(I) Pháp giới của Phật

Bất đại bất tiểu, phi khứ phi lai

Vì trần thế giới, giao ánh liên đài.

Nghĩa là :

*Không lớn không bé, chẳng đến chẳng đi.
Thế giới như bụi, đài sen chiếu nhau.*

Bất đại bất tiểu : Khi lần đầu tôi nghe đến chữ Phạn Buddha, nó nghe tựa tựa như chữ *bất đại* (bủ tá) trong tiếng Trung Hoa. Cái gì không to lớn ? Thì là Phật. Nghĩa là Phật không có lòng cống cao, ngã mạn, không có cái Ngã. Bất tiểu là nói Phật cũng không nhỏ bé đâu. Nếu không to lớn, mà nhỏ bé thì không phải là Phật. Phật thì không lớn không nhỏ.

Phi khứ phi lai : Pháp thân của Phật thì bao trùm tận hư không biến khắp Pháp giới ; không ở mà cũng chẳng đi. Nếu nói rằng pháp thân đi, thì đi tới nơi đâu ? Nói rằng pháp thân đến, thì đến chỗ nào ? Pháp thân thì vốn châu biến, chẳng phải chỉ ở tại thế giới của ta mà là ở khắp mọi thế giới nhiều như hạt bụi. Vô lượng vô biên thế giới đều có pháp thân Phật, nên nói rằng thân Ngài ở *vi trần thế giới*.

Giao ánh liên đài : Giao ánh diễn tả hào quang của Phật. ở Pháp giới này chiếu sáng chư Phật ở Pháp giới kia. Hào quang của Phật ở Pháp giới kia lại chiếu sáng Pháp giới này. Chư Phật ngự trên đài sen, hỗ tương phóng quang động địa, chẳng những các Ngài dùng sáu căn phóng quang động địa mà mỗi lỗ chân lông đều phóng quang động địa.

Cũng trong một chân lông xuất hiện vô lượng vô biên chư Phật, rồi mỗi một vị Phật ấy lại phóng ra vô lượng vô biên hào quang. quang và quang không chút xung đột, mà ngược lại, hòa hợp. Vì vậy Phật tử chúng ta phải hòa hợp như ánh quang minh vậy. Giữa người với người, chớ sinh ra sự xung đột, Sự giao ánh có nghĩa là ánh sáng của bạn chiếu tới tôi, ánh sáng của tôi soi tới bạn ; quang quang tương chiếu, hết như sự tương thông của mỗi lỗ trên võng la tràng (lưới) ở trời Đại Phạm Thiên Vương vậy. Ánh sáng từ cái võng ấy, lớp này chiếu lên lớp nọ, trùng trùng vô tận. Đó là Pháp giới thứ nhất, Pháp giới của Phật.

(II) Pháp giới của Bồ tát

Hữu tính giác ngộ,

Khiêu xuất trần ai.

Lục độ vạn hạnh,

Thời khắc bồi tài.

Nghĩa là :

Khi hữu tình giác ngộ,

Hãy thoát khỏi bụi trần.

Lục độ vạn hạnh,

Lúc nào cũng dưỡng đủ.

Hữu tình giác ngộ : Bồ tát là tiếng Phạn, dịch là "giác hữu tình," giác ngộ tất cả hữu tình. Lại còn được hiểu rằng Bồ tát là một vị hữu tình đã giác ngộ. Với hai cách giải thích này chúng ta đều có phần. Bởi vì mình là một hữu tình chúng sinh, do đó mình có thể làm kẻ giác ngộ trong chúng sinh. Mình lại có thể dùng đạo lý giác ngộ để thức tỉnh tất cả chúng sinh. Cũng vậy, Phật ví như người lớn, còn chúng ta ví như con nít. Mỗi ngày mình phải uống sữa, phải nghe pháp, bởi nghe Pháp khiến mình tăng trưởng thiện căn, đặc biệt làm mình khai trí huệ. Do đó khi có cơ hội nghe giảng Phật Pháp, cơ hội ấy giá trị hơn bất kỳ đồng tiền nào mình làm ra. Có

được thời giờ để nghiên cứu Phật pháp chẳng phải là tuyệt hảo sao ?

Tôi hy vọng những người ở đây bớt đi du lịch. Vì sao ? Bởi vì du lịch lúc này rất nguy hiểm. Quý vị xem : cứ mỗi kỳ hè người tử nạn nào phải chỉ có một, chắc hẳn nhiều lắm. Do đó, nếu đi du lịch thì biết quý vị có phần trong số cố nạn nhân ? Ở Mỹ, ai cũng ham vui, thích đi du lịch. Tín đồ Phật giáo mình phải cải thiện thói quen ấy. Ngày nghỉ hè, hãy dành thời gian nghiên cứu Phật pháp, tụng Kinh, niệm Chú, lạy Phật là tốt hơn hết.

Bồ tát là một vị hữu tình đã giác ngộ. Trong tất cả kẻ giác ngộ, Ngài là kẻ hiểu suốt. Trong tất cả hiểu thấu suốt, Ngài là kẻ tu hành. Trong tất cả kẻ tu hành, Ngài là người tu tập rất chân thật.

Khiêu xuất trần ai : Nếu quý vị không thông hiểu thì không sao nhảy thoát ra khỏi bụi trần, bởi vì bụi trần quá dày đặc nên nhảy không ra nổi. Nếu quý vị giác ngộ rồi, thì bụi trần sẽ mỏng lắm, nhảy là thoát ngay. Nhưng nhảy ra rồi thì làm gì ? Phải chăng chỉ có ăn với nghỉ ? Đúng đó, quý vị vẫn phải ăn uống,

ngủ nghỉ, mặc áo; song không phải chỉ có thế. Quý vị chẳng sống vì làm ba chuyện ấy. Quý vị sống là để tu *Lục độ vạn hạnh*. Lục độ tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Có người nói : "Tôi biết rồi, bố thí tức là dạy người ta bố thí cho mình". Không phải đâu ! Mình phải bố thí cho người. Đừng nên ham tiền. Tiền là thứ dơ bẩn lắm. Nếu gần gũi nó lâu ngày, quý vị sẽ dính phải bụi dơ của nó. Do đó, hãy không tham tiền, bạn sẽ thanh tịnh, nhảy vọt ra khỏi chốn bụi bặm.

Thời khắc tài bồi : Chẳng phải ngày nay tu, ngày mai nghỉ tu; năm nay tu, sang năm ngừng; tháng này tu, tháng sau nghỉ; đời này tu, đời sau bỏ; phút này tu, phút sau ngủ. Không phải như vậy đâu ! Trong mọi lúc, mọi thời, mọi đời, mọi kiếp, mình phải tu lục độ vạn hạnh. Nếu làm được thế thì quý vị là Bồ tát rồi đó.

Quý vị tưởng rằng làm Bồ tát dễ lắm sao ? Chẳng dễ đâu ! Chẳng những không dễ làm Bồ tát, ngay cả làm Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng dễ. Làm gì dễ dàng nhất ?

Làm quý, dọa địa ngục, thành thú vật là việc dễ dàng nhất. "Khó" tức là không dễ. Do vậy, Bồ tát cần làm những việc khổ hạnh ai cũng cho là khó làm, nhẫn nhịn những việc khó nhẫn nhịn. Chẳng phải thấy khó rồi bỏ không làm. Quý vị hãy dần thân tiến bước, bởi vì kẻ tinh tấn tức là Bồ tát. Chỉ có vậy. Chẳng có gì xảo diệu hơn đâu. Nếu có thể làm việc không ai làm được, quý vị mới là Bồ tát.

(III) Pháp giới của Duyên Giác

Duyên Giác Thánh Hiền,
 Cô phong độc miên.
 Xuân hoa thu tạ,
 Thập nhị liên hoàn.

Dịch là :

*Thánh Hiền đáng Duyên Giác,
 Chót đỉnh một mình ngủ.
 Hoa xuân, thu héo tàn,
 Vòng tròn, mười hai khoen.*

Duyên Giác Thánh Hiền : Duyên Giác là bậc Thánh Hiền, lúc các Ngài ở thời Phật tại thế thì Phật gọi là Duyên Giác; sau khi Phật

nhập diệt, thì các Ngài được gọi là Độc Giác, bởi vì các Ngài tự mình giác ngộ. Các Ngài thích "*cô phong độc miên*", ngủ một mình trên đỉnh chót vót. *Xuân hoa thu tạ* : Khi các Ngài ngắm nhìn cảnh "xuân đến, trăm hoa khai ; thu về, lá vàng rụng." Ngài giác ngộ rằng mọi sự, mọi việc trên đời đều tự nhiên có sinh có diệt. *Thập nhị liên hoàn* : Do đó các Ngài quan sát mười hai nhân duyên (hỗ tương tiếp nối sinh diệt giống như mười hai móc khoen của dây xích.) Mười hai nhân duyên đó như sau :

1. Vô minh : Các Ngài quán sát xem vô minh từ đâu ra ? Vì sao có vô minh ?
2. Hành : Khi có vô minh thì có hành động, tức là có sự biểu hiện, hiện bày. Khi có chỗ hiển bày thì có thức.
3. Thức : Thức nghĩa là sự phân biệt. Hành tức là pháp hữu vi. Khi có pháp hữu vi, tâm phân biệt liền sinh khởi. Có tâm phân biệt thì có chuyện rắc rối rồi đây !
4. Danh sắc : Cái rắc rối ấy chính là danh sắc. Danh (hay tên) thì có rắc rối của danh. Sắc (hình hài) thì có rắc rối của

sắc. Có danh sắc là có rắc rối ; có rắc rối chính vì có danh sắc. Không nói thì chẳng sao, càng nói về nó thì càng rắc rối. Giảng về nó là kéo ra rắc rối. Khi tôi chưa giảng, quý vị vốn không biết, nên không có gì rắc rối. Một khi tôi giảng ra, quý vị không hiểu, thì có sự rắc rối của việc không hiểu. Vì có sự rắc rối do không hiểu biết, nên quý vị muốn hiểu. Có ý muốn hiểu biết nên sinh ra lục nhập (sáu căn).

5. Lục nhập : Sáu căn sinh ra là vì muốn hiểu biết. Do đó nên gọi là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý tưởng. Vì sao sinh khởi lục nhập ? Vì muốn hiểu biết. Có ai ngờ rằng càng hiểu biết thì ta càng mê muội, càng mê muội thì càng không hiểu biết. Đó là sáu căn.
6. Xúc : Xúc nghĩa là xúc chạm, tiếp xúc. Khi không hiểu biết thì ta cứ chạy xúc chạm đủ phía : nào đông, tây, nam, bắc, trên, dưới. Giống như con ruồi cứ bay đâm chạm vào tường hoài. Vì sao ta cần xúc chạm ? Vì ta muốn hiểu biết.
7. Thọ : sau khi tiếp xúc, thì ta có cảm giác,

đó là thọ. Khi không đụng phải việc khó khăn, cảm giác rất thoải mái. Một khi đụng việc khó, mới thấy khó chịu. Khi không ai chê mình xấu, mình thấy sung sướng lắm. Tới lúc bị chê, mới thấy không vui. Đó tức là thọ, hay cảm giác.

8. Ái : khi có cảm giác thì yêu thích, chấp trước sinh ra. Tại sao người ta có cảm giác bất an ? Bởi vì có ái. Có ái, có yêu thích thì có ghét bỏ, không thích. Đối với thuận cảnh thì sinh lòng yêu thích ; với nghịch cảnh thì ghét bỏ. Vì sao mình vui ? Vì sao mình không vui ? Tất cả đều vì có ái và ố. Ố nghĩa là không yêu thích, đáng ghét. Vì vậy càng ngày sự việc càng rắc rối.
9. Thủ : Đối với thứ yêu thích, mình sinh tâm trạng muốn nắm giữ nó, tức là thủ. Thủ là gì ? Là chấp trước, muốn chiếm hữu, nắm giữ. Bởi vì có ái nên mới có lòng muốn chiếm đoạt.
10. Hữu : Khi đã chiếm hữu rồi, dục vọng liền thỏa mãn. Vì sao mình muốn thỏa mãn dục vọng ? Vì muốn có nó. Do đó mới có "hữu" tức là "có".

11. Sinh : Vì có cái "hữu" nghĩa là "có, sự hiện hữu", nên cứ muốn nó thuộc về mình. Khi đã thuộc về mình, thì liền có "sinh".

12. Lão tử : Hễ có sinh ra thì có già, chết.

Đó là mười hai nhân duyên, là Pháp bậc Duyên Giác tu hành.

(IV) Pháp giới của Thanh Văn

Thanh Văn chúng Tăng

Bất luận nam nữ

Tứ đế quán hành

Ăn thật, thị quyền.

Thanh Văn chúng tăng : Pháp giới của Thanh Văn gồm có các bậc sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả Thanh Văn. Trong đó lại phân thành : sơ quả hướng (chưa chính thức chứng đắc sơ quả), sơ quả, nhị quả hướng, nhị quả, tam quả hướng, tam quả, tứ quả hướng, tứ quả. Hướng có nghĩa là hồi tiểu hướng đại (bỏ cái nhỏ hướng về cái lớn).

Hàng Thanh Văn còn được gọi là A La Hán hay La Hán. Các ngài có thần thông có thể phi hành biến hóa. Các vị chứng quả,

không bao giờ tùy tiện thổ lộ rằng : "Ta đã chứng quả, ta là bậc A La Hán". Đó là việc không thể làm. Khi bậc Thánh chứng quả, chân họ đi dép chẳng chạm đất. Bạn thấy họ dường như đi bộ trên mặt đất, nhưng thật ra họ bước trong hư không, dép không hề chạm đất. Thậm chí khi đạp trên bùn như, dép họ sạch sẽ vô cùng. Ví như Hòa thượng Pháp Thuận, khi Ngài dẫm chân lên bùn lầy lội, giày dép Ngài chẳng lấm tí bùn nào. Đó là dấu hiệu của kẻ chứng thánh quả.

Bậc sơ quả A La Hán thì phải cắt đứt những mê muội của cái thấy (kiến hoặc). Bậc nhị quả thì cần đoạn những mê hoặc của tâm tu (tư hoặc). Bậc tam quả thì phải đoạn những mê muội vi tế như cát bụi (trần sa hoặc). Bậc tứ quả cũng phải đoạn trần sa hoặc và vô minh. Hoặc đoạn trừ một chút vô minh quét sạch hoàn toàn thì quý vị sẽ thành Phật. Do đó các vị Bồ tát và Duyên Giác vẫn còn một phần vô minh rất vi tế gọi là sinh tướng vô minh (vô minh ở trạng thái nẩy sinh) chưa đoạn trừ, do đó các Ngài chưa thành Phật được. Bậc tứ quả Thanh Văn tu hành

pháp môn gì ? Các Ngài tu tứ Diệu Đế : Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc ban sơ, Đức Phật Thích Ca tới vườn Lộc Uyển để độ năm vị Tỳ kheo. Năm vị này đều là bà con của Ngài. Họ theo Ngài tu đạo, song không chịu đựng nổi khổ nhọc. Lúc Đức Phật Thích Ca ở núi Tuyết Sơn, mỗi ngày Ngài ăn một hạt mè, một hạt mạch, ốm gầy như cây sậy. Ba vị đồng tu với Ngài, vì chịu không nổi khổ nên bỏ đi, chỉ còn lại hai vị. Về sau, vào ngày tám tháng chạp, có vị thiên nữ đem sữa lại dâng Đức Phật Thích Ca; Ngài liền tiếp nhận, uống sữa ấy khiến hai vị kia cũng bỏ Ngài đi. Họ nói rằng : "Tu hành cần phải tu khổ hạnh. Bây giờ Ngài uống sữa, chẳng còn khả năng tu hành nữa. Ngài chẳng chịu đựng khổ sở được nữa rồi. "Do đó họ bỏ đi. Thế là cả năm vị đều bỏ đi, tới vườn Lộc Uyển.

Đức Phật Thích Ca sau khi giác ngộ thành Phật, Ngài thuyết *Kinh Hoa Nghiêm* trước hết, song chẳng người nào nghe đặng. Vì thế Ngài phải ẩn thật thị quyền (dấu cái chân thật, thị hiện cái quyền biến), mới thuyết

Kinh A Hàm. Song nói kinh này với ai đây ?
Phật quan sát rằng : "A ! Thì là năm vị đồng tu với ta khi trước chờ ai ! Ta phải độ họ trước tiên".

Đó là vì trong quá khứ xa xưa Phật có phát nguyện : "Nếu ta thành Phật, trước hết ta sẽ độ cho tất cả kẻ hủy báng ta, sát hại ta, đối với ta không tốt". Ai là kẻ cứ xử không tốt với Ngài xưa kia ? Thì chính là vua Ca Lợi mà *Kinh Kim Cang* đề cập tới.

Khi đức Phật Thích Ca ở nơi nhân địa tu hành, làm vị nhần nhục tiên nhân thì có Ca Lợi Vương lại cắt xén thân thể Ngài. Vì sao y cắt xén thân Ngài ?

Bởi vì Ngài ở núi tu đạo, thân Ngài bụi bặm đóng đầy, Ngài lại không xuống núi, cứ ở mãi trên ấy dụng công tu trì khổ hạnh. Bữa nọ, Ca Lợi Vương đem theo các cô cung tần mỹ nữ săn bắn ở chốn núi sâu ấy. Các cô vốn ham vui nên không theo vua đi săn mà lại leo núi chơi. Vua Ca Lợi đi săn về, tìm các cô thì chợt thấy các cô đang tụm lại một chỗ nói chuyện với một nhân vật kỳ quái. Có cô thì rời tay, có cô sờ chân vị ấy, coi bộ chẳng phép

tắc gì cả. A ha ! Vua sinh lòng ghen tuông, mới bước tới nghe xem vị kia nói gì ? Thì chỉ nghe vị ấy nói toàn là việc tu hành, tu đạo ! Vua nổi giận, mắng : "Nhà ngươi không được lừa bịp các cô gái của ta ! Ngươi tu hành cái đạo gì hử ?" Vị tiên nhân đáp : "Tôi tu nhẫn nhục". "Thế nào là nhẫn nhục ?" "Thì tức là ai chửi rửa tôi, ai đánh đập tôi, tôi không sinh lòng sân hận". "Ngươi có thể nhẫn nhục sao ? Thiệt hử ? Hay là giả ?" "Đương nhiên là thiệt rồi !" "Được, ta sẽ thử nhà ngươi xem !" Nói rồi vua Ca Lợi liền tuốt kiếm xông tới, chém cụt cánh tay của vị tiên nhân. Vua nói : "Ta đã chém đứt cánh tay của mi, ngươi có nóng giận chẳng ?" Vị tiên nhân đáp : "Tôi chẳng sân hận đâu".

"A ! Tốt lắm ! Ngươi chẳng sân hận, đúng là có chút bản lĩnh. Song ngươi chỉ nói gạt, lòng ngươi hẳn giận dữ lắm, mà miệng thì cứ chối không nổi nóng để lừa ta ! Ta là kẻ sáng suốt lắm, đời nào để ngươi lừa. Được. Ngươi nói ngươi có thể nhẫn nhục, không nổi giận, vậy thì cánh tay kia, ta cắt cụt luôn ! Nói rồi, vua chém tuốt cánh tay kia, hỏi rằng : "Ngươi

có sân hận hay không hả ?" Vị tiên nhân đáp rằng : "Tôi vẫn không sân hận đâu". Lúc ấy vua Ca Lợi lại cầm kiếm chém nốt hai chân Ngài, xong lại hỏi : "Người có giận hay chẳng ?" Vị tiên nhân vẫn trả lời : "Tôi vẫn không giận dữ đâu. Làm sao chứng minh cho lời tôi đây ? Nếu quả thật tôi giận dữ Ngài, chân tay tôi không phục hồi được. Nếu tôi chẳng hề có chút lòng sân giận, chân tay tôi sẽ mọc ra như cũ. Đó là bằng chứng tôi không có lòng giận dữ". Khi vị tiên nhân, tức tiền thân Đức Phật Thích Ca, thốt ra lời ấy rồi, chân tay Ngài quả nhiên mọc ra như cũ.

Bấy giờ thiên long bát bộ, hộ Pháp thiện thần, khi thấy vua Ca lợi tàn ác dám cắt tứ chi của kẻ tu hành như vậy thì họ liền hiển oai thần, giáng mưa đá xuống người vua Ca Lợi. Lúc ấy vua biết sự lợi hại, thấy được thần thông biến hóa của vị tiên, nên vua liền chạy đến quỳ trước mặt vị tiên nhân, cầu sám hối. Vị tiên ấy mới phát nguyện rằng : "Nếu ta không thành Phật thì chẳng có gì đáng nói. Nếu ngày nào đó ta thành Phật, ta sẽ độ cho ông thành Phật trước hết. Nếu ông không

khai ngộ, không thành Phật, ta cũng chẳng thành Phật". Vì vậy sau khi Phật thành Phật rồi, Ngài liền đến vườn Lộc Uyển độ ông Kiều Trần Như trước tiên. Vị tiên nhân chính là Đức Phật Thích Ca, mà Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi.

Khi nghe đến công án trên, mình phải biết rằng : ai đối với mình không tốt, mình phải phát nguyện khi thành Phật mình độ họ ngay. Chẳng nên nói : "Mày cư xử tệ hại với tao quá. Chờ tới lúc thành Phật, tao sẽ làm mày rớt xuống địa ngục cho coi !" Chẳng nên có nguyện vọng như thế.

Khi đến vườn Lộc Uyển, Ngài ba lần giảng Pháp Tứ Đế (gọi là tam chuyển Tứ Đế Pháp Luân) cho năm vị tỳ kheo :

Lần đầu chuyển Pháp Tứ Đế là :

* Đây là Khổ. Tánh của khổ là bức bách.

* Đây là Tập (nguyên nhân của khổ).
Tánh của tập là chiêu cảm.

* Đây là Diệt (sự chấm dứt đau khổ). Sự
dứt khổ có thể chứng đắc.

* Đây là Đạo (con đường dứt khổ) Con đường dứt khổ có thể tu tập đặng.

Lần thứ hai chuyển pháp Tứ Đế là :

* Đây là khổ, con phải biết.

* Đây là nguyên nhân của khổ, con phải đoạn trừ.

* Đây là sự hết khổ, con phải chứng đắc.

* Đây là con đường hết khổ, con phải tu tập.

Lần thứ ba chuyển Pháp Tứ Đế là ;

* Đây là khổ, ta đã biết, không cần biết thêm nữa.

* Đây là nguyên nhân khổ, ta đã đoạn hết, không cần đoạn thêm nữa.

* Đây là sự hết khổ, ta đã dứt sạch, không cần dứt thêm gì nữa.

* Đây là con đường hết khổ, ta đã tu thành, không cần tu thêm nữa.

Khi Phật ba lần quay bánh xe Pháp Tứ Đế rồi, Ngài dạy rằng : "Này Kiều Trần Như, hiện giờ ông đang bị khách trần quấy nhiễu,

khiến ông chẳngặng giải thoát". Khi Kiều Trần Như nghe tới hai chữ khách trần thì Ngài liền khai ngộ. Sao gọi là khách ? Tức không phải ông chủ. Sao gọi là trần ? Trần hay bụi bặm là thứ không sạch sẽ. Tự tánh của ta vốn là ông chủ, tự tánh của ta vốn thanh tịnh. Do đó Ngài khai ngộ nó, được Phật đặt tên là "Giải Bỏ tế", nghĩa là thông đạt lý giải chân lý sẵn có xưa nay.

Thanh Văn tặng chúng "*Bất luận nam nữ*"; người nữ cũng có thể chứng quả, người nam cũng chứng được quả. Hề chứng quả tức thành Thanh Văn, A La Hán. Ví như mẹ của Ngài Cứu Ma La Thập đã chứngặng tam quả A La Hán.

Tứ Đế Quán Hành : Quán Hành nghĩa là quán sát tu hành. Quán sát tu hành gì ? Tức là Tứ Đế : Khổ tập diệt đạo. Phải biết khổ, đoạn trừ tập nhân, hướng về diệt, tu hành đạo Pháp. Đó là tu Pháp môn Tứ Đế.

Ẩn thật thị quyền : Các bậc Thanh Văn này, có Ngài vốn là bậc đại Bồ tát quyền biến hiện ra thành Thanh Văn. Do đó mới gọi là "ẩn thật", nghĩa là dấu đi công đức thật có

của các Ngài. "Thị quyền"; thị nghĩa là chỉ thị, cho thấy; quyền nghĩa là quyền xảo, phương tiện. Quý vị chờ cho họ là Thanh Văn, là tiểu thừa rồi xem thường họ. Đừng nên làm thế. Không phải ai trong các Ngài Thanh Văn đều là Bồ tát, song nhất định rằng trong các vị ấy có vị là đại thừa Bồ tát. Ngài hiện thành kẻ tiểu thừa để tiếp dẫn kẻ căn cơ tiểu thừa, khiến họ bỏ tâm nhỏ hẹp, phát tâm rộng lớn. Do đó gọi là *ẩn thật thị quyền*.

(V) Pháp giới của Chư Thiên

Lục dục Phạm Thiên
Ngũ giới thập thiện
Chủng hữu lậu nhân
Luân hồi nan đoạn.

Nghĩa là :

*Trời lục dục và Phạm Thiên
Do tu Ngũ giới, thập thiện.
Đều là chủng nhân hữu lậu
Nên khó cắt đoạn luân hồi.*

Lục Dục Phạm Thiên : Lục Dục Thiên còn gọi là Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên,

Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên hợp lại gọi là Tam Giới. Chúng ta hiện tại đang ở trong phạm vi của Tứ Thiên Vương, là một trong sáu trời ở Dục giới. Bầu trời mà mình nhìn thấy đây chính là trời Tứ vương, do bốn vị thiên vương cai quản. Trời này nằm ở lưng chừng núi Tu Di.

Người Trung Hoa thuở xưa, không biết Phật là ai, chỉ biết có thượng đế. Do đó khi vua Thang dời nhà Thương, dùng bò đen để tế trời, Ngài nói rằng : "Tôi, tiểu tử tên Lữ, dám xin dùng bò đen này, dám xin bạch với đấng Hoàng Hoàng Hậu Đế... Nếu tôi có tội, tội ấy chẳng phải của vạn dân. Nếu vạn dân làm tội, tội ấy thuộc về tôi". Ngài nói rằng : "Tôi tiểu tử tên Lữ". Vua Thang có tên là Lữ, ngài tự xưng là tiểu tử, là Ngài lễ phép tự khiêm cho mình là một đứa trẻ vô dụng, "Dám xin dùng bò đen này". Tức là dám dâng đến thứ bò sắc đen huyền. "Dám xin bạch với Hoàng Hoàng Hậu Đế". Tức là tôi xin chỉ thành khẩn thiết, bẩm trình với thượng đế. Rằng : "Nếu tôi có tội, tội ấy chẳng phải của vạn dân". Tội của tôi xin đừng đổ lên đầu người dân. Vạn

dân tức là bách tánh, dân chúng. "Vạn dân làm tội, tội ấy thuộc về tôi". Tức rằng nếu người dân có tội, xin đừng trách họ, bởi vì do tôi không dạy dỗ họ đàng hoàng, do đó tội của họ, tôi cần phải gánh chịu.

Các vị thánh nhân xưa kia chỉ tự trách mình, phạt mình; không như con người đời nay : rõ ràng biết mình có tội lỗi; thế mà cứ nói : "Ồ, chuyện ấy đâu dính gì tôi; anh ta làm đấy mà "Đó là lỗi lầm của hắn ! Tại sao lại trách tôi ?" "Ông trời thật bất công. Tại sao y giàu đến thế, mà tôi thì nghèo xơ ? Tại sao hắn sang thế mà tôi thì quá thấp hèn ?" Cứ oán trời trách người. Chuyện gì cũng chẳng bao giờ nhận rằng mình sai lầm, cứ chuyên đi kiếm lỗi kẻ khác. Thánh nhân xưa kia ai cũng luôn thừa nhận lỗi lầm của mình cả.

Tầng trời thứ hai là Đế Thích Thiên. Trời này ở giữa, phía đông có tám trời, phía tây có tám trời, bắc có tám trời, nam có tám trời. Tổng cộng là ba mươi hai trời. Đó là tầng trời thứ hai ở cõi Dục Giới.

Tầng trời thứ ba là Đạt Ma Thiên. Trong tầng trời này, chư thiên vô cùng sung sướng.

Cả ngày họ cứ ca hát, họ hát gì ?, Thì là "Tôi sung sướng lắm lắm !" Ngày đêm sáu thời họ đều vui sướng, do đó Dạ Ma dịch là thời phần, vì rằng mỗi thời khắc họ đều vô cùng sung sướng.

Tầng trời thứ tư là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất dịch là Hỷ Túc, vì lúc nào họ cũng hoan hỷ, lúc nào cũng đầy đủ mãn túc. Bởi vì họ biết tri túc nên lúc nào cũng khoái lạc. Từ sáng đến tối họ không bao giờ ưu lự, sầu muộn, hay có phiền não bức dọc gì cả. Trời ấy còn gọi là "Tai Túc Thiên" bởi vì họ biết tri túc và thường vui vẻ, không phiền não ưu tư.

Tầng trời thứ năm là Hoá Lạc Thiên. Các vị trời này đắc khoái lạc nhờ có năng lực biến hoá. Nghĩ tới áo quần thì áo quần hiện ra; nghĩ tới ăn uống thì thực phẩm tới liền. Vì họ biến hóa rất tự tại nên vô cùng sung sướng khoái lạc.

Tầng thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tha Hóa có nghĩa là các vị trời trên ấy vốn không có sự sung sướng khoái lạc, song các Ngài có năng lực tước lấy sự khoái lạc của các trời khác đem làm khoái lạc của chính

minh. Vì sao họ lại chiếm sự khoái lạc của kẻ khác để làm của mình ? Bởi vì họ không theo đạo lý; hết như bọn giặc cướp, đoạt tiền của và tài sản của kẻ khác để tự mình dùng, bất kể sự sống chết của kẻ khác.

Ở tầng trời này có rất nhiều thiên ma và quyến thuộc của chúng.

"*Lục Dục Phạm Thiên*" phía trên đã nói về Lục Dục Thiên. Phạm Thiên tức là trời Đại Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên. Các vị trời ấy do tu "*Ngũ Giới Thập Thiện*" nên đắc phước báu ở tầng trời này. Song đây là những thiện căn hữu lậu (hữu lậu nghĩa là có phiền não) nên nói rằng : "*Chủng hữu lậu nhân, luân hồi nan đoạn*". Hễ trồng nhân hữu lậu thì khó đoạn luân hồi. Phải tu hành cái nhân xuất thế thì mới thoát khỏi luân hồi.

(VI) Pháp giới của A Tu La

Tu là tánh bạo,
Hữu phước vô quyền,
Háo dùng đấu lang,
Phù trầm nghiệp khiên.

Nghĩa là :

*Tu la tánh hung bạo,
Có phước, song không quyền.
Rất thích đánh đấu nhau.
Chìm nổi theo nghiệp dấy.*

A tu la là tiếng Phạn dịch là vô đoan chính. Vô đoan chính nghĩa là xấu xí, Nam A tu la tướng mạo vô cùng xấu xí, ưa thích đấu tranh với kẻ khác. Nữ A tu la tướng mạo hết sức xinh đẹp, yêu thích đấu tranh bằng tình cảm, tức là dùng tánh đố kỵ ghen tuông, chướng ngại, vô minh, phiền não.

Tuy chúng sinh này làm thành một Pháp giới, song bất luận ở đâu trong lục đạo, hễ có chúng sinh nào thích đấu tranh, nóng nảy dữ tợn vô cùng, chỉ thích chỉ huy kẻ khác chứ không chịu bị kẻ khác chỉ huy; chỉ thích cai quản kẻ khác mà không thích bị ai cai quản, thì đó đều là biểu hiện của A tu la. A tu la ở trong loài người thì phân ra các loại ác loại thiện. Thiện A tu la chính là quân đội, binh tướng trong quốc gia. Ác A tu la tức là thứ giặc cướp, trộm cắp, kẻ thích đánh, thích sát người khác.

A tu la ở trên cõi trời thì ưa thích đánh nhau với thiên binh, thiên tướng. Suốt ngày chúng chỉ nghĩ cách đánh trời Đế Thích để cướp bảo tòa, đoạt ngôi để lên làm Đế Thích. Song le, tuy đánh nhau hoài nhưng bọn chúng luôn thua trận. Vì sao ? Bởi vì tuy bọn họ ở trên trời hưởng phước song không có quyền hành gì. Do đó, tuy đánh với thiên binh, thiên tướng mà rốt cuộc vẫn cứ thất bại.

Trong hành súc sinh cũng có A tu la. Chúng thích chèn ép kẻ đồng loại hay những súc sinh khác, thí dụ như sài lang, cọp, sư tử... là những thú thích ăn thịt súc sinh khác vì chúng có tính tình A tu la. Rắn hay chim ưng cũng là thú A tu la.

A tu la trong loài quỷ thì thích ăn hiếp loại quỷ khác. Quỷ cũng có loại thiện loại ác. Bọn ác quỷ thì không đếm xỉa tới phải trái gì cả. Xưa nay quỷ không bao giờ biết phải trái, nhưng bọn ác quỷ càng không biết đến phải trái hơn cả.

Tu la tánh bạo : Tánh tình của A tu la rất tàn bạo. *Hữu phước vô quyền* : Chúng có phước của chư thiên, song không có quyền

hành như chư thiên. Do đó chúng muốn tranh đoạt quyền lợi, song không thể tranh thắng đặng.

Các bạn hãy nhìn thế giới hiện nay : Một thế giới của A tu la. Đâu đâu cũng toàn nói chuyện đấu tranh; đấu tranh. Đấu tranh vì thứ này, tranh đấu vì thứ kia. Bạn đánh tôi ngã, tôi đẩy bạn rớt.

Phù trầm nghiệp khiên : Tùy theo nghiệp lực dẫn dắt đi theo nẻo nào thì chúng đi theo nẻo đó. Do đó, người tu hành phải tránh đấu tranh, tranh chấp với kẻ khác. Chớ nên háo thắng, thích tranh chấp. Chớ nên có tánh tình hung bạo dữ tợn. Vậy thì mình thoát ra bọn A tu la đấy.

Nói tóm lại, A tu la không hề nói tới chuyện phải trái. Bất luận với ai, chúng cũng thường nổi nóng. Nói cho rõ, thì trong chín Pháp giới của chúng sinh, thì A tu la có mặt trong năm Pháp giới rồi. Trong loại súc sinh, thì loài chim hay thú cũng có A tu la. Cá sấu là một loại A tu la ở trong nước. Loài ngựa cũng có A tu la : thứ này mà ở trong bầy ngựa thì chúng quấy nhiễu lắm, do đó gọi là

"Hại quần chi mã", con ngựa phá bầy. Loài bò cũng có A tu la đó; bò này tức là tánh A tu la. Còn chó thì đúng là bọn A tu la. Do đó người nuôi chó, thường gần gũi với chó thì có thể tiềm nhiễm tính A tu la đó. Do đó hãy cẩn thận. Chớ nên chạy theo bọn A tu la !

(VII) Pháp giới của Loài Người

Nhân đạo hòa hợp,
Công tội tương gian.
Đức thắng nghiệt giáng,
Khải hữu tha yên !

Nghĩa là :

*Hòa hợp là đạo người,
Công và tội xen lẫn
Đức thì thắng, nghiệt đọa
Nào do ai khác làm !*

Cõi người có kẻ thiện kẻ ác. Bản tánh của con người thì vốn ôn hòa, có thể hòa hợp với kẻ khác, do đó tôi nói là *nhân đạo hòa hợp. Công tội tương gian* : nghĩa là con người không phải hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác. Nếu hoàn toàn tốt thì hẳn y đã lên cõi trời rồi,

còn nếu hoàn toàn ác thì chắc chắn y đã làm súc sinh, ngạ quỷ hay đoạ địa ngục rồi. Do đó, con người cứ làm một chút công, lại phạm một chút tội. Đôi khi công nhiều, tội ít, hoặc là tội nhiều, công ít. Khi công nhiều tội ít thì mình sinh ra tại gia đình phú quý giàu sang. Nếu công ít, tội nhiều thì mình sinh vào gia đình bần cùng khốn khổ. Giữa hai thái cực này (công và tội) có ngàn vạn sự sai thù, tùy thuộc vào mức độ nhiều ít của ác nghiệp do mình tạo ra. Con người không âm cũng không dương. Vì thuần âm thì con người sẽ biến thành quỷ, mà thuần dương thì con người sẽ thăng thiên hết, không còn gì là loài người nữa !

Đức thắng nghiệp giáng ; Nếu làm chuyện thiện, hay công đức thì bạn sẽ thăng lên. Nếu tạo tội nghiệp thì bạn đoạ lạc. *Khải hữu tha yên :* Không ai có thể bắt bạn đoạ địa ngục, hay làm ngạ quỷ, hay biến thành súc sinh được. Tất cả đều do bạn tự mình tạo. Rằng : "Mình làm, mình chịu". Tự mình làm ra thì tự mình phải lãnh hậu quả. Đó là cõi người.

(VIII) Pháp giới Loài Súc Sinh

Súc sinh háo tham,
Đa nhi vô yểm,
Tương hắc tác bạch
Thị phi mặc biện.

Nghĩa là :

*Súc sinh tham lam,
Nhiều mà chẳng ngán.
Lấy đen làm trắng
Không rõ đúng sai.*

Bảy Pháp giới nói trên đều là Pháp giới tốt, bạn có thể thử nó, tới đó mà đóng kịch. Chỉ có ba Pháp giới còn lại thì bạn không thể thử cho biết đặng. Bởi vì hễ bạn đọa vào ba đường này thì e khó thoát ra được. Cho nên : "Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục". (Thân người mất đi, vạn kiếp khó khôi phục). Do đó rất nguy hiểm. Trong cõi súc sinh hiện giờ, không phải chỉ có một loại mà thôi. Súc sinh có trăm ngàn vạn ức thứ khác nhau. Chỉ nói tới loài biết bay, cũng đã có tới trăm ngàn vạn chủng loại. Loài biết chạy cũng không ít, nào là thứ nhỏ như chuột, lớn như voi, hay

các động vật lớn như hươu, gấu, ngựa, dê... những thứ ở trên mặt đất có đến trăm ngàn loài. Những loài dưới nước, nào là hải cẩu, hải mã v.v... cũng cả trăm ngàn thứ. Dù là vật lý gia, hóa học gia, sinh vật học gia động vật học gia, nào tiến sĩ hay là chuyên gia cũng không thể nào biết hết được những thứ chủng loại ấy.

Những thứ súc sinh ấy từ đâu tới ? Chỉ từ "tham" mà ra. "*Súc sinh háo tham*" : bất luận là cái gì, chúng ham nhiều, ít là không được. Bởi vì chúng "đa nhi vô yểm", có nhiều mà không biết nhàm chán. Cho nên cái đen, chúng không nhận biết rằng nó đen. Chúng cho là ; "A ! Cái này màu trắng !" Do đó ; "*Tương hắc tác bạch*". Nhận cái đen là cái trắng; cái xấu thì cho rằng tốt. Đó chính là biểu thị chúng chẳng có lý trí gì cả. Nên bất kỳ thứ gì chúng cũng tham nhiều, thậm chí tham cả thứ dơ bẩn như phân chó nữa. chúng càng ăn thứ ấy thì càng thấy ngon, thấy thơm. "*Thị phi mạc biện*" nghĩa là chúng không biết cái gì phải, cái gì trái; không biện biệt đúng sai, không rõ ràng mọi sự vì không

có lý trí nữa. Khi có lòng tham thì chúng trở nên mê muội. Thế là bị vô minh trùm phủ, không biết gì cả.

Vì thế con người như chúng ta nếu có lòng tham lam thì rất nguy hiểm; tham nhiều thì dễ dẫn tới chỗ biến thành súc sinh. Bạn ơi ! Người xuất gia nào không y chiếu theo giới luật của Phật để tu hành thì sẽọa lạc mau một chút. Do đó người xưa có câu : "Địa ngục môn tiền tăng đạo đa" (nghĩa là nơi cửa địa ngục, thầy tu và đạo sĩ nhiều lắm). Họ đứng chờ ở cửa địa ngục. Những vị đạo sĩ hay các vị thầy tu nghĩ rằng địa ngục là chỗ vui lắm, nhưng khi tới đó mới biết rằng nơi ấy chẳng vui tí gì !

(IX) Pháp giới của Ngạ Quỷ

Quỷ loại hỷ sân

Muội quả mê nhân

Vô minh điên đảo,

Nhật tịch nguyệt thâm.

Nghĩa là ;

Loài quỷ thích giận,

Mê muội nhân quả

Vô minh diên đảo

Ngày tháng chồng chất.

Đa số ai cũng biết quý. Có người tin có quý, song có kẻ nói quý chẳng có. Thậm chí nhiều Phật tử không tin có quý. Quý là gì ? Quý là một thứ âm khí, có bóng mà không có hình hài, hoặc có hình thể mà không có bóng. Nhiều khi bạn thấy một bóng đen, nhưng khi nhìn kỹ thì bóng biến mất. Hoặc nhiều khi nhìn thấy cái bóng giống như người, nhưng chỉ trông chớp mắt nó biến mất. Thật khó mà xác định rõ ràng sự thật về chuyện này.

Có bao nhiêu thứ quý ? Nhiều như số cát sông Hằng Hà vậy. Nếu bạn muốn biết rõ có bao nhiêu loại quý, bạn hãy tu Đạo. Khi tu được Ngũ nhãn, Lục thông, bạn sẽ rõ biết hết thảy có bao nhiêu loài quý.

Có người nói : "Chẳng có quý đâu !" Tôi nói với y rằng, nếu không có quý thì cũng chẳng có Phật , chẳng có người, chẳng có súc sinh. Bởi vì súc sinh, người, A tu la đều từ quý biến ra cả. Thậm chí trời, A La Hán, Duyên giác, Bồ tát, Phật cũng đều từ quý đạo mà tiến lên. Vì sao ? Vì mười Pháp giới không

rời một niệm trong tâm. Chính một niệm này tạo ra mười Pháp giới. Bạn làm việc quý thì đọa lạc vào đường quý. Làm việc người thì tới cõi người, làm việc A tu la thì tới chỗ A tu la. Làm việc của bậc A La Hán thì thành A La Hán. Làm chuyện đấng Duyên Giác thì sẽ tới đặng bậc Duyên giác. Làm việc của Bồ tát thì sẽ thành quyến thuộc của chư Bồ tát . Làm việc Phật thì thành Phật. Làm chuyện của địa ngục thì đọa địa ngục. Do đó một tâm niệm trong hiện tại tạo thành tất cả mọi chuyện.

"Quý loại hỷ sân" Phàm là quý, chúng rất thích nổi nóng, nẩy lòng sân hận. Đối xử tốt với chúng, chúng cũng sân hận; đối đãi không tốt với chúng, chúng càng sinh giận dữ. Việc gì làm chúng thích thú nhất ?

Tức là tạo rắc rối cho kẻ khác. Bạn đối xử đàng hoàng với chúng, chúng cũng gây rắc rối cho bạn. Bạn không đối xử đẹp, chúng cũng gây phiền hà. Do đó có câu : "Thấp hươg là mời quý tới". Mặc dù bạn thấp nhang là vì kính trọng chúng, song chúng tới để gây rắc rối cho bạn, làm bạn sinh bệnh. Vì vậy Khổng Tử nói : "Kính quý thần như viễn

chi". Nghĩa là ta phải cung kính quý thân, song le không nên gần gũi với chúng, nên xa cách một chút.

Muội quả mê nhân : Quả báo thì bọn chúng không hiểu biết gì; mà cái nhân, chúng cũng không rõ. Do đó chúng không biết tốt xấu. Xưa nay hễ trồng nhân tốt thì gặt quả tốt; trồng nhân lành thì gặt quả lành, trồng nhân ác thì gặt quả ác. Trồng dưa, gặt dưa; trồng đậu, được đậu. Song bọn quý không hiểu được đạo lý nhân quả này. Do đó chúng trồng cà mà mong được ớt, trồng ớt mà mong gặt được dưa leo; hoàn toàn mê muội lắm lẫn, nên nói là muội quả mê nhân.

Bọn chúng "*Vô minh điên đảo, nhật tích nguyệt thâm*" : mỗi ngày tích tập càng nhiều sự vô minh. Càng tạo nghiệp thì tội càng nặng; tội càng nặng thì lại càng tạo nghiệp. Do đó đoạ lạc vào đường quý.

(X) PHÁP GIỚI CỦA ĐỊA NGỤC

Địa ngục ưu khổ

Vô môn tự xuyên

Khởi hoặc tạo nghiệp

Thọ báo tuần hoàn.

Nghĩa là :

*Địa ngục đầy ưu khổ
Không cửa nhưng cứ vào
Khởi hoặc rồi tạo nghiệp
Chịu quả báo tuần hoàn.*

Địa ngục là chốn đau khổ cùng cực. Các bạn nào muốn du lịch ở địa ngục, tôi bảo đảm bạn sẽ tức khắc đến đó ngay. Làm sao ? Có câu rằng ;

*"Hễ sâu muộn, là dạo chơi cõi địa ngục.
Cười vui vẻ, thì già cả thành trẻ trung.
Khóc lóc hoài, tạo phòng tối chốn âm ti"*

Âu sâu phiền muộn là nhân của địa ngục. Nếu bạn cười vui vẻ, đó là nhân cõi trời. Rằng :

*Tự cổ thần tiên vô biệt pháp,
Chỉ sinh hoan hỷ bất sinh ưu.*

Nghĩa là :

*Xưa nay thần tiên chẳng phép lạ,
Chỉ sinh vui vẻ, không ưu lo.*

Nếu bạn thường thường cười vui, thì dù lớn tuổi, bạn cũng trẻ trung. Khóc lóc là một việc rắc rối lắm. *Địa ngục ưu khổ* : Nghĩa là địa ngục chẳng có gì vui vẻ khoái lạc, chỉ ưu sầu khổ sở. "*Vô môn tự xuyên*"; nghĩa là địa ngục xưa nay không có cửa. Cửa vào địa ngục chính là do mình đặc và mở ra. Mình cứ đâm mình dần vào, (như cái dùi cứ khoang vào) vào không được cũng cứ dùi vào. "*Khởi hoặc tạo nghiệp*". Vì sao dọa địa ngục ? Là vì ta vô minh mê hoặc, không hiểu biết, do đó tạo ra ác nghiệp. Bạn tu nghiệp gì, thì thọ quả báo ấy, không sai một mảy may. Đây là sự tuần hoàn không ngừng nghỉ. Nên nói rằng : "Thọ báo tuần hoàn".

Thập giới nhất tâm

Bất ly đương niệm

Năng giác thử niệm

Lập đăng bỉ ngạn.

Nghĩa là :

Mười pháp giới, một tâm,

Không ngoài niệm hiện tại,

Giác ngộ tâm niệm này,

Tức khắc lên bờ kia.

Bốn Pháp giới bậc Thánh là Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên giác và sáu Pháp giới phàm là thiên, nhân, A tu la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, tổng cộng là mười Pháp giới. Mười Pháp giới từ đâu ra ? Từ một ý niệm trong tâm hiện tại của mình. Do đó ; "Thập giới nhất tâm, bất ly đương niệm.

Năng giác thử niệm : Nếu bạn hiểu rõ về ý niệm hiện tại thì bạn sẽ lập đăng bỉ ngạn : tức khắc tới bờ kia, tức là Ma ha Bát nhã Ba la mật. Bờ kia là gì ? Là sự giác ngộ, không còn mê hoặc; phá sạch vô minh. Khi vô minh phá trừ thì pháp thân sẽ xuất hiện.



THAM HƯỞNG THỌ THÌ CẦN GÌ XUẤT GIA

Đừng cố tình nói dối, đừng làm những chuyện như "bị tai mà ăn cắp chuông"

Người xuất gia nhất định phải có một nền tảng tu hành cho vững vàng. Nền tảng vững vàng là gì ? Tức là nghiêm thủ giới luật. Người xuất gia phải cần học thuộc lòng "*Tứ Phân Luận*" tức là *Luật Sa di*, *Luật Tỳ kheo*, *Luật Tỳ kheo ni*, *Kinh Phạm Võng*, v.v... rồi nghiên cứu tường tận, thì mới đủ tư cách làm người xuất gia.

Nếu nền tảng không vững vàng, suốt ngày hết nghĩ đến tiền bạc lại nghĩ đến sắc dục thì "thân tuy xuất gia, nhưng tâm không nhập đạo". Như thế thì xa cách đạo trăm ngàn dặm. Những người xuất gia này ở trong Phật giáo làm chuyện bại hoại, không thể thừa nhận họ là người xuất gia đặng.

Người xuất gia không được đi phan duyên cái này, đi phan duyên cái khác, cũng

không được đơn độc đi ở một ngôi chùa nhỏ, kêu cư sĩ lại hộ pháp. Đơn độc tiếp thọ đồ cúng dường, hành vi như vậy không hợp với quy luật của đức Phật chế định. Nếu như mình có những hành vi này, thì phải mau mau sửa đổi, bởi vì :

Thí chủ nhất lập mẽ, trọng nhược Tu Di
Sơn.

Thực liễu bất tu Đạo, bì mao đãi giác
hoàn.

Dịch là :

*Hạt gạo thí chủ cho, nặng bằng núi Tu
Di.*

*Ăn xong chẳng tu Đạo, đeo sừng, đội
lông trỏ.*

Thuở xưa người chân chính tu đạo, ở nhà tranh, tự mình cày ruộng, tự mình ăn; tuyệt đối không nhờ vào ngoại duyên. Vì mục đích diệt lòng tham, nên họ ở nhà lá mà tu hành. Hoặc giả họ bế quan, vì muốn làm cho học vấn và đạo đức mình được chắc thật. Nếu như chân chính tu Đạo, thì có thể ở một mình đơn độc, nhưng không thể đơn độc tiếp thọ sự cúng dường của cư sĩ. Làm vậy là đem Chính

pháp biến thành Mạt pháp, cũng là phá hoại Phật giáo.

Hiện tại người tu hành thích đơn độc tu ở nơi tịnh xá. Tại sao vậy ? Bởi vì nếu họ không giữ giới luật thì chẳng có người nào thấy, phạm qui củ cũng không có ai biết được, có thể tùy tâm sở dục, muốn làm gì, chẳng có ai quản thúc, được tự do tự tại, có thể nói rằng không có ràng buộc gì cả. Hoặc giả có kẻ khác thì ở trong tịnh xá của mình chiêu tập một số cư sĩ, lại nói là làm pháp này hội nọ, nhưng thực tế chỉ là mượn áo nhà Phật, nhờ vào danh Phật để kiếm miếng ăn mà thôi.

Có những người xuất gia, không dùng tiền cúng dường của cư sĩ vào những việc Phật sự, ngược lại lợi dụng tiền đó đi mua những vật xa xỉ, xe hơi, làm những điều ích lợi riêng tư. Hoặc giả là mau T.V., rồi ngày ngày coi T.V., quên lãng cả việc tụng kinh sớm tối. Hoặc giả là mua tủ lạnh để chứa những thức ngon vật lạ. Nói tóm lại, họ đắm trước sự hưởng thụ, tham đồ vật, tham sung sướng. Phong khí hiện tại chính thật là như vậy. Họ đem tính chất khổ hạnh của Phật

giáo hoàn toàn biến cải, thật là cô phụ sự khổ tâm của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật xưa kia vậy !

Có người lại nói : "Người tu hành có thể tránh được cái chết hay sao ?" Bạn tu hành, tới khi chết cũng phải chết, song trước khi chết tâm mình sáng suốt, tuyệt đối không phiền não, không rối ren, an nhiên mà chết. Nếu mình không tu hành, tới lúc chết thì cũng chết vậy; nhưng chết một cách hồ đồ, mơ màng, mê muội. Không nhớ nam, cũng nhớ bắc, lòng không thanh tịnh, ôm hận mà chết. Đó là chỗ khác biệt, quý vị có biết chăng ?

Đối với người tu hành chân chính, lúc chết tâm họ rất sáng sủa, biết mình từ đâu tới và sẽ đi về đâu; rõ ràng không có mơ hồ gì cả, không quên đi bản lai diện mục của mình. Người không tu hành lúc tới thì mơ màng, khi đi thì lại càng hồ đồ, cả một đời mê muội. Họ không biết gì lý do gì mình tới, rồi vì sao đi. Cũng không biết từ đâu lại, rồi đi về đâu. Hoàn toàn mù mịt.

Mục đích xuất gia là liễu sinh thoát tử, không vì hưởng thọ. Nên khi đã đi tu rồi cần

gì phải tham lam vật chất hưởng thụ ? Có lòng tham hưởng thụ thì cần gì xuất gia ? Tôi chủ trương rằng bất luận ai muốn đơn độc trụ một ngôi chùa nhỏ để tìm cách hưởng thụ, thì chi bằng hoàn tục cho rồi. Bởi vì sao ? Bởi vì hoàn tục so với đơn độc trụ một chùa nhỏ tốt hơn nhiều, không tạo nên những tội nghiệp vừa kể. Điểm đó hy vọng quý vị đại chúng chú ý.

Nói rằng người tu hành đơn độc trụ nơi một chùa nhỏ mục đích không phải là để tu hành mà tại tham đồ hưởng thụ cúng dường, câu nói đó nhất định có nhiều người không muốn nghe. Tôi không cần biết vị có muốn nghe hay không, tôi vẫn nói vì nghĩ đến tiền đồ của Phật giáo. Nên chỉ nói ra, khiến người khác khó chịu. Thêm một lần nữa : "Phàm là người xuất gia thích hưởng thụ, không có sự tu trì, thì bất quá chỉ đội lốt thầy tu thôi". Hy vọng các đạo hữu khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, đừng cố tình nói dối, đừng làm chuyện như "Bịt tai mà ăn cắp chuông". Lấy vải thưa che mắt thánh.

Giảng ngày 11 tháng 11 năm 1983

NGƯỜI XUẤT GIA PHẢI TỤNG BA BỘ KINH

Nếu bạn lý hội cảnh giới ba bộ kinh này thì mới không uổng làm tín đồ Phật giáo.

Ba bộ kinh đó là gì ? Đó là *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Lăng Nghiêm*, và *Kinh Pháp Hoa*. Ba bộ kinh này là do Đức Thích Ca Mâu Ni Phật kim khẩu nói ra, Ngài A Nan Tôn Giả thuật lại, sau đó viết lên lá bối hầu lưu truyền trong thế gian, trở thành bộ kinh điển mà người Phật giáo đồ phải học và tụng.

Người xuất gia và tại gia ở Vạn Phật Thánh Thành đều phải học tụng thuộc ba bộ kinh này. Tối thiểu là thuộc *Kinh Lăng Nghiêm*, hoặc là hai bộ hoặc là ba bộ, đó là điều lý tưởng. Nếu như liễu giải kinh nghĩa, không thể chỉ ở trên mặt chữ thôi, nếu như không cầu sự thâm giải thì không ích lợi gì. Nếu như bạn có thể lý hội được cảnh giới của ba bộ kinh này thì mới không uổng làm một tín đồ Phật giáo.

Lúc Phật ba mươi tuổi thì Ngài ngồi dưới cội bồ đề đắc thành chánh giác. Suốt hai mươi mốt ngày nhập định, Ngài vì Pháp Thân Đại sĩ mà thuyết bộ *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*; bộ kinh này bao quát tam tạng mười hai bộ, thuyết rõ cảnh giới viên dung vô ngại của vạn sự vạn vật trên vũ trụ này, cũng có thể gọi là "Cảnh giới của nhất chân Pháp giới".

Lúc Phật sáu mươi hai tuổi, Tôn giả A Nan do quá chú trọng đến học văn, đa văn, xao lãng chuyện tu trí nên tôn giả không may bị cô con gái của bà Ma Đăng Già dùng chú của trời Phạm Thiên làm khốn, thiếu chút nữa là phá giới thể. Phật phải dùng thần *Chú Lăng Nghiêm* cứu ngài A Nan thoát khỏi nữ nạn, rồi thuyết *Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm* cho ngài A Nan. Kinh này là kinh khai trí huệ, hiển minh đạo lý. Nếu khai triển chân lý trong kinh, nhất định trí huệ của ta sẽ bao la, rộng lớn như biển cả.

Lúc Phật bảy mươi hai tuổi thì Ngài ở trên núi Linh Sơn trong Hội Pháp Hoa, vì các bậc đại A La Hán, đại Bồ tát, diễn thuyết đạo

lý "Một Phật Thừa", cũng là đạo lý làm thế nào thành Phật. Lúc bấy giờ do những người theo pháp Tiểu thừa bỏ tâm hướng nhỏ hẹp đổi ra chí hướng rộng rãi, được chư Phật thọ ký tương lai thành Phật, nên *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* được xem là Kinh dạy thành Phật.

Nếu kẻ tu bắt chước học sinh, hết lòng chăm chỉ đọc sách, thì Tam tạng mười hai bộ kinh rất dễ học thuộc. Song sau khi xuất gia có kẻ tưởng rằng mình đã đầy đủ rồi, rằng niệm Phật, tham thiền, học Giáo, trì giới, trì chú là đủ rồi, do đó không học hỏi kinh điển, bởi vì họ xem nhẹ tính chất trọng yếu của chuyện học kinh. Nên kẻ đời sau thì không bằng người đời trước; tạo thành tập quán biếng nhác. Đó chính là điều bất hạnh của Phật giáo. Nếu như mình không cấp thời chỉnh đốn lại quan niệm sai lầm đó, thì tiền đồ Phật giáo không biết sẽ đi về đâu.

Giảng ngày 12 tháng 11 năm 1983



BỐN ĐẠO TRÀNG Ở TÂY PHƯƠNG : MỸ VÀ GIA NÃ ĐẠI

Bốn Đại Bồ tát đến Phương tây để
hoàng dương Phật pháp, giúp đạo Phật
phát triển rực rỡ.

Ở Trung Hoa có bốn đạo tràng :

1. Núi Ngã Đài tại tỉnh Sơn Tây là đạo
tràng của ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

2. Núi Nga My tại tỉnh Tứ Xuyên là đạo
tràng của ngài Phổ Hiền Bồ tát.

3. Núi Cửu Hoa tại tỉnh An Hối là đạo
tràng của Ngài Địa Tạng Bồ tát.

4. Núi Phổ Đà tại tỉnh Triết Giang là đạo
tràng của ngài Quán Âm Bồ tát.

Bây giờ ở Mỹ và Canada là hai nước lớn
cũng có bốn đạo tràng thuộc về Tổng Hội
Phật giáo Pháp giới, đây là căn cứ địa để
hoàng Pháp.

1. Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của ngài Quán Thế Âm Bồ tát, tôn Quán Thế Âm Bồ tát làm chủ, Địa Tạng Bồ tát làm phụ.

2. Ở Los Angeles là đạo tràng của đức Địa Tạng Bồ tát, tôn ngài Địa Tạng Vương Bồ tát làm chủ, Quán Thế Âm Bồ tát làm phụ.

3. Tại Seattle là đạo tràng của Phổ Hiền Bồ tát, tôn Phổ Hiền Bồ tát làm chủ, Văn Thù Bồ tát làm phụ.

4. Tại Vancouver là đạo tràng của Văn Thù Bồ tát, tôn ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát làm chủ, Phổ Hiền Bồ tát làm phụ.

Bốn đại Bồ tát đến phương tây để hoàng dương Phật pháp, giúp Phật giáo phát triển rực rỡ. Mỗi người, ai tin Phật giáo thì có thể tiêu trừ tham, sân, si (tam độc). Không tham, không sân, không si thì tâm địa sẽ sáng suốt, thế giới sẽ hòa bình, mãi mãi không còn chiến tranh nữa.

Những ai muốn triều bái Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thì mời tới Vancouver. Nếu muốn triều bái Phổ Hiền Bồ tát thì mời tới Seattle. Nếu muốn triều bái Quán Thế Âm Bồ tát thì mời

tới Vạn Phật Thánh Thành. Nếu muốn triều bái Địa Tạng Vương Bồ tát thì mời tới Los Angeles. Hy vọng các Phật tử có tâm kiên thành cung kính triều bái tứ đại Bồ tát, và dụng công tu học Phật pháp.



XUẤT GIA LÀ CHUYỆN CỦA BẠC ĐẠI TRƯỞNG PHU

Đại trượng phu là kẻ có tinh thần kiên nhẫn không thối lui, khắc phục hết mọi gian khổ.

Ở đời, xuất gia là chuyện hết sức hy hữu, cũng là chuyện con người khó thấu đáo. Vì sao xuất gia thì nhất định phải chịu khổ ? Bởi vì xuất gia thì không còn làm chuyện nam nữ luyện ái, không được khiêu vũ, và cũng không được ăn uống chơi bời nhậu nhẹt. Phàm nếu muốn trở thành bậc xuất chúng anh tài thì phải nhẫn chịu những điều người khác không thể nhẫn chịu được, phải chấp nhận nỗi khổ mà người khác không thể nhận nổi. Chỉ có tu luyện như vậy mới thành thân kim cương bất hoại. Cho nên nói :

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Chấm dứt mai hoa phổ tử hương ?

Dịch là :

*Không qua một lần lạnh thấu xương,
Sao dạng hoa mai nở ngát hương ?*

Người xuất gia tâm càng chuẩn bị : Xuất gia là vì muốn liễu sinh thoát tử; muốn vĩnh viễn không còn thọ nỗi khổ của sinh tử luân hồi. Dù đối diện với đủ thứ khổ ải vẫn không lo sợ, càng khổ càng tốt. Khi đụng đến đau khổ chớ đầu hàng, cải biến ý hướng ban đầu, tìm cách trở đầu thói chuyển. Mình cần phải có tinh thần kiên nhẫn, bất thối, phải khắc phục mọi khổ sở gian nan, đó mới là bậc đại trượng phu. Cho nên xuất gia không phải là chuyện mà mọi người ai cũng làm được, dù là tướng tá chưa chắc đã làm được. Do đó nói rằng : "Xuất gia là chuyện của thần thánh", không phải là chuyện của những thứ ruồi muỗi tép riêu. Có câu rằng :

Thọ khổ tức liễu khổ, hưởng phước thì
tiêu phước.

Nghĩa là :

*Chịu khổ mới hết khổ, hưởng phước là
tiêu phước.*

Quý vị coi các vị cao tăng đại đức thời xưa đều do tu khổ hạnh mà giác ngộ. Không vị Tổ sư nào do sự hưởng thọ sung sướng mà khai ngộ cả. Quý vị lòng khắp bộ *Đại Tạng Kinh* cũng không tìm được vị nào cả.

Chúng ta cần phải có tâm nhẫn nại thì mới được lợi ích nơi pháp hỷ sung mãn. Phải có tâm khắc khổ thì mới đắc trí huệ giác ngộ. Không thể đi ngược lại với Phật đạo. Mình phải luôn luôn nhiếp tâm chuyên ý dụng công, đem tâm niệm thu hồi trở lại, không có vọng tưởng vẩn vơ, đó chính là quán thúc "tâm như ngựa, ý như khí". Đừng để tâm mình chạy theo ngoại cảnh.

Khi xuất gia tu Đạo thì trước hết phải trừ khử lòng tham, phá bỏ sân hận, diệt đi si mê. Tận trừ sạch sẽ ba thứ độc đó thì trí huệ tự nhiên hiện tiền. Làm sao có thể quét sạch những thứ đó một cách triệt để ? Tức là dùng Giới, Định, Huệ (tam vô lậu học) để làm công cụ. Giới thì trị được tham, Định thì trị sân, Huệ thì trị si. Cho nên người xuất gia gọi là "Sa Môn". Sa Môn dịch ra nghĩa là "Cần Tức", tức là "Cần tu Giới, Định, Huệ tức diệt tham, sân, si". Tức là siêng năng giữ Giới, Định, Huệ, trừ diệt tham, sân, si. Nếu mọi người ai cũng hết tham sân si, thì thế giới sẽ hòa bình.

Giảng ngày 18 tháng 11 năm 1983

PHẬT TÁNH LÀ NGUỒN GỐC CỦA MỌI CHÚNG SANH

Sự sinh hóa không ngừng, không cùng tận của vạn vật trong vũ trụ đều do từ Phật tánh.

Lúc tối sơ, vũ trụ mênh mang vô cùng. Đến lúc bắt đầu khai thiên lập địa, thời chẳng có người, chẳng có chúng sinh, chẳng có thế giới, chẳng có gì cả. Nhưng khi đến kiếp "thành" thì bắt đầu có chúng sinh. Thử hỏi chúng sinh từ đâu lại ? Có người nói rằng từ nơi loài khỉ tiến hóa mà thành. Nhưng khỉ từ đâu tiến hóa ra ? Nếu như xưa kia loài khỉ có thể tiến hóa thành người, sao bây giờ không thể biến thành người ? Kỳ lạ thay ! Đây chẳng qua là học thuyết của kẻ không có trí thức, lập ra học thuyết kỳ dị rằng người là do khỉ biến thành. Nếu như thế tại sao họ không nói rằng người là do chuột biến thành, hoặc là những con sâu đầy lông lá tiến hóa ra ! Làm sao họ có thể biết rằng con chuột không phải là loài người biến thành ?

Tất cả những loài bay, nhảy, lội dưới nước, những loại cá, rùa, cua, tôm, loài người và những động vật có khí huyết; hoặc là bông hoa cây cỏ và những loại thảo mộc khác. Tổ tiên các thứ phi, tiễn, động, thực là ai ? Tất cả đều lưu xuất từ nơi Phật tánh.

Ở trong trời đất thì thiên hạ có đặc tính là sinh sinh bất tức, hóa hóa vô cùng; không ngừng sinh hóa, là vì có Phật tánh. Nếu không có Phật tánh thì mọi thứ đều bị hủy diệt, chỉ có Phật tánh là trái qua trăm ngàn vạn năm mà không diệt, luôn luôn trường tồn. Bởi vì do Phật tánh nên mới có biến hóa thành mười Pháp. Mười pháp giới này không ngoài một niệm trong tâm, một niệm tâm này tức là Phật tánh, cũng là một tên khác của Phật tánh. Cho nên con người do Phật tánh biến hóa thành, và súc sinh là do con người đọa lạc mà thành, lý thuyết này trong mười Pháp giới giải thích rất rõ ràng.

Như vậy con người ở đâu mà có ? Quý vị xem thử con gà ở đâu mà ra ? Con gà có trước hay trứng có trước ? Nếu như không có gà thì làm sao có trứng, mà nếu như không

có trứng thì cũng không thể có gà được ! Đó là chuyện của con gà, nói hoài cũng không hết lý. Như con người thì đàn ông có trước hay đàn bà có trước ? Như đàn ông có trước thì đàn ông từ nơi bụng mẹ ra, nếu như đàn bà có trước thì phải có đàn ông mới có thai được. Bởi vì thời gian trải qua lâu dài, loài người chúng ta quên mất chuyện này như thế nào, không ai tìm hiểu nữa.

Vạn sự vạn vật, căn bản đều do nơi Phật tánh, tự "có" hóa thành "vô", từ nơi "vô" biến thành "có", sinh sinh bất tức, hóa hóa vô cùng, cho nên càng hóa thì càng nhiều. Giống như những thứ sâu bọ nảy nở trong gạo vậy, ở nơi chỗ vô tình mà sinh ra hữu tình. Phật tánh thì có thể từ nơi không biến thành có, biến ra tất cả các loại chúng sinh, nhân loại, cùng là đạo lý như vậy.

Nếu như khi biến thành người, lý thuyết hoàn toàn không có lập luận. Quý vị hãy xem, diện mạo của mọi người trong mỗi quốc gia đều không giống nhau, có người da đen, vàng, trắng, đủ đủ thứ màu da. Những người đó thì do đâu mà biến ra ? Nói đi nói lại thì

cũng không tìm ra được nguyên thủy của nó. Nếu mình quy vào Phật tánh : từ nơi không biến thành có, rồi nơi có biến thành không, hóa hóa vô cùng, sinh sinh bất tức, lý luận này thì có thể nó một cách thông suốt được, mặc dù rất ít người có trình độ để hiểu biết.

Con người từ nơi chỗ không mà biến thành có, và chúng sinh cũng vậy. Bây giờ những kẻ tu Đạo thì phải ra sao ? Tức là từ có mà biến thành không, gọi là phản bản hoàn nguyên, quay về chỗ bản hữu Phật tánh. Có người hỏi như vậy thì có công dụng gì ? Thử hỏi, ngược lại làm người thì có công dụng gì ? Mình quay về với Phật tánh, để có thể sớm thành Phật đạo. Phật tánh thì trường tồn, cho dù tất cả chúng sinh đều chết hết cả rồi, nhưng Phật tánh mãi mãi vẫn không bị mai một. Tại sao tôi nói như vậy ? Bởi vì hôm nay là ngày vía Đức Địa Tạng, nguyện lực của ngài Địa Tạng Bồ tát khiến cho tôi nói điều đạo lý chân thật, căn bản làm người cho quý vị nghe, đó tức là "tự vô hóa hữu, tự hữu hóa vô". Nếu quý vị không tin thì thử hỏi tại sao trong gạo lại sinh ra các loại sâu bọ ? Con

người ở trên đời cũng giống như loài sâu bọ vậy, bất quá con người có tri giác, có linh tánh đặc biệt hơn sâu bọ mà thôi ; tuy nhiên, nếu đem so sánh với Phật thì chúng ta khác với Ngài xa. Nếu đem so sánh chúng sinh với Phật thì cũng như so sánh sâu bọ với loài người vậy.

Nếu chúng ta hiểu được như thế, thì có thể tu hành. Tu thì phải giữ tâm quân bình, giống như cây cân vậy, lúc nào cũng bình tĩnh ở trong tự tánh, không một chút gợn sóng. Nếu các vị thật sự hiểu Phật pháp, thì tôi có thể cùng với quý vị đàm luận Phật pháp, nghiên cứu làm thế nào để tu Đạo, quý vị không thật sự hiểu, ham danh háo lợi, không chịu buông bỏ tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống và ngủ nghỉ, không chịu buông bỏ những thứ đó, thì làm sao tôi có thể cùng với quý vị đàm luận Phật pháp và tu Đạo được. Quý vị phải cảnh tỉnh ! Cảnh tỉnh !

Giảng ngày 13 tháng 9 năm 1982

Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này,

Trang nghiêm cõi Phật tịnh,

Trên báo bốn trọng ân,

Dưới cứu ba đường khổ,

Nếu có ai nghe thấy,

Đều phát Bồ đề tâm,

Lúc hết báo thân này,

Cùng sanh Cực lạc Quốc.



KHAI THỊ - QUYỂN I

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THANH XUÂN
Biên tập : TRẦN XUÂN LÝ
Sửa bản in : DIỆU TUYẾT
Bìa : CHÁNH TÂM NGHIÊM
Trình bày : KIM TUYẾN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4 - Lô 11- Trần Duy Hưng - Hà Nội
ĐT : (04)5566701 - Fax : (04)5566702

In : 1.000 cuốn, khổ 14 x 20 cm.
Tại : Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng.
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM. ĐT : 8555812.
Số xuất bản : 189-131/XB-QLXB ngày 03/02/2005
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2005

Theo tông chỉ Phật giáo thì ai cũng có thể thành Phật được. Các chúng sanh thời hiện tại chính là cha mẹ của chúng ta trong đời quá khứ và cũng là những vị Phật ở tương lai. Nếu chúng ta sanh lòng sân hận đối với chúng sanh thì cũng như sân hận với cha mẹ mình và chư Phật; và như thế chúng ta trở thành những kẻ bất hiếu, đại nghịch! Do vậy, đối với chúng sanh chúng ta cần phải từ bi, kính trọng. Giữa người với người thì nên đối đãi một cách chân thành và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; chứ đừng chướng ngại, đổ kỵ nhau. Đó là điểm vĩ đại nhất của Đạo Phật.

